



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thí hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Kareni (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thí hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- **CẢM NGHĨ VỀ VU LAN** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- **GIÁO DỤC HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA** (Nguyên Siêu), trang 7
- **TẶNG LÀ ĐOÀN THỂ ĐẸP** (Thích Pháp Uyển), trang 10
- **PHÁP HỘI CHƯA TAN** (thơ Huệ Trân), trang 11
- **LÀM CHỦ TÂM MÌNH / TƯỜNG NIỆM AN SƯ** (thơ Hàn Long Ẩn & Thích Giác Chính), tr. 12
- **VÀI SUY NGHĨ VỀ GIÁO DỤC PGVN TẠI HOA KỲ** (Thích Chúc Đại), trang 13
- **SÁM HỐI VU LAN** (thơ Thương Tử Tâm), trang 15
- **VÀI ĐIỂM THÚ VỊ TRONG "CỤ TRẦN LẠC ĐẠO PHÚ"** (Thích Chúc Hiến), trang 16
- **TỨ CÚ LỤC BÁT "NƯƠNG"** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 19
- **CÚNG DƯỜNG CHA MẸ** (Quảng Tánh), trang 20
- **TÌNH MẸ TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM** (Quang Kính Võ Đình Ngoạn), trang 22
- **BỐN CHẶNG ĐƯỜNG ĐỜI, HÃY SỐNG HÒN NHIÊN...** (thơ Diệu Viên), trang 24
- **SƠ QUÁT VỀ BA PHÁP MÔN CHỈ -QUẢN-THIÊN...** (Khánh Hoàng), trang 25
- **HOÀNG TỬ HIẾU THẢO** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 29
- **BỐ THÍ BA LA MẬT** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN NHÀ SƯ** (Thích Tâm Nhãn), tr. 31
- **TÂM TỬ: ĐỌC TRONG MÙA VU LAN** (Nguyên Giác), tr. 39
- **TẠC TƯỢNG 1 & 2** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 42
- **THƯƠNG NHỚ MẸ HIỀN** (Kiều Mỹ Duyên), trang 43
- **VỀ ĐÀU, NGHIỆP, NGUYỆN** (thơ Minh Đạo), trang 45
- **LỘ TRÌNH GIẢI THOÁT TRONG ĐẠO PHẬT** (TN Hằng Như), tr. 46
- **NẤU CHAY: BÚN CHAY KHÔ** (Phạm Bình – Khánh Hằng), tr. 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **CON KHÔNG TRÒN CHỮ HIẾU / MÙA TRẮNG CỦA MẸ** (thơ Thanh Nguyễn & Đồng Thiện), trang 51
- **TRUYỆN CỰC NGẮN HOÀNG LONG**, trang 52
- **ĐÓA HOA HIẾU HẠNH** (thơ Tịnh Bình), trang 53
- **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 11** (Thích Chúc Đại), trang 54
- **THÁNG BẢY MÙA TRẮNG CỦA MẸ** (Tiểu Lục Thần Phong), tr. 59
- **TẬP NIỆM** (thơ Thy An), trang 60
- **CỜ TRỜI tập 1 – chương 11** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- **THE STORY OF A BRAHMIN WHO HAD GREAT FAITH** (Daw Tin), trang 66
- **TIẾNG ĐÀN AI OÁN** (Truyện cổ Phật Giáo), trang 67
- **PHÒNG NGỪA SÂU RĂNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 70



Báo Chánh Pháp số 153, tháng 08 năm 2024, do Thiền Viện Chánh Pháp (Oklahoma, OK) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BẢO ÂN CHA MẸ

Nhận được hình hài này từ cha mẹ, một khi con trưởng thành và có đủ nhận thức, con biết con cần phải phát triển từ thể chất đến tinh thần; vì không tự tiện về phía trước với sự bảo bọc, dìu dắt của cha mẹ, chính là vô ân.

Trong suốt những năm tháng dưới sự nuôi nấng dạy dỗ của cha mẹ, con luôn cảm nhận được tình thương bao la, vô điều kiện của cha mẹ dành cho con, dù hình thể của con đẹp hay xấu, lành lặn hay tật nguyên; dù tánh tình của con ngoan hiền hay bướng bỉnh, thông minh hay chậm lụt; và dù khi bước chân vào trường đời, con thành công hay thất bại.

Nhận thức về công ơn, cảm nhận về tình thương của cha mẹ như thế, con biết con cần phải sống như thế nào để không phụ lòng cha mẹ.

Về thể chất, con biết tự chăm sóc bản thân, không phung phí sức lực và thời giờ vào những trò chơi vô bổ làm hại đến sức khỏe; không tàn phá hủy hoại thân thể bằng sự nghiện ngập say sưa, rượu chè hút xách.

Về tinh thần, con biết phân biệt thể nào là tốt-xấu, thiện-ác; biết tuân thủ những luật tắc và lễ thói căn bản đạo đức của làng nước; biết những gì là hủ tục cần vượt bỏ, những gì là mỹ tục cần áp dụng, triển khai.

Đối với gia đình, con hiểu đây là nền tảng để xây dựng xã hội, quốc gia; vì vậy, gia đình cần sự hòa hợp êm ấm, trên dưới thuận thảo với nhau trong tình thương yêu và cảm thông; mỗi thành viên gia đình phải tự thể hiện đúng chức năng và vai trò của mình đối với các thành viên khác để có cuộc sống hài hòa, an vui.

Đối với xã hội, con ý thức rằng giữa cá nhân, gia đình và xã hội có sự tương quan chặt chẽ; cá nhân và gia đình có thể ảnh hưởng tốt/xấu đến xã hội và xã hội cũng luôn tác động tốt/xấu đến cá nhân và gia đình. Trong tương quan đó,

con phải biết tương nhượng và chia sẻ quyền lợi một cách công bằng chứ không phải lúc nào cũng chỉ biết thủ lợi về phần mình; ngược lại cũng không để xã hội chèn ép, áp bức, lợi dụng năng lực cá nhân. Con biết để trở thành người hữu dụng trong xã hội, con phải hết lòng cống hiến khả năng, công sức và thời giờ của mình để góp phần làm lợi ích cho tha nhân, vì làm lợi ích cho tha nhân cũng chính là làm lợi ích cho con và gia đình.

Đi xa hơn, ngoài phạm vi xây dựng hạnh phúc gia đình, xã hội với việc sinh nhai và giao tiếp thường ngày, con cũng tự ý thức trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc. Dân tộc là trên hết, thể chế và đảng phái chính trị chỉ là nhất thời (1).

Là công dân của một nước độc tài, con phải luôn ý thức rằng độc tài kềm hãm sự phát triển quốc gia, cưỡng đoạt sự tự do của dân tộc; vì vậy con cần phải góp phần vào tiến trình cải cách xã hội, giải thoát dân tộc ra khỏi chế độ độc tài ấy, bất kể phải trải thời gian bao lâu.

Là công dân một nước dân chủ, mà sự tự do phần thịnh được thừa hưởng từ tiền nhân và tổ phụ lập quốc, con luôn nhớ ơn, trân quý và tận lực bảo vệ di sản ấy, không để vượt mất bởi sự mạnh động của bất kỳ cá nhân, dòng tộc, thiểu số vị kỷ hay đảng phái nào có khuynh hướng độc tài, vụ lợi, phi luân. Con ý thức trách nhiệm và quyền hạn của con trong phổ thông đầu phiếu (2): sử dụng lá phiếu một cách thận trọng, đúng đắn, với ý thức tự do, với tinh thần dân chủ, bầu chọn người lãnh đạo có đạo đức và có chính sách ích nước lợi dân; không bầu chọn kẻ độc tài mị dân, tham nhũng, lạm quyền.

Khi con chính thức bước vào cuộc đời với niềm tin nơi chân-thiện-mỹ, với trí thức và kinh nghiệm của một con người có phẩm cách được huấn dục từ

cha mẹ hiền thiện, con biết những điều con suy nghĩ, nói năng và hành động như trên là cách báo ân tốt nhất mà con có thể.

Nhưng nếu không may, cha mẹ của con là những người không hiền thiện, không chánh tín (3), không chánh kiến (4), con cũng xin giữ vững phẩm cách đạo đức và hành xử chính trực của con như là cách để đền đáp ân nặng sinh dưỡng của cha mẹ. Con sẽ không mù quáng tin và nghe theo những điều bất thiện, bất chánh của cha mẹ để kéo cả gia đình vào chỗ đạo đức suy đồi, băng hoại, mà cần phải kiên nhẫn thuyết phục cha mẹ hướng về nẻo thiện chân.

Hướng về cha mẹ hiện tiền hay đã là cổ nhân, con xin tạ dạ tri ân và nguyện báo đền ân sâu bằng từ bi, trí tuệ và bằng sự lợi hành không mỗi một đối với tha nhân, đối với trần gian thống khổ này.

1) *Quan nhất thời, dân vạn đại.* Ngạn ngữ này có thể hiểu là khi ra làm quan thì chỉ làm quan một thời gian, cuối cùng cũng trở về làm thường dân như mọi người; cũng có thể hiểu rằng chính quyền hay

chức quyền chỉ một thời, còn dân mới là trường cửu.

- 2) Nguyên tắc phổ thông đầu phiếu của cộng dân không phân biệt nam nữ, sắc dân, thành phần xã hội, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, tôn giáo hay không tôn giáo... đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền tham gia bầu cử và có giá trị lá phiếu bình đẳng như nhau.
- 3) Niềm tin chân chánh sau khi trải qua sự sàng lọc của trí thức và suy nghiệm chín chắn, dựa trên nguyên lý nhân quả; tức là không mê tín, không cuồng tín.
- 4) Chánh kiến 正見: sự hiểu biết chân chánh về bản chất cuộc đời, bản chất của sinh-tử - một trong tám chi Thánh đạo (Bát Chánh Đạo hay Bát Thánh Đạo); khác với Chính kiến 政見: ý kiến hay quan điểm về chính trị, hay quan điểm riêng về việc nước. Đọc *chánh* hay *chính* đều được, nhưng nghĩa của 2 chữ *chánh/chính* ở trên hoàn toàn khác nhau. Chữ trước, *chánh* là chân chánh, ngay thật; chữ sau, *chánh* là chánh trị, chính trị, là việc trị nước, hay (theo Tự Điển Hán Việt của Thiều Chửu): "*mọi hoạt động của chính phủ, chính đảng, đoàn thể xã hội và cá nhân ở trong nước (nội chính) cũng như về quan hệ quốc tế.*"



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

BỒ ĐÀO NHA: Đại sư Chokyi Nyima Rinpoche khánh thành Trung tâm Phật pháp mới ở Lisbon

Vào ngày 3-7-2024, Đại sư Phật giáo Tây Tạng Dzogchen Chokyi Nyima Rinpoche đã đích thân khánh thành Nhà Đạo Pháp Lisbon, một trung tâm thực hành Phật giáo mới gần thủ đô Bồ Đào Nha - được liên kết với các hoạt động Phật pháp của Rinpoche vốn đang phát triển trên toàn cầu.

Nhà Đạo Pháp Lisbon được thành lập với tầm nhìn tạo ra một địa điểm mà các học viên ở Châu Âu có thể nhận được những lời giảng dạy đích thực về Phật Pháp và tham gia vào các thực hành thiền định theo truyền thống Tây Tạng.

Lễ khánh thành và ban phước chính thức của Chokyi Nyima Rinpoche bao gồm buổi giảng Pháp trực tiếp đầu tiên của ông tại trung tâm Đạo Pháp mới này.

Chokyi Nyima Rinpoche được xem là một trong những đạo sư còn sống vĩ đại nhất của truyền thống Dzogchen (hay "Đại Viên mãn") của Phật giáo Kim Cương thừa - một nhân vật hiền lành nhưng oai nghiêm với dáng vẻ âm áp và tử bi.

(Buddhistdoor Global – July 5, 2024)



Đại sư Chokyi Rinpoche



Bên trong Nhà Đạo Pháp Dharma House Lisbon

Photos:

lisbondharmahouse.org

HÀN QUỐC: Triển lãm nghệ thuật Phật giáo tại Bảo tàng Mỹ thuật Hoam thu hút 60,000 lượt khách

Cuộc triển lãm đặc biệt về nghệ thuật Phật giáo ở Đông Á, do Bảo tàng Nghệ thuật Hoam tổ chức, đã thu hút hơn 60,000 du khách. Đây là sự kiện đầu tiên trên thế giới trưng bày các tác phẩm nghệ thuật độc đáo tập trung vào chủ đề phụ nữ. Triển lãm có tựa đề "Không tì vết, như hoa sen trong bùn", trưng bày nghệ thuật Phật giáo từ Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc.

Bảo tàng đã mất 5 năm để chuẩn bị cho cuộc triển lãm đại quy mô này. Triển lãm đã thu hút cả những người yêu thích nghệ thuật trong nước lẫn quốc tế nhờ trưng bày các tác phẩm nghệ thuật quý hiếm.

Kể từ khi khai mạc vào ngày 27-3, triển lãm đã thu hút trung bình hơn 1,000 lượt khách mỗi ngày, đạt tổng số 60,000 lượt khách vào cuối tháng 5. Một chuyên gia nghệ thuật đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiện này, rằng

"Những kiệt tác nghệ thuật Phật giáo đều được trưng bày tại triển lãm, vì vậy đây là cơ hội một lần trong đời để du khách thưởng lãm tất cả chúng ở cùng một nơi".

(tipitaka.net – July 3, 2024)

MÃ LAI: Các cổ vật Phật giáo cổ được tìm thấy trong cuộc khai quật mới tại Bukit Choras

Có niên đại từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 8, các di tích cổ được tìm thấy ở Bukit Choras, miền bắc Mã Lai, là những phát hiện đáng chú ý, đáng được quan tâm - theo Bộ Du lịch, Nghệ thuật và Văn hóa Mã Lai.

Những khám phá này có ý nghĩa về mặt lịch sử và văn hóa, đã được đưa ra ánh sáng trước cuộc khai quật mới nhất - tiến hành từ ngày 21-4 đến 21-5 năm nay.

Một tượng Phật thiền định có kích thước lớn như thật là một trong những cổ vật quý giá, có được là nhờ các nhà nghiên cứu tại Đại học Sains Malaysia (USM). Những phát hiện này là bằng chứng về vị trí của Kedah cổ đại như một nền văn minh hàng hải quan trọng trong khu vực.

Điều đáng kinh ngạc là những hiện vật được phát hiện gần như ở trạng thái nguyên vẹn; tượng Phật có kích thước như người thật nói trên còn nguyên vẹn với đầu, nét mặt, y phước.

Nhóm nghiên cứu từ Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ Toàn cầu, do Tiến sĩ Nasha Rodziadi Khaw dẫn đầu, cũng đang cố gắng trục vớt 2 cổ vật khác được cho là những bức tượng Phật nhỏ bị hư hỏng và mất đầu.

(NewsNow – July 2, 2024)



*Bảo tàng Nghệ thuật Hoam ở Yongin, tỉnh Gyeonggi (Hàn Quốc)
Photo: Samsung Group*



ẤN ĐỘ: Triển lãm ảnh về 'Những di sản đan xen Thái Lan- Ấn Độ: Dòng suối của niềm tin vào Phật giáo'

Ngày 11-7 tại Bảo tàng Quốc gia ở New Delhi, cuộc triển lãm ảnh "Những di sản đan xen Thái Lan-Ấn Độ: Dòng suối của niềm tin trong Phật giáo" đã được khai mạc bởi Shri Gajendra Singh Shekhawat, Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Du lịch Ấn Độ.

Triển lãm nhằm mục đích thể hiện sự đón nhận và tôn kính sâu sắc của người dân Thái Lan đối với Xá lợi của Đức Phật và các đại đệ tử của Ngài, A la hán Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Những xá lợi này - được khai quật từ Piprahwa, Quận Siddharth Nagar của bang Uttar Pradesh - là tâm điểm của triển lãm, tượng trưng cho mối quan hệ văn hóa và truyền thống sâu sắc giữa Ấn Độ và Thái Lan.

Cuộc Triển lãm này được Vương quốc Thái Lan và Bộ Văn hóa, Chính phủ Ấn Độ đồng tổ chức với sự hỗ trợ tích cực của Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Ấn Độ tại Thái Lan, Bảo tàng Quốc gia, Liên đoàn Phật giáo Quốc tế và Hiệp hội Đại Bồ Đề.

(PIB – July 11, 2024)



Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Du lịch Ấn Độ Shri Gajendra Singh Shekhawat (đứng giữa) trong cuộc triển lãm ảnh "Những di sản đan xen Thái Lan-Ấn Độ: Dòng suối của Niềm tin trong Phật giáo"



*Bộ trưởng Shri Gajendra Singh Shekhawat xem ảnh triển lãm
Photos: PIB*

PHÁP: Cặp song sinh Tích Lan ở Paris phát hành bài hát Phật giáo

Dinuth Dewmina và Dineth Sithumina là 2 anh em sinh đôi người Tích Lan, sống cùng cha mẹ tại làng Suren gần Paris.

Hai em đã chiếm được cảm tình công chúng với bài hát "Ape Buduhamuduruwo" do nhà sư K. Ananda Thero viết.

Các em bắt đầu đi học từ năm 3 tuổi và hiện đang học năm thứ 6. Mặc dù sống ở Châu Âu nhưng các em có hiểu biết sâu sắc về Phật giáo và văn hóa Sinhala.

Chủ nhật hàng tuần, hai em tham dự trường "Dhamma Chakka" để học ngôn ngữ Sinhala và Phật giáo tại Tịnh xá Phật giáo Paris. Các em học hỏi từ Kongasdeniye Ananda Thero, cũng là vị trụ trì của Tịnh xá.

Cha mẹ nói chuyện với hai em bằng tiếng Sinhala ở nhà, bảo đảm các cậu bé thông thạo ngôn ngữ này ngay từ bé.

Dinuth thích chơi piano, còn Dineth thích chơi guitar. Cha mẹ các em đã sớm nhận ra tài năng của hai con mình và ghi danh cho các em vào một học viện nghệ thuật ở Pháp để học Âm nhạc phương Tây. Cả khúc đầu tay "Ape Buduhamuduruwo" của hai em phát hành vào tháng 5-2024 đã nhanh chóng trở nên nổi tiếng trên mạng xã hội và các kênh truyền hình.

(Sunday Times - July 13, 2024)



*Cặp song sinh Dinuth Dewmina và Dineth Sithumina
Photo: Sunday Times*

HOA KỲ: Lễ hội Phật giáo kỷ niệm Đức Phật Vệt (Boun Pha Vet) tại Storm Lake, Iowa

Vào thượng tuần tháng 7, lễ hội Phật giáo kỷ niệm Đức Phật Vệt diễn ra tại chùa Watlao Simongkhoun Chanthalam ở thị trấn Storm Lake, tiểu bang Iowa.

Hàng trăm cư dân Storm Lake đã tôn vinh văn hóa Thái và Lào trong sự kiện này.

Lễ hội kéo dài 3 ngày và trưng bày một loạt các gian hàng có màu sắc rực rỡ bán quần áo, đồ trang sức, nông sản, tác phẩm nghệ thuật và các hàng hóa khác. Các nhà cung cấp đến từ khắp đất nước Hoa Kỳ.

Sự kiện này chủ yếu thu hút người dân địa phương Thái và Lào, nhưng cũng mở cửa cho cộng đồng.

Đức Phật Vệt là một lễ hội Phật giáo truyền thống tập trung vào việc thờ cúng. Lễ hội này kỷ niệm sự tái sinh của Hoàng tử Vessantara, tiền kiếp áp chót của Đức Phật, thành Đức Phật. Những người hành lễ thường kể lại câu chuyện Đức Phật đản sinh.

Cùng ngày hôm đó, người Lào thường chuẩn bị cây tải lộc để cúng dường các nhà sư.

Lễ kỷ niệm còn có một cuộc diễn hành đại quanh khuôn viên chùa, nghi lễ cầu nguyện và các món ăn truyền thống của Thái Lan và Lào.

(Storm Lake Times - July 12, 2024)



*Chùa Watlao Simongkhoun Chanthalam ở thị trấn Storm Lake, tiểu bang Iowa
Photo: Storm Lake Times*

ẤN ĐỘ: Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung ương (CIBS) được cấp 853.4 triệu Rupees để bảo tồn văn hóa Phật giáo

Ngày 13-7-2024, Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Các vấn đề Nghĩ

viện, Kiren Rijiju đã khai mạc buổi lễ 'Bhoomi Poojan' của Khu Học thuật Nghệ thuật Truyền thống của Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung ương (CIBS) tại Choglamsar ở Leh, bang Jammu và Kashmir.

Buổi lễ bắt đầu với việc các nhà sư làm lễ cúng đất để cầu phúc cho dự án xây dựng các khu nhà Học thuật Nghệ thuật Truyền thống sắp tới được an toàn và thành công. Buổi lễ còn có một cuộc triển lãm trưng bày các bức tranh Thangka, các văn bản tâm linh và các bức tượng Đức Quán Thế Âm khác nhau.

Phó hiệu trưởng CIBS, Giáo sư Rajesh Ranjan, đã bày tỏ lòng biết ơn Bộ trưởng Rijiju vì đã giúp tài trợ cho Khu Học thuật Nghệ thuật Truyền thống. Ông nói rằng CIBS đã gửi 4 đề xuất theo Kế hoạch Phát triển Phật giáo, và 3 trong số các đề xuất đó đã được phê duyệt.

Nhấn mạnh vào nguồn gốc cổ xưa của Phật giáo, Bộ trưởng Rijiju bảo đảm sẽ hỗ trợ đầy đủ cho sự phát triển và bảo tồn của Cộng đồng Phật giáo và nền văn hóa của nó.

Ông thông báo thêm rằng theo Bộ Dân tộc Thiểu số, 853.4 triệu Rupees đã được phân bổ cho CIBS để bảo tồn Văn hóa Phật giáo.

(The Statesman - July 13, 2024)



Ông Kiren Rijiju, Bộ trưởng Bộ Các vấn đề Dân tộc thiểu số và Nghị viện Ấn Độ
Photo: News on AIR

CẢM NGHĨ VỀ VU LAN...

*Tháng Bảy mừng đón Vu lan,
Con Phật lòng đầy hân hoan,
Chư Tăng vui mừng thọ tuệ,
Ân huệ đã được Phật ban...*

*Con Phật mừng đón Vu lan,
Con thảo cháu hiền reo vang,
Bông hồng cài áo tùy cảnh... (1)
Chọn lựa một màu... riêng mang.*

*Hạnh hiếu chỉ có Vu lan,
Hương dẫn con cháu hiền ngoan,
Nhất tâm về chùa lễ Phật,
Cùng nhau đón ánh đạo vàng.*

*Vu lan tháng bảy đã về,
Tâm tư thư thái tràn trề,
Ba tháng nghiêm trì giới luật,
Xa rời tội lỗi si mê,*

*Con Phật nhất tâm tín nguyện,
Lời Phật dạy từ ngàn xưa,
Nhất tâm phụng hành lời Phật,
Chí nguyện theo dấu Phật thừa...*

*Vu lan đánh lễ Mục Liên,
Nhất tâm cứu Mẹ thắng thiên,
Gương soi cho toàn hậu bối,
Giữ giới hiếu hạnh vi tiên.*

*Chí hiếu là giữ tịnh giới,
Vâng giữ trú dạ lục thời,
Di Đà nhất tâm biệt niệm,
Hương về tịnh độ ai ơi!*

*Mỗi năm Vu lan một lần,
Làm con chí hiếu nhất tâm,
Trọn đời nhớ ơn sinh dưỡng,
Trọn đời ghi nhớ song thân...*

*Song thân đó là cha mẹ,
Song thân nằm trong tứ ân,
Một ân trong bốn ân nặng,
Vu Lan ghi nhớ bội phần...*



ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

(1) Tùy cảnh là tùy hoàn cảnh còn Mẹ hay mất Mẹ để chọn lựa màu hoa Trắng hay Đỏ.

GIÁO DỤC HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA (KINH NUÔI DƯỠNG MẸ)

Nguyễn Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Tinh thần giáo dục hiếu thảo là một công hạnh thiết thực cao thượng. Có Cha có Mẹ mới có ta. Nếu không Cha không Mẹ thì làm gì có thân ta ngày hôm nay để mà góp mặt với đời, có được quyền cao tước cả, địa vị phú quý vinh hoa. Có được thân này mới có được phương tiện để tu tập và chứng đắc thánh quả. Đây chính là con đường giáo dục hướng thượng, ngõ hầu con người nỗ lực tiếp cận để vun bồi thiện tâm làm con có hiếu có thảo với Mẹ Cha ngàn đời yêu quý. Chúng ta nghe Phật dạy:

*"Phụng dưỡng Cha và Mẹ
là công đức tối thượng."*

Hay là:

*"Tâm hiếu là tâm Phật
Hạnh hiếu là hạnh Phật."*

Chúng ta có phụng dưỡng tức là có chăm sóc miếng cơm, ly nước, chiếc áo, chiếc khăn. Khi Cha Mẹ cần giúp đỡ thì người con phải vui vẻ xin làm một cách tự nguyện chân thành mà không phải khó khăn cằn nhằn. Biểu tỏ tấm lòng, thương Mẹ thương Cha, dù phải sớm hôm cận kề, thăm Cha viếng Mẹ. Có được vậy mới đúng như lời Phật dạy: phụng dưỡng Cha Mẹ có công đức tối thượng. Từ đây chúng ta rút ra bài học làm người một cách thực tế là chúng ta trong các việc làm, lời nói và tư duy luôn đúng trên tinh thần hiếu thảo để làm cho Cha Mẹ vui. Mà Cha Mẹ vui là con có phước. Làm Cha Mẹ buồn là con mất phước, tổn đức, sẽ bị lằm lũi trong cuộc đời. Người bất hiếu với Cha Mẹ là người nghèo khổ, bần cùng, không được xã hội kính trọng, và từ đó sẽ mất tất cả. Sự yêu thương quý mến của bạn bè làng nước. Do vậy, sự hiếu thảo vô cùng quan trọng đối với người con. Hiếu thảo là một bông hoa đẹp, là rặng núi xanh, là cánh lúa vàng, là làn hơi ấm... nuôi lớn đời con trong tình tự giống nòi. Vậy thì, sao ta lại không có hiếu thảo với Mẹ Cha được. Ai được khôn lớn, có chút suy tư, có chút hiểu biết thì đều tỏ ra mình là người biết thương Cha kính Mẹ một cách tự nhiên như trời có nắng, như đêm có trăng, như biển có sóng, như núi có mây, như ngày có vui, người người chung sống. Hiếu thảo là tính giáo dục toàn diện, toàn cầu, toàn nhân loại. Hễ là con người là phải có hiếu thảo, không phân biệt Đông Tây kim cổ. Xưa nay phải là như vậy. Đông Tây là phải vậy. Có hiếu thảo như lời Phật dạy: "Hiếu là sự giàu có. Hiếu là mặt trời giữa trưa. Như đêm trăng trong

sáng. Như áng mây trời huyền diệu kỳ vĩ dệt thành hình tượng siêu nhiên. Hiếu là một tâm hồn thánh thiện, có nhiều tình thương và ân sủng."

Đích thực là vậy, tâm hiếu thảo với Mẹ Cha là tâm của chư Phật. Cái tâm đó hiển bày trong tiền thân Phật, là con chim hiếu – chim oanh vũ, đã nuôi Mẹ Cha già yếu, mù lòa một cách siêng năng, cần mẫn. Hình ảnh con Chim Hiếu là hình ảnh cho ta một bài học làm người. Là bốn phận làm con cháu luôn thương Mẹ kính Cha, tưởng nhớ ân đức sinh thành của tổ tiên, dòng tộc. Đó chính là nền văn hóa dân tộc: Uống nước nhớ nguồn. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây. Chim có tổ người có tông. Tâm Phật là như vậy. Hạnh hiếu là thuyết pháp hóa độ mẫu thân. Là kẻ vai khiêng quan tài của Cha đến nơi trà tỳ. Cái tâm Phật, cái hạnh Phật có ai bàn đến không, mà tự ngàn xưa, bài học đó còn vang

vọng, mãi cho đến hôm nay, đã quyện vào nền văn hóa dân gian, con người trên thế giới, lấy đó làm hướng vị sống để nuôi lớn tinh thần đạo đức hiếu thảo.

Tâm Phật là tâm Từ Bi. Hạnh Phật là hạnh Từ Bi luôn thể hiện việc làm ban vui cứu khổ. Ban vui cho Cha Mẹ. Cứu khổ cho Cha Mẹ mà chúng ta đã thấy trong kinh, đã nghe những bài thuyết giảng của chư tôn đức. Vậy trong kinh thấy gì, chúng ta hãy đọc Kinh Nuôi Dưỡng Mẹ trong Nikaya – Pali tạng.

"Nhân duyên ở Savatthi. Rồi Bà La Môn Mataposaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên, và nói với Thế Tôn:

Thưa Tôn Giả Gotama, con tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp con nuôi dưỡng Mẹ Cha. Thưa Tôn Giả Gotama, con làm như vậy, con có làm đúng trách nhiệm không? Tâm tư của người con có hiếu, biết tìm món ăn thiết thực đúng pháp để hiến dâng cho Cha Mẹ là một việc làm đúng, việc làm đáng kính trọng, việc làm trong ý thức hiếu thảo của người con. Trong đời sống hôm nay, tất cả ai ai đều làm được như vậy. Làm được bằng cách sớm viếng, tối thăm ân cần thưa hỏi Cha Mẹ. Dâng miếng ăn vật lạ để cúng dường. Đây là tinh thần hiếu thảo mà đức Thế Tôn khuyến thỉnh các hàng đệ tử hãy phụng hành. Biểu tượng của sự phụng



hành cho thấy Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên được tôn xưng là Đại Hiếu. Đại Hiếu Mục Kiền Liên đã dâng bát cơm cho Mẹ ở thế giới của loài quỉ đói. Đại Hiếu Mục Kiền Liên đã kiên nhẫn đức Thế Tôn rõ bày phương pháp cứu Mẹ trong dịp Đại Lễ Vu Lan – Mùa báo hiếu trong truyền thống Phật Giáo Việt Nam, mà ngày nay đã trở thành một đại lễ ăn sâu vào nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Trước khi thị tịch Tôn giả Xá Lợi Phất đã về nhà Mẹ của mình để hóa độ Mẹ. Bằng mọi cách dẫn dụ, thuyết pháp, thị hiện bằng mọi phương tiện để cho Mẹ được giác ngộ. Thật vậy, Mẹ của Tôn giả Xá Lợi Phất đã đắc quả Thánh ngay trong đêm đó, trước khi Tôn giả Xá Lợi Phất nhập Niết Bàn A La Hán. Cách trả hiếu của các bậc thánh là vậy đó, hướng dẫn Mẹ mình sớm quay về nẻo thiện, phát khởi hạnh lành, tu nhân tích đức để được giác ngộ giải thoát ngay trong đời này mà không chờ đợi đến kiếp lâu xa nào khác. Các bậc thánh trả hiếu cho Mẹ Cha được vậy, chứng tỏ rằng các ngài đã thấm thấu được công ơn trời biển Mẹ Cha vô vàn. Cho nên mỗi khi nghe đức Thế Tôn nói về hiếu thảo đối với Cha Mẹ, thì các ngài phải quyết chí đền đáp ân nghĩa sinh thành của hai đấng song thân. Vì các ngài quán thấy Cha Mẹ chịu cực khổ với con, mang nặng đẻ đau. Bú mớm mà lớn. Âm bằng mà khôn. Do vậy mà các ngài không thể không đền đáp ơn sâu, nghĩa dày của Cha Mẹ. Con đường giáo dục hiếu thảo là con đường giáo dục con người vì hiếu thảo là một cái Đạo. Cái Đạo làm người. Cái Đạo nuôi dưỡng dòng máu tổ tông. Truyền thừa giòng giống con cháu. Cái Đạo đích thực của nền văn hóa nhân bản.

Sau khi nghe Bà La Môn Mataposaka hỏi như trên, đức Thế Tôn trả lời:

"Này Bà La Môn, người làm như vậy, có làm đúng trách nhiệm. Này Bà La Môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, lại nuôi dưỡng Mẹ Cha, người ấy được nhiều công đức.

Lời đức Thế Tôn khen ngợi, ai làm được như vậy, là người có được nhiều công đức. Khi chúng ta nghe và hiểu để làm là một nhân duyên lớn đối với đời mình, còn hầu như phần lớn thì quá ít. Quá ít để có hiếu thảo với Mẹ Cha.

*"Ra đi bỏ Mẹ ở nhà
Gối nghiêng ai sửa kỳ trà ai dâng."*

Còn có chút lòng nghĩ tưởng là may mắn lắm rồi:

*"Đêm đêm khấn vái Phật Trời
Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con."*

Lời kệ, đức Thế Tôn dạy:
*"Người nào theo thường pháp
Nuôi dưỡng Mẹ và Cha
Chính do công hạnh này
Đối với Cha và Mẹ
Nhờ vậy, bậc hiền thánh
Trong đời này tán thán
Sau khi chết được sinh
Hưởng an lạc chư thiên."*

Con đường giáo dục ở nơi đây chúng ta thấy rõ, ai có lòng nuôi dưỡng Mẹ Cha đúng như pháp thì được các bậc hiền thánh trong đời tán thán, ngợi khen lòng hiếu thảo, rồi sau khi chết còn được sinh thiên để hưởng phước lạc.

Khi được nghe nói như vậy, Bà La Môn Maaposaka bạch Thế Tôn: Vì diệu thay Tôn Giả Gotama. Thật vì diệu thay Tôn Giả Gotama. Tôn Giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị ngã

đổ; phơi bày ra những gì bị che kín; chỉ đường cho những kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối, cho người có mắt thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y Tăng, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, trọn đời qui ngưỡng."

Đọc vào đoạn kinh này, chúng ta thấy vị Bà La Môn này thật dễ thương quá. Người có hiếu với Mẹ Cha, tìm đồ ăn đúng pháp để nuôi dưỡng Cha Mẹ mà lại còn có một niềm tin sâu xa nơi Phật Pháp Tăng, để xin quy y và trọn đời gìn giữ. Ở đây chúng ta có thể hiểu phương cách giáo dục của đức Phật là ấn chứng những gì đúng sự thật và khuyến khích người làm đúng theo sự thật đó. Còn tin hay không tin, làm theo hay không làm là tùy thuộc nơi họ, mà đức Phật không bắt buộc. Con đường giáo dục thực tại khách quan. Phần còn lại để cho người thẩm định và quyết định. Thẩm định và quyết định là tinh thần giáo dục người đánh thức tự kỷ. Hiểu vấn đề để giải quyết vấn đề một cách khách quan trong sáng, minh tiếp, làm chủ lòng mình rõ ràng của ý thức giáo dục.

Con đường giáo dục hiếu thảo trong đạo Phật có nhiều vô vàn, trong tự thân của mỗi người, trong tự mỗi môi trường, hoàn cảnh... Căn cơ nào trình độ nào cũng đều được đức Thế Tôn ân cần chỉ dạy. Nhưng tưởng tinh thần giáo dục Hiếu Thảo – Nuôi Dưỡng Mẹ này được mở rộng qua các kinh văn Đại Thừa, để có được cái nhìn phổ quát, trải nghiệm cho tự thân mà hoàn thành bốn phận làm con trong muôn một.

Trong kinh Vu Lan Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân:

Trên đường đi hóa độ cùng với hàng Thánh đệ tử, đức Phật thấy bên vệ đường có một đồng xương khô, Ngài bèn bước tới và sục sục ba sục, trước sự chứng kiến của hàng đại chúng. Tôn Giả A Nan liền bạch Phật:

"Thầy là Từ phụ ba phương bốn loài
Ai ai cũng kính Thầy dường ấy
Cớ sao Thầy lại sục sục xương khô?"

Nghe Tôn Giả A Nan hỏi như vậy, đức Phật giảng giải, quả thật A Nan không biết gì hết, chẳng liễu tri, thậm thấu bao nhiêu nhân duyên của kiếp người. Chẳng hiểu con đường sanh tử chồng chất bao đời sống rồi chết, chết rồi sống vô lượng kiếp không thể tính đếm, nhớ quên theo trí tuệ của con người thế gian. Kiếp này làm Mẹ, kiếp sau làm con. Kiếp này làm người, kiếp sau làm loài vật... Cứ thế vòng luân hồi vô tận. Đức Phật dạy:

*"Đồng xương dồn dập bấy lâu
Cho nên trong đó biết bao cốt hài
Chắc cũng có ông bà cha mẹ
Hoặc thân ta hoặc kẻ ta sanh
Luân hồi sanh tử, tử sanh
Lục thân đời trước thì hài còn đây
Ta lễ bái kính người tiền bối
Và ngậm ngùi vì nhớ kiếp xưa."*

Vì nhớ kiếp xưa đã là con của Mẹ. Mẹ bế! Mẹ bế! Mẹ ru! Mẹ hát con ngủ, cho con của Mẹ chóng ăn, chóng ngủ, chóng lớn, chóng khôn mà thành người hữu dụng cho đời, không uổng công Mẹ tảo tần hôm sớm vì con. Như Lai sục sục đồng xương vì kính người tiền bối, vì kính trọng ông bà, cha mẹ, kiếp trước đã sinh tiền thân của Như lai, nhưng rồi đã chết, đồng xương hỗn tạp còn đây, còn bên lề đường, không hương không khói, không

người trông coi, không ai cúng quảy, hoang tàn, điêu linh.

Tinh thần hiếu thảo này, không phải chỉ có hiện đời mà còn có cả lục thân quyến thuộc, cửu huyền thất tổ, cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ cho đến hôm nay và mãi mãi cha mẹ trong tương lai. Trả hiếu thảo cho cha mẹ trong quá khứ, vì quá khứ chúng ta đã có cha mẹ. Trả hiếu cho cha mẹ hiện đời, vì thân ta đang có hôm nay và cha mẹ còn đang sống với chúng ta hôm nay. Trả hiếu cho cha mẹ trong tương lai vì ta sẽ được cha mẹ sinh ra trong ngày tháng ở tương lai. Như vậy, ba thời chúng ta đều phải nhớ công ơn sinh thành của cha mẹ mà đền đáp công ơn hiếu thảo. Chúng ta đã nuôi dưỡng Mẹ trong quá khứ. Chúng ta đang nuôi dưỡng Mẹ trong hiện tại. Và chúng ta sẽ nuôi dưỡng Mẹ trong tương lai. Không có cha mẹ làm sao có thân ta chào đời, làm sao ta được lớn khôn thành vóc nện hình, có quyền cao tước cả, có tiếng tăm lừng lẫy trên đời. Do vậy, đức Thế Tôn dạy kinh Nuôi Dưỡng Mẹ là tinh thần giáo dục Hiếu Thảo, chúng ta phải phụng hành.

Để thấy rõ tiền trình hình thành thân của người con, đức Phật đã dạy:

*"Thân đàn bà nhiều bề cực nhọc
Sanh được con thập ngoạn cứu mang
Tháng đầu, thai đậu tợ sương
Mai chiều gìn giữ sợ tan bất thường
Tháng thứ nhì dưỡng như sữa đặc
Tháng thứ ba như cục huyết ngưng
Bốn tháng đã tượng ra hình
Năm tháng ngũ thể hiện sinh rõ ràng
Tháng thứ sáu lục căn đều đủ
Bảy tháng thì đủ bộ cốt xương
Lại thêm đủ lỗ chân lông
Cộng chung đến số tám muôn bốn ngàn
Tháng thứ tám hoàn toàn tạng phủ
Chín tháng thì đầy đủ vóc hình
Mười tháng thì đến kỳ sinh."*

Sự hình thành của một đứa con là vậy đó, những ai xem thường công đức của Mẹ mang thai con trong lòng, thì hãy nên ăn năn sám hối; nhớ đừng bất hiếu với Mẹ mà phải cư mang tội đồ, con đường đến ba cõi dữ sẽ không xa đâu, đang mở cửa để chào đón những ai bất hiếu ngỗ nghịch với mẹ, như câu chuyện – Quả báo làm Mẹ đau khổ.

Công ơn của Mẹ mang con trong lòng, công ơn của Mẹ sinh con rồi nuôi con lớn. Công ơn của Mẹ dựng vợ gả chồng nên bề gia thất cho con được an nhàn, là cả một thời gian công lao của Mẹ. Ngón ngữ trần gian không thể nói sao cho đủ. Đọc đoạn kinh trên đủ cho chúng ta một bài học làm được thân người là khó. Vậy mà hôm nay ta đã được công ơn của Mẹ mà thành tựu. Do vậy, làm con phải có hiếu thảo với Mẹ Cha.

Đức Phật dạy trong các kinh về sự phụng dưỡng Mẹ rất rõ ràng. Nhân đây, chúng ta hãy đọc qua những lời dạy ấy. Những tinh thần giáo dục Hiếu Thảo ngàn đời luôn trong sáng và mới mẻ trong con.

Kính Tâm Địa Quán:

*"Ở đời mẹ hiền chịu thai con
Mười tháng cứ mang luôn chịu khổ
Với năm dục lạc tình không đắm
Tùy thời ăn uống cũng chung đồng
Ngày đêm canh cánh lòng thương xót
Đi đứng nằm ngồi chịu khổ đau
Đến thời mãn nguyệt sinh con đại*

*Đau tựa dao gươm cắt ruột gan
Mê mẩn đong tây không phân biệt
Khấp thân đau đớn khổ nhẫn kham..."*

Kinh Bốn Sự:

"Cha mẹ đối với con, công đức cao nặng sâu dày: ân đức sản sinh từ tâm bú mớm, ân đức tắm giặt nuôi nấng trưởng thành, ân đức cung cấp các món cần dùng, ân đức chỉ dạy cách sống ở đời. Cha mẹ luôn luôn muốn con rời khổ được vui, không bao giờ xao lãng nhớ con thương con như bóng theo hình."

Kính Tâm Địa Quán:

"Ân cha hiền lớn như núi cả, ân mẹ hiền to như bể rộng, không gì hơn niềm hiếu thuận, đem vật nhỏ mọn nuôi dưỡng mẹ lành, ở đời lấy gì làm sáng, lấy gì làm tối? Mẹ hiền còn sống gọi là mặt trời giữa trưa chói sáng, mẹ hiền khuất bóng gọi là mặt trời đã lặn; mẹ hiền còn sống gọi là mặt trăng sáng tỏ, mẹ hiền mất rồi gọi là đêm tối âm u."

*"Quả đất ở đời gọi là nặng
Mẹ hiền ơn nặng quá hơn nhiều
Tu Di người đời gọi là cao
Mẹ hiền ân cao quá hơn nhiều
Gió lốc ở đời gọi là mau
Nhất niệm mẹ hiền mau hơn nhiều."*

Kính Hiếu Tử:

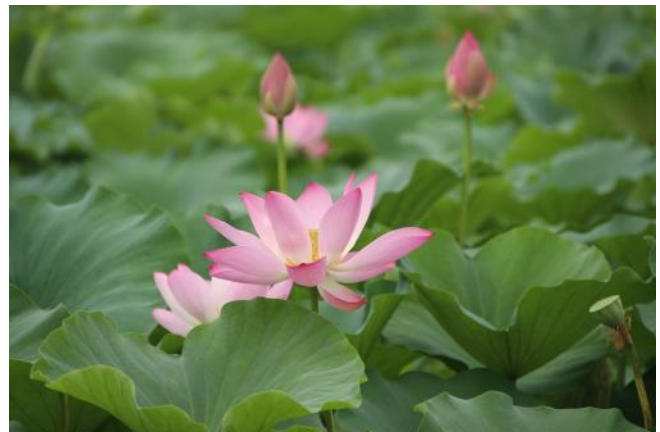
"Làm con phụng dưỡng cha mẹ, dùng trăm vị cam lồ dâng cúng cha mẹ, dùng thiên nhạc vi diệu làm vui lòng cha mẹ, sắc phục tôn quý nhất chói sáng thân cha mẹ, hai vai tự công cha mẹ đi cùng khắp bốn biển, trọn đời đáp ân nuôi dưỡng cha mẹ, như vậy chưa gọi là Hiếu. Cha mẹ không kính thờ Tam Bảo, làm con phải biết hướng dẫn cha mẹ có niềm tin sâu sắc và dốc lòng tu tập theo lời Phật dạy, như vậy mới gọi là Hiếu."

Long Thư Tịnh Độ:

"Lấy món cam lồ phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thế gian. Khuyến cha mẹ tu tịnh giới là hiếu xuất thế gian. Hiếu thế gian thì cha mẹ chỉ hưởng phước trong một đời, báo hiếu như vậy không lớn. Hiếu xuất thế gian giúp cha mẹ hưởng phước vô tận, vì cha mẹ được sinh Tịnh Độ phước thọ trái vô lượng kiếp, như vậy mới là đại hiếu."

Khi Kiết Bồ Tát Giới, đức Phật dạy rằng: "Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là Cấm Giới."

Dẫn chứng vài kinh luật như thế, để tất cả chúng ta thấy được công ơn của cha mẹ to lớn mà giữ lòng hiếu thảo, trọn phận làm con.





TĂNG LÀ ĐOÀN THỂ ĐẸP

(Bài tham luận trong Đại hội Khoáng Đại Kỳ IV, Nhiệm kỳ V
Của Tổng Vụ Tăng Sự Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK)

Thích Pháp Uyển

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Đại Tăng,
Kính thưa Đại Hội,
Trong chiều dài của dòng lịch sử phát triển Phật giáo, từ những ngày đầu tăng đoàn được thành lập tại Ấn Độ, cho đến những đoàn sứ giả mang chánh pháp của đức Phật lan toả đi muôn phương thời Vua A Dục, hay ngay cả trong thời kỳ khoa học phát triển với văn minh kỹ thuật số hiện nay, Tăng Ni và tự viện là nơi hiện hữu của Phật – Pháp – Tăng. Vì vậy, vấn đề thanh tịnh, hoà hợp của các vị tỷ kheo tăng và tỷ kheo ni là biểu hiện sự hiện hữu của đức Phật trên thế gian. Do đó, GHPGVNTNHNK luôn nỗ lực kế thừa, phát huy và xây dựng tăng già thanh tịnh, hoà hợp trong Giới Pháp của đức Phật để hướng đến tinh thần của lý tưởng trang nghiêm Giáo hội, dẫn thân phụng sự, sống tốt đời, đẹp đạo và góp phần cho những thành tựu phát triển của Giáo hội như bao đời lịch đại Tổ sư đã vun bồi.

Tổng vụ Tăng Sự xin được mượn những tiêu chí để hướng đến sự phát triển trong đại hội IV nhiệm kỳ V đó là: Giới Luật, Trách Nhiệm, Hoà Hợp, Phát Triển.

1. Tiêu Chí Thứ Nhất: Giới Luật

Chúng ta có thể khẳng định là: bất cứ một tập thể nào cũng cần có kỷ cương, nhỏ là tự viện, lớn là một tổ chức Giáo hội, xa hơn nữa như là Liên Hiệp Quốc. Sẽ là hiếm hoi không lường nếu như không có kỷ cương, phi pháp, phi luật. Ngay từ khi có Tăng đoàn, đức Phật đã chế ra giới luật và những quy định cụ thể để tăng đoàn hoạt động.

Tại đại hội này, chúng ta cần nhìn thẳng vào một số vấn đề còn tồn tại để có những giải pháp vì kỷ cương của giáo hội, ngoài những giới luật mà Phật Tổ đã chế ra kỷ cương của giáo hội sẽ là những yếu tố tiên quyết cho tất cả những thành tựu Phật sự của giáo hội. Chúng ta đều biết, trong kinh Di Giáo Đức Phật dạy về sự tối quan trọng của Giới luật: Giới luật còn thì Phật Pháp còn. Bây giờ hơn bao giờ hết, chúng ta cần nhận thức rõ ràng rằng: kỷ cương còn thì giáo hội còn.

Hiện nay, có 133 thành viên và 103 tự viện trực thuộc GHPGVNTNHNK, vậy thì sự phát triển như thế nào chính là ở nhận thức và kỷ cương của mỗi tập thể cá nhân thành viên của Giáo hội. Lời nói, việc làm của tăng ni trong thời đại 4.0 này rất là nhạy cảm dễ bị vợ đũa cả nắm. Hàng triệu việc tốt mà Tăng Ni, Phật tử đã làm cho đời thì chẳng được mấy ai nhắc đến; hình ảnh của tăng ni đầy đủ giới hạnh trong cái nhìn của xã hội hiện đại vẫn luôn là một

lĩnh vực khó khăn để kiện toàn. Nhân sự đông phát triển mạnh nhưng thiếu đi Kỷ Cương chắc chắn sẽ là mối họa lớn.

2. Tiêu Chí Thứ Hai: Trách Nhiệm

Ở Hoa Kỳ, qua nhiều thế hệ chư Tôn đức vì sự hoằng truyền Phật pháp để ngày nay GHPGVNTNHNK, Tăng Ni Phật tử được kế thừa những thành tựu về sự phát triển cơ sở tự viện cũng như mọi thuận duyên cho việc hoằng pháp hiện tại, chắc hẳn chư Tôn đức tiền bối luôn gắn trách nhiệm của mình với sứ mệnh: “Tác Như Lai Sứ, Hành Như Lai Sự”.

GHPGVNTNHNK hôm nay và mỗi thành viên Tăng Ni Phật tử hẳn sẽ nhận thức rõ hơn trách nhiệm của mình với sứ mệnh thiêng liêng cao cả trong việc hoằng dương Phật pháp trên đất khách quê người, với biết bao khó khăn, từ ngôn ngữ, tài chánh, luật pháp và nhiều thứ khác nữa của xã hội mới mà mình chưa hiểu hết. Thế nhưng, chư tôn đức tăng ni đã và đang âm thầm cống hiến cho đời vì lý tưởng cao cả của những người xuất gia một lòng vì tâm nguyện “Thượng cầu Phật Đạo, Hạ Hoá Chúng Sanh.” Mong sao mỗi chúng ta luôn ý thức được trách nhiệm và lý tưởng xuất gia của mình vì sự phát triển của giáo hội thì hơn bao giờ hết, chúng ta cần nêu cao trách nhiệm của mình để mọi hoạt động Phật sự ngày càng nhiều thành tựu.

3. Tiêu Chí Thứ Ba: Hoà Hợp

Đức Phật đã xây dựng tăng đoàn bằng tinh thần lục hoà cộng trụ. Ngài từng dạy: “*Này các tỷ kheo ngày nào các vị còn giữ sự hoà hợp thường xuyên hội họp để học hỏi với nhau, ngày ấy tăng đoàn còn tiếp tục phát triển và hưng thịnh.*”

Ngày nào các vị còn giữ sự thống nhất và hoà thuận khi hội tụ với nhau hay khi cùng thảo luận những quyết định quan trọng, ngày nào quý vị còn triết để tôn trọng và tuân thủ những giới luật mà Như lai đã chế định để giúp đỡ các vị, không bày thêm những giới luật mới khó khăn và áp đặt, ngày ấy tăng đoàn không bị suy thoái và huỷ diệt.

Trong nhiệm kỳ mới này, chúng tôi luôn mong mỗi các hội đồng của giáo hội luôn hoà hợp, nhẹ nhàng cùng nhau chia sẻ những khó khăn của các thành viên trong Giáo hội. Đồng thời giúp đỡ những tự viện thuộc thành viên giáo hội gặp khó khăn trong việc xây dựng và phát triển, để giúp cho Giáo hội ngày càng gắn kết hơn nữa, cũng nhằm để bảo vệ hình ảnh đẹp của tăng đoàn trước những thách thức của thời đại.

4. Tiêu Chí Thứ Tư: Phát Triển

Phát triển GHPGVNTNHNK trước những thời cơ thuận duyên và nghịch cảnh là một thách thức không hề nhỏ, nó đòi hỏi sự đồng lòng trí tuệ, sáng tạo và không thể thiếu quan tâm chia sẻ với nhau một cách bình dị, tạo cho nhau sự thoải mái khi sinh hoạt chung của các cấp giáo hội và mỗi thành viên. Trong bối cảnh phát giáo hội nhập và phát triển trên đất nước tự do có nhiều biến chuyển, nền tảng đạo đức gia đình, xã hội có phần lung lay trước nhu cầu vật chất thì hơn bao giờ hết, giá trị đạo đức phát giáo cần được đề cao và cần có Tầng Ni xiển dương những giá trị tốt đẹp đó.

Muốn phát triển thì chúng ta cần đổi mới tư duy trong việc điều hành phát sự, khuyến khích trọng dụng, những người có khả năng và hy sinh phụng sự vì Tầng Ni Trụ trì các tự viện là cánh tay nối dài của Giáo hội, là hình ảnh tốt hay xấu của xã hội, là niềm tin của Phật tử, nếu xét thấy cần thiết thì giáo hội phải đẩy mạnh việc bảo vệ, giúp đỡ cho tầng ni gặp khó khăn vì đây chính là bảo vệ hình ảnh cao đẹp của Tầng đoàn.

Phát triển GHPGVNTNHNK trong thời đại khoa học công nghệ và sự chuyển biến không ngừng của xã hội là một thách thức to lớn, bao trùm tất cả các hoạt động của cả hệ thống cho đến từng thành viên giáo hội. Bản thân Phật giáo tại Hoa kỳ cũng như trên toàn thế giới không phải không có những khó khăn. Thực trạng ấy càng khiến chúng ta, những người xuất gia, đặt trọn niềm tin bất động vào giáo pháp của Đức Phật.

Những khó khăn ấy sẽ được giải quyết trọn vẹn, không phải nhờ vào độ bền của một thể lực này so với một thể lực khác, mà chủ yếu dựa vào ý thức tương quan sinh tồn và sự nỗ lực giữ lấy nếp sống Chí Quán và Bất Hai mà đức Phật đã chỉ dạy. Được như vậy, chúng ta mới có khả năng vượt qua mọi chướng ngại do dị biệt giáo phái hay bất cứ yếu tố gì gây ra, để cùng nhau, trước hết, sống hoà hợp và thanh tịnh trong Giới và Pháp của đức Phật, thứ đến là cùng nhau xây dựng GHPGVNTNHNK qua việc hoằng pháp lợi sanh.

Lịch sử luôn tiến về phía trước, ngày hôm nay sẽ là quá khứ của ngày mai. Chúng ta luôn trân trọng học tập và thừa hưởng những thành quả của các bậc tiền nhân để lại, nhưng lập lại quá khứ trong hiện tại là không cần thiết. Chúng ta cần phải một lòng hoà hợp, đừng vì dị biệt mà quên đi hoài bão của các bậc tiền bối.

Tóm lại, với nội dung tham luận vừa được trình bày trước đại hội chắc chắn không trách khỏi những điều chưa thực sự phù hợp, rất mong được sự hoan hỷ của quý đại biểu. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự thành công của đại hội IV nhiệm kỳ V nhất định GHPGVNTNHNK tiếp tục phát triển vượt bậc hơn nữa trong thời gian sắp tới.

Trước khi kết thúc tham luận, chúng tôi xin kính chúc chư Tôn đức giáo phẩm chứng minh, chủ tọa đoàn, quý đại biểu vô lượng an lạc, chúc đại hội thành công viên mãn.

Trân trọng và kính chào đại hội.

PHÁP HỘI CHƯA TAN

Tích xưa ngài Trí Khải
Tham thiền Tổ Huệ Tư
Luyện “Pháp Hoa Tam Muội”
Bồng nhập định chân như
Trong định, sư thấy Phật
Ngự trên đỉnh Linh Sơn
Thuyết Pháp Hoa huyền nghĩa
Pháp Hội vẫn chưa tan...

Pháp Hội vẫn chưa tan?

Ôi nhiệm màu từ ái

Pháp Hội chưa từng tan

Vì chúng sanh còn đây

Nào chỉ Linh Sơn hội

Còn diễn đến hôm nay

Mà hàng hàng châu ngọc

Pháp Hội đang hiển bày

An trú trong chánh niệm:

“Thập phương Phật độ trung

Duy hữu Nhất Thừa pháp”

Là Pháp Hoa trong tâm

An trú trong chánh niệm:

“Sắc thực tức thị không

Không thực tức thị sắc”

Là Bát Nhã mênh mông

An trú trong chánh niệm:

“Bào, ảnh, huyễn, mộng thôi

Ứng tác như thị quán”

Là Kim Cang hiện đời

An trú trong chánh niệm:

“Giải thoát Bất Tư Nghị”

Là Duy Ma Pháp Hội

Vườn Yêm-La xa gì!

Hóa thân Phật tịch diệt

Pháp thân hằng thênh thang

An trú trong chánh niệm

Muôn Pháp Hội chưa tan

An trú trong chánh niệm

Thân, tâm, hương đạo quang

Sẽ thấy muôn Pháp Hội

Chưa từng một lần tan...

HUỆ TRÂN - HẠNH CHI

(Tào-Kê tịnh thất – Thời điểm giao mùa)



LÀM CHỦ TÂM MÌNH

(Kính gửi đến đại chúng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11 tại Atlanta - Georgia / Thích Thiện Long - Tổng thư ký HĐĐH GHPGVNTN Hoa Kỳ)

*Làm chủ tâm mình để những khi
Buồn vui, hờn giận với mê si
Cuộc đời lắm chuyện hơn thua mãi
Giữ lòng thanh thản trước thị phi.*

*Ta chẳng bao giờ hết việc đâu
Chạy theo thiên hạ chỉ thêm sâu
Tâm ta, ta biết, ta làm chủ
Ta phải tìm ta giữa biển dâu.*

*Sẽ có những ngày ta cô đơn
Một mình lạc lõng buổi hoàng hôn
Nếu ta không giữ tâm ta vững
Ta sẽ buồn thối, sâu ngập hôn.*

*Đã có bao giờ ta sợ nhân
Lang thang phiêu bạt kiếp phong trần
Ta mang một gánh tâm ô nhiễm
Rồi oán trách đời, oán trách thân!*

*Học Phật là ta trở lại ta
An vui trong thực tại đang là
Tìm hương đâu phải tìm trong gió?
Hương ở rất gần, hương trong hoa!*

HÀN LONG ẮN

TƯỞNG NIỆM TÔN SƯ

THÀNH TÂM ĐÁNH LỄ

KÍNH DÂNG GIÁC LINH NHỊ VỊ TÔN SƯ

想念尊師

課修北美繞花燈
想念深恩兩大僧
惟識學宗曾上首
律經論藏愈淵深

脛通教義名原證
博覽真乘號勝權
法會然燈同稽首
僧尼後學想深恩

後學僧覺正謹作

*Khoá tu Bắc Mỹ nhiều hoa đăng
Tưởng niệm thâm ân lưỡng đại tăng
Duy Thức học tông tăng thượng thủ
Luật kinh luận tạng đủ uyên thâm*

*Tinh thông giáo nghĩa - danh Nguyên Chứng
Bác lãm chơn thừa - hiệu Thắng Hoan
Pháp hội nhiên đăng đồng khể thủ
Tăng ni hậu học tưởng thâm ân.*



Morrow, Atlanta, GA
Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11
Đêm 12/7/2024

Đệ tử **GIÁC CHÍNH**
kính cảm tác



VÀI SUY NGHĨ VỀ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

(Bài tham luận Đại Hội Khoáng Đại IV, Nhiệm Kỳ V GHPGVNTN Hoa Kỳ)

THÍCH CHÚC ĐẠI

VĂN HÓA / GIÁO DỤC

1. Lời dẫn

Đức Thế Tôn sau khi thành đạo, Ngài đã chuyển vận bánh xe chánh pháp trên khắp lưu vực sông Hằng và khắp xứ Ấn Độ. Từ đó con đường giáo dục của Phật Giáo được hình thành. Nói đến giáo dục Phật giáo là nói đến giáo dục con người, nên giáo dục Phật Giáo phải lấy con người làm nền tảng căn bản.

Bản thân Phật giáo là nền giáo dục khế cơ, khế lý, khế thời, nên có thể thích nghi dung thông với tất cả nền văn hóa có mặt trên thế giới này. Và Phật giáo có mặt tại Hoa Kỳ cũng vậy. Trong phạm vi bài thuyết trình này, người viết chỉ nêu lên một vài điểm suy tư trong giáo dục Phật Giáo Việt Nam hiện tại tại Hoa Kỳ.

Bài thuyết trình sẽ nêu lên 3 ý chính: (1) Giáo dục Tăng Ni, (2) Giáo dục Cư Sĩ, (3) Kết luận & hướng giải quyết.

2. Giáo dục Tăng Ni

Chúng đệ tử xuất gia là rường cột của Phật pháp. Vì thế, Đức Thế Tôn đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện từng cá nhân trong Tăng đoàn. Ngài sẽ chưa vào Niết-bàn khi chúng Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni chưa thành tựu Giới-Định-Tuệ, chưa đủ khả năng truyền bá chánh pháp ở đời. Đó là lời tuyên bố của Ngài với Ac ma được ghi lại trong Trường Bộ Kinh.

Vì vậy, giáo dục Tăng Ni là giáo dục về pháp học và pháp hành để hoàn thiện con người năm uẩn. Sự hoàn thiện con người năm uẩn của mỗi cá nhân tạo nét đẹp trang nghiêm cho tập thể Tăng già. Do đó, mỗi Tỳ kheo hay Tỳ kheo Ni sống có niềm tin chân chánh, có Giới, có Định và có Trí tuệ thì hội chúng sẽ có nhiều sinh lực. Đó chính là nguồn năng lực vô biên cho sự lớn mạnh của Tăng già. Hay nói cách khác, muốn phát triển và hoàn thiện giáo dục Phật giáo, thì nền tảng giáo dục Tăng già phải thật vững chãi.

Giáo dục Tăng già có thể chia ra hai phần trọng tâm như sau:

(1) Giáo dục đạo phong: (Thuộc về pháp hành)

Việc giáo dục đạo phong của người xuất gia rất cần thiết và quan trọng. Sự giáo dục ấy, tức là

hướng dẫn để mỗi một vị xuất gia tự mình phải hoàn thiện ba chất liệu, về Giới học, Định học và Tuệ học.

Giáo dục về giới: Giúp con người nhận thức được khả năng phòng hộ, nhằm ngăn chặn các bất thiện pháp từ bên ngoài và khởi lên từ bên trong. Giúp hành giả biết rõ đâu là thiện pháp đâu là bất thiện pháp. Nếu là thiện pháp thì nên tương ứng, nếu bất thiện pháp thì nên đoạn trừ.

Giáo dục về định: Giúp con người đầy đủ năng lực định tĩnh, tâm an ổn giúp con người vượt qua những chướng nạn của nội tâm, chuyển hóa những hạt giống bất thiện thành thiện lành.

Giáo dục về tuệ: Giúp cho hành giả nhận chân được thật tướng của các pháp, thiết lập chánh kiến trên con đường đạo, dẫn đến đạo lộ giải thoát. [1]

Trong đạo Phật, đức tin là bước đầu, thiện định chỉ là phương tiện và cốt tủy của đạo Phật là trí tuệ. Cho nên, mỗi vị tỳ kheo

cần phải bồi dưỡng và giữ gìn trí tuệ như là tài sản quý báu nhất của mình, để nuôi dưỡng đời sống phạm hạnh ngày một thăng hoa.

(2) Giáo dục kiến thức: (Thuộc về pháp học)

2.1 Kiến thức về giáo pháp

Mỗi một vị hành giả, cố gắng tự trang bị cho mình một kiến thức Phật pháp vững chãi, làm hành trang cho mình trong quá trình thực tập và hướng dẫn chúng đệ tử cùng tu học với mình. Vì vậy, những khóa tu học của Giáo Hội, cần được quan tâm đến giáo dục cho Tăng Ni.

2.2 Kiến thức về chuyên môn

Mỗi vị Tăng sĩ cần được huấn luyện kiến thức về chuyên môn, như hướng dẫn khóa tu, thuyết giảng, nghi lễ, kinh nghiệm thiết lập đạo tràng. Chính vì thế, nên Giáo Hội cần lưu tâm đến việc thành cử các vị có chuyên môn để bồi dưỡng, hoặc chia sẻ trong các mùa an cư hay khóa tu học Phật Pháp của Giáo Hội.

3. Giáo dục cư sĩ

Nói đến cư sĩ là nói đến những người thiện nam tín nữ Phật tử đang thực tập theo giáo pháp của



Phật. Nên việc giáo dục cũng cần thích ứng với đời sống sinh hoạt của Phật tử tại gia. Trong phạm vi này xin được trình hai vấn đề:

Đối tượng giáo dục, (2) Phương thức giáo dục.

3.1 Đối tượng giáo dục

Giáo dục cho người lớn

Nhu cầu học hỏi Phật Pháp của quý thiện nam tín nữ trong thời buổi hiện tại là rất lớn. Chúng tại gia học từ các Chùa và đặc biệt học Phật Pháp qua các thông tin mạng truyền thông. Các đối tượng học Phật cũng không đồng. Tuy nhiên, cũng sẽ tạo ra những phản ứng ngược khi học pháp mà không có chánh tín trên bước đường tu học. Do vậy, việc tìm hiểu nhu cầu tu học của thiện nam tín nữ là gì? mà có thể lập các đạo tràng tu học theo tháng, theo mùa hay theo quý. Điều này Hội đồng hoằng pháp đã từng làm.

Giáo dục cho thanh thiếu niên

Thời buổi hiện tại là thời buổi công nghệ kỹ thuật số, nên các em dường như mất đi phương hướng sống. Các em hầu như phần đông xa rời thế giới con người mà chỉ tập chú vào các thiết bị điện tử. Dẫn đến hiện tượng trầm cảm trở nên rất nhiều, và có khi quên hẳn đời sống đạo đức tâm linh.

3.2 Phương thức giáo dục

Đối với người lớn

Nên có những khóa tu học theo chủ đề hoặc chuyên sâu về giáo lý đối với thiện nam tín nữ, để thiết lập niềm tin Tam bảo vững chãi [2]. Như Bát chánh đạo, Tứ nhiếp pháp, Lục độ vạn hạnh... Đối với cư sĩ tại gia nên khuyến tấn thực hành những kinh văn liên hệ đến đời sống và ứng dụng ngay trong đời sống thực tại, nhằm tháo gỡ những khổ đau trong đời sống. Ví dụ: như Kinh Thiện sinh, Kinh phúc đức, Kinh người áo trắng, Kinh châu báu... Tất cả kinh văn cho người cư sĩ phải đặt trên niềm tin phát triển về Tín, Văn, Giới, Thí và Tuệ. Có như vậy thì chúng ta sẽ giúp cho người Phật tử: (1) hiểu biết sâu sắc về cuộc sống bản thân, (2) phát triển con đường thực tập tâm linh, (3) hướng dẫn đời sống đạo đức, (4) xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với xã hội và cộng đồng, (5) đạt được những giá trị bình an trong cuộc sống. Bên cạnh cũng nên thiết lập chương trình Phật hóa gia đình, nhằm thúc đẩy tinh thần học Phật của cả một gia đình theo hướng tích cực, cả nhà cùng tu, cả nhà cùng hưởng thụ. Để xây dựng chương trình Phật hóa gia đình, một mặt phải bắt đầu từ mỗi cá nhân và nỗ lực biến gia đình thành Phật tử. Mặt khác, trên cơ sở cùng quan điểm, cùng tu tập, cùng phát nguyện, họ liên hệ với nhau thành lập các nhóm cư sĩ Phật tử để trợ duyên, hộ trì cho Chư Tăng trong các khóa tu học và để thực hiện các thiện sự khác. Như trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, Đức Phật dạy cho Cấp Cô Độc: "Ở đây này gia chủ, vị Thánh đệ tử hộ trì chúng Tỳ kheo với y, hộ trì chúng Tỳ kheo với đồ ăn khất thực, hộ trì chúng Tỳ kheo với sàng tọa, hộ trì chúng Tỳ kheo với được phẩm trị bệnh".

Đối với thanh thiếu niên

Các Chùa Viện nên mở rộng các khóa tu học tuổi trẻ, hoặc lớp Việt ngữ, hoặc lớp giáo lý căn bản đạo đức cho trẻ thơ. Điều này trong 2-3 năm gần đây, các khóa tu cho thanh thiếu niên được các Chùa tổ chức nhiều. Đó là một khởi sắc tốt trên đường hướng giáo dục thế hệ tiếp nối tại hải ngoại. Bởi vì khóa tu thanh thiếu niên không chỉ đơn giản



là trại hè vui chơi mà chính là: (1) sự gần gũi, phá bỏ khoảng cách giữa quý Tăng Ni và các em, để các em tự tin hơn khi cần nương tựa về tâm linh và tu học. (2) Tìm hiểu về giáo lý thực dụng của Phật Pháp, để mỗi em có thể áp dụng trong đời sống hằng ngày bằng cách riêng của chính mình. (3) điểm tựa tâm linh, giúp các em tìm được con đường đi, vượt qua nỗi khổ niềm đau trong cuộc đời. (4) duy trì Phật giáo tại hải ngoại trong tương lai. Tuy nhiên, khóa tu tuổi trẻ cũng gặp không ít khó khăn như: hệ thống truyền thông/ Media (Facebook, Youtube, Tiktok, Instagram...): đâu đó vẫn có video thuyết giảng bằng Anh ngữ nhưng cũng rất hạn chế. Bên cạnh đấy, mặc dù một số gia đình, ông bà cha mẹ là Phật tử, đi tu học nhưng vẫn chưa quan tâm nhiều đến việc giúp các em tiếp cận Phật giáo từ tuổi nhỏ. Vì lý do đó, khi lớn, các em không cảm thấy hứng thú khi tham gia các hoạt động tu học Phật Pháp. Còn một số gia đình khác, cha mẹ chưa tạo điều kiện và quan tâm để khuyến khích các em tham gia các khóa tu học, nhằm nuôi dưỡng và chế tác năng lượng an lành trong tự thân mỗi em. Trước hoàn cảnh ấy, Giáo hội nên tìm kiếm nhân sự giảng dạy cho các em trẻ bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Tuy nhiên vẫn dựa trên nền tảng sinh hoạt Tiếng Việt. Chương trình cho các em cũng cần phải thay đổi, cập nhật liên tục để đem lại sự mới mẻ cho từng khóa tu. Ước mong quý Tăng Ni trẻ có năng lực đóng góp công sức của mình cho công cuộc hoằng pháp tại hải ngoại. Bên cạnh ấy cũng suy ngẫm xem tổ chức GDPT nên chú trọng thêm về pháp học và pháp hành không?

4. Kết luận - Hướng đi & giải pháp

Từ những luận điểm nêu trên, xin được kết luận như sau:

- Giáo dục Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ còn rất sơ khai, thêm vào đó đất nước cờ hoa này là xứ sở của đa tôn giáo, đa chủng tộc, nên việc phát triển Phật Giáo đến với mọi người cũng cần nhiều thời gian và công sức.
- Để cho giáo dục Phật giáo được hoàn thiện, thường xuyên cần phải có những khóa tu và các lớp kinh văn cho chúng xuất gia và tại gia nhằm thiết lập con đường thực tập chánh pháp được kiên cố.

- Mỗi vị tăng sĩ hay cư sĩ phật tử đều phải cố gắng tự trang bị cho mình những kiến thức về Phật học (Pháp học) và tinh tấn thực tập đời sống tâm linh (Pháp hành). Có như vậy mới làm cho chánh pháp lan tỏa muôn nơi và đem đến lợi lạc cho cuộc sống hiện tại này.
- Giáo dục Phật giáo phải thể hiện những cốt tủy của Giáo lý Phật giáo, đào tạo một thế hệ tiếp nối trên căn bản Phật giáo. Nội dung giáo dục đó phải chuyển tải đến thế hệ sau bằng những tinh hoa của Phật giáo nhất là trong giai đoạn hiện nay. Giai đoạn chuyển tiếp của một thiên niên kỷ. Phật giáo càng cần thể hiện bản chất năng động, thực tiễn của mình hơn lúc nào hết, những tính chất, những tinh hoa cốt tủy ấy đã hàng ngàn năm nay được đề cập, phân tích và biên giải hầu hết nằm trong tam tạng kinh điển Phật giáo. Đây cũng chính là Giáo dục ứng dụng.
- Giáo dục Phật giáo không chỉ là việc truyền đạt kiến thức về lịch sử và triết lý của Phật giáo, mà còn là việc thúc đẩy sự phát triển tâm linh và đạo đức của con người, nên việc giáo dục phải đặt trên nền tảng vững chắc của Trí Tuệ và Từ bi.
- Giáo hội cần phải kiện toàn nhân sự để phục vụ cho từng tầng lớp nghiên cứu và tu học phật pháp khác nhau theo từng trình độ và độ tuổi. Ví dụ: Giảng dạy cho chư tăng, giảng dạy cho Phật tử hay cho thanh thiếu đồng niên.

Xin dẫn lời dạy của Đức Phật để chúng ta cùng suy ngẫm: "Một vị Tỳ-kheo có khả năng truyền bá chánh pháp phải hội đủ tám đức tính sau: Đức lắng nghe, đức thuyết phục người khác lắng nghe, đức học hỏi, đức ghi nhớ, đức nhận thức sáng suốt, đức giúp người khác nhận thức sáng suốt, đức phân minh sự thích hợp hay không thích hợp, đức hòa mình và tạo an lạc cho tha nhân." Vị Tỳ-kheo nào hội đủ tám đức tính trên mới đảm bảo sự truyền bá chánh pháp có tầm vóc. [3]

Kính cảm ơn quý đại biểu đã lắng nghe. Kính chúc đại hội thành công viên mãn.

Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Giáo Dục
Thích Chúc Đại

[1] Kinh Trường Bộ, Kinh Đại Bát Niết Bàn, trang 314, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Nhà xuất bản Tôn giáo năm 2013.
"Này các Tỳ kheo! Chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn pháp mà Ta và các người, lâu đời phải trôi lăn trong biển sinh tử". Thế nào là bốn pháp? ① Này các Tỳ kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giới mà Ta và các người lâu đời phải trôi lăn trong biển sinh tử. ② Này các Tỳ kheo chính vì không giác ngộ Thánh định mà Ta và các người lâu đời phải trôi lăn trong biển sinh tử. ③ Này các Tỳ kheo chính vì không giác ngộ Thánh tuệ mà Ta và các người lâu đời phải trôi lăn trong biển sinh tử. ④ Này các Tỳ kheo, chính vì không giác ngộ Thánh

SÁM HỐI VU LAN

*Con cũng có một thời xưa lãng mạn
Có lúc khật khùng trốn học làm thơ
Tuổi già bỏ gói buồn muốn khóc
Cuối đời chưa viết nổi cho mẹ một bài thơ*

*Ngày xưa uống biết bao nhiêu rượu
Cũng chỉ loanh quanh chuyện thất tình
Rượu tàn rót cạn vài giọt cuối
Có phải ngày xưa lệ mẹ không?*

*Qua rồi thời rong chơi bè bạn
Tập tành đủ thói xấu tật hư
Nay về mở cửa căn nhà cũ
Đâu mẹ ngồi chờ những đêm khuya*

*Thơ này viết như một lần sám hối
Tâm động hành hương mấy cảnh chùa
Chuông chiều mộ chí ngân kính lệ
Mẹ có về theo khói nhang bay.*

thơ **THƯỜNG TỬ TÂM**

giải thoát mà Ta và các người lâu đời phải trôi lăn trong biển sinh tử.

Này các Tỳ kheo, Thánh giới được giác ngộ được chứng đạt, thời tham ái một đời sống tương lai được diệt trừ, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa."

[2] Kinh Tương Ưng Bộ II, tập V Thiên Đại phẩm, chương 11 (Tương ưng dự lưu), phẩm Phước đức sung mãn, kinh Mahanama (số 37), trang 760. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, nhà xuất bản Tôn giáo 2015.

Đức Phật trả lời cho họ Thích Mahànàma rằng: "Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ". Đức Phật dạy Mahànàma về người cư sĩ cần đầy đủ: Giới (năm giới), Tín (Phật), Thí (rộng mở và lìa xan tham), Tuệ (tuệ sanh diệt, tuệ các bậc Thánh thể nhập, đoạn tận khổ đau). Sau khi phát nguyện quy y Tam bảo trở thành người cư sĩ, tiếp theo để hoàn thiện đạo đức tự thân cần phải thọ trì năm giới (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu) và tu học các thiện pháp.

[3] Kinh Tăng Chi Bộ II, chương tám pháp, Phần sứ giả, trang 324. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, nhà xuất bản Tôn giáo 2015.

VÀI ĐIỂM THÚ VỊ TRONG "CƯ TRẦN LẠC ĐẠO PHÚ"

Thích Chúc Hiền

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Vì thời lượng không nhiều, nơi đây chỉ xin điểm qua Hồi thứ nhất trong 10 hồi của bản "Cư Trần Lạc Đạo." Nhưng trước hết, xin lược qua về tác giả:

Trúc Lâm Đầu Đà, tên thật là Trần Khâm. Sinh năm 1258, lên ngôi năm 1278, ở ngôi 15 năm từ 1278 đến 1293, nhường ngôi cho con lên làm Thượng hoàng 6 năm (từ 1293 đến 1299), sau đó ngài đi tu 9 năm (từ năm 1299 đến năm 1308). Năm 1308 ngài viên tịch. Trụ thế 50 tuổi Tây, 51 tuổi Ta.

Đó là cuộc đời của Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài là anh hùng dân tộc, là một bậc minh quân, là vị tổ khai sáng ra dòng thiền Việt Nam.

Nay đi vào Hồi Thứ Nhất:

"Minh ngồi thành thị; nết dùng sơn lâm. Muốn nghiệp lặng an nhàn thể tịnh; nửa ngày rồi tự tại thân tâm". Chính câu này mà có người cho rằng Trúc Lâm Đầu Đà đã viết *Cư Trần Lạc Đạo Phú* lúc ngài còn ở kinh thành Thăng Long.

Nhưng theo chúng tôi thì *Cư Trần Lạc Đạo Phú* được tác giả sáng tác vào thời điểm ngài đã xuất gia ở trên núi Yên Tử. Vì lòng tự hào dân tộc, niềm kiêu hãnh dân tộc, để bảo tồn nền độc lập tự chủ, bảo tồn văn hóa của Đại Việt, Trúc Lâm Đầu Đà đã sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình để viết nên *Cư Trần Lạc Đạo Phú*, một tuyệt tác văn học Thiền của Phật giáo Việt Nam. *Cư Trần Lạc Đạo Phú* với bút pháp tuyệt diệu theo lối văn biền ngẫu. Về trước đối với về sau. Câu trước đối với câu sau, tạo thành những cặp song đối thật súc tích, cô đọng rất hay, đạt đến đỉnh điểm trên phương cách sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật "Đĩ văn tài đạo": Dùng văn chớ đạo. Đây là bài văn bằng chữ Nôm đầu tiên trên dòng lịch sử văn học nước nhà.

Mở đầu Hồi thứ nhất bằng chữ "Minh" rất hay, rất tuyệt diệu! Chữ "Minh" ở đây Trúc Lâm Đầu Đà nói về chính bản thân mình đồng thời cũng để nói cho số đông. Vào thời ấy mà tác giả không dùng chữ "我: ngã" hay chữ "吾: ngô" mà là dùng chữ "Minh" rất chi là Việt Nam. Chữ "Minh" ở đây rất gần gũi, rất thân thương, dùng một chữ "Minh" này đã ôm trọn cả dân tộc Đại Việt. Ngài không dùng chữ

"居: cư" nghĩa là ở mà dùng chữ "ngồi". Chữ ngồi chữ Hán là chữ "坐: tọa". Tọa có nghĩa là ngồi. Học theo Trúc Lâm Đầu Đà, thay vì mình nói: "Mời quý vị tọa thiền," thì mình nói: "Mời quý vị ngồi thiền". Cho bớt lệ thuộc vào chữ Hán. Trong nghi thức tiến linh có bài kệ châm trà:

*"Dương Tử giang tâm thủy
Mông Sơn đỉnh thượng trà
Hương linh tam ấm liêu
Tảo sanh pháp vương gia".*

Dịch nghĩa:

"Nước giữa sông Dương Tử
Trà trên đỉnh Mông Sơn
Hương linh uống ba lần
Sớm sanh nhà Pháp Vương".

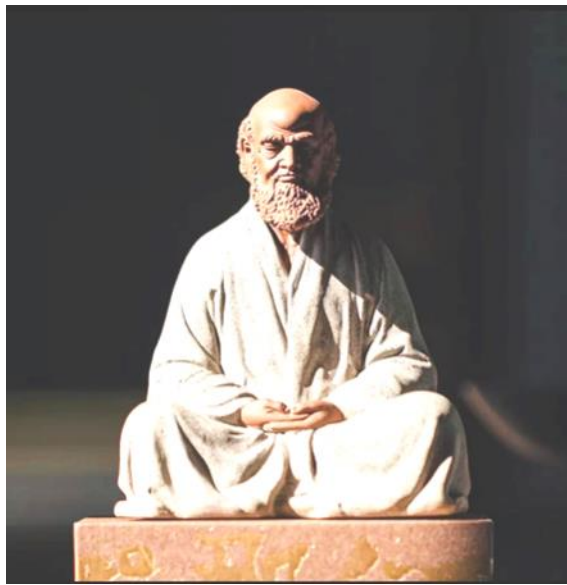
Dương Tử Giang tức là Trường Giang ở Trung Quốc là con sông dài nhất châu Á.

Mông Sơn: Cách 15 dặm về hướng Tây huyện Danh Sơn, châu Nhã An, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

Lấy trà trên đỉnh Mông Sơn pha với nước sông Dương Tử rồi đem dâng cúng cho hương linh. Hương linh uống ba lần thì hương linh được sanh vào nhà Pháp Vương. Tại sao chỉ có nước Sông Dương Tử và trà trên đỉnh Mông Sơn mới được? Khi phát hiện ra điều này, chúng tôi quyết định không đọc bài kệ này nữa. Noi theo tinh thần Trúc Lâm Đầu Đà, chúng tôi đã mạo muội viết bài kệ dâng trà mới để thay cho bài kệ trên.

*"Trà thơm ba chén hiển dăng
Ngưỡng mong linh tướng thương lòng chứng tri
Cam lồ rưới khắp mọi thì (thời)
Nghe lời kinh Phật thoát đi ách nần.
Sanh về Tịnh độ Lạc bang
Đĩ Đà giáo hóa sen vàng nhẹ nâng".*

"Thành thị" là nơi đông đúc, xô bồ. Vậy mà Trúc Lâm Đầu Đà nói: "Nết dùng sơn lâm". Nết là nết hạnh, tánh nết, nết na. Như thông thường chúng ta nói: "Cái nết đánh chết cái đẹp". Người tu chúng ta cũng có cái nết đẹp của người tu. Nết đẹp của người tu được huân đúc, tội luyện trong bốn oai nghi: Đi, đứng, ngồi, nằm. Mỗi người xuất gia khi vào chốn thiền môn, đều phải học qua bốn quyển Luật Trường Hàng. Trong đó có quyển *Tỳ Ni Nhật*



Dụng Thiết Yếu có những bài thi kệ ngắn để người tu nhiếp niệm thúc liễm thân tâm trong mọi hoạt động hằng ngày. “Nết” ở đây chỉ cho tâm tư, cốt cách, phong thái, thần thái của người ở thành thị mà như là ở nơi thanh vắng yên tĩnh, nơi núi rừng cô tịch. Phải là người đắc đạo mới có được tâm tư và đạo phong như thế. Và Trúc Lâm Đầu Đà là bậc đã đắc đạo.

“Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tánh. Nửa ngày rồi tự tại thân tâm”.

Thường chúng ta nói ba nghiệp: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp”. Ở đây ngài nói: “Muôn nghiệp”. Tức là thân nghiệp tạo ra không biết bao nhiêu là nghiệp. Khẩu nghiệp tạo ra không biết bao nhiêu là nghiệp và ý nghiệp tạo ra không biết bao nhiêu là nghiệp. Nghiệp là hành động có tác ý được lặp đi lặp lại nhiều lần. Kinh Hoa Nghiêm nói:

*“Giả sử bách thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ”.*

Nghĩa là:

*“Giả sử trăm ngàn kiếp
Những nghiệp tạo ra không mất
Khi nhân duyên hội ngộ
Quả báo mình tự nhận”.*

Nghiệp theo chúng ta như bóng với hình. Đọc bài kệ này rồi chúng ta không dám tạo nghiệp nữa. Để tiêu trừ nghiệp chướng, chúng ta nên hằng ngày sám hối, chứ không phải đợi 14 hay 30 mới sám hối. Sám hối bằng cách lạy: Lương Hoàng Sám, Thủy Sám, Ngũ Bách Danh Kinh, Hồng Danh Sám Hối, v.v...

Muôn nghiệp về thân, về khẩu, về ý lặng rồi, sạch rồi thì Thể tánh an nhàn hiện ra. Mỗi người chúng ta đều có thể tánh trong sáng, nhưng vì vô minh phiền não, nghiệp chướng che lấp. Thể tánh này chính là Bản lai diện mục của mỗi người. Chính là cái mà Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.” Chính là Tri kiến Phật, là hạt châu trong chén áo của kinh Pháp Hoa, là Thể tánh tịnh minh chơn tâm thường trú trong Kinh Lăng



Nghiêm, là “Bổn lai vô nhất vật” của Lục Tổ Huệ Năng. Thể tánh này chúng sanh và Phật như nhau. “Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng”. Bình đẳng của đạo Phật là chỗ này. Thấy được thể tánh này rồi bắt đầu tu gọi là: Kiến tánh khởi tu (見性起修). Tức là khi thấy được thể tánh rỗng lặng đó rồi thì đi đứng nằm ngồi, làm mọi việc nhưng đầu đầu nhìn thẳng vào đó một cách miên mật. Như trong “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn” thiền sư Tuệ Hải có hỏi: “Từ đâu mà tu?” Đáp: “Từ căn bản tu.” “Thể nào là từ căn bản tu?” Đáp: “Tâm là căn bản”. (Nguyên văn: 問: 從何而修? 答: 從根本修. 云何從根本修? 答: 心為根本). Mục đích của người tu là làm sao thấy cho được thể tánh đó của mình. Nếu thấy được thể tánh trong sáng đó thì tu mới thấy thú vị. Còn như không thấy được thì thể tánh ấy thì tu không có gì thú vị. Tu thời gian đâm ra chán. Thông thường chúng ta đều sống trên vọng thức, sống trên nghiệp thức mà sống trên vọng thức, sống trên nghiệp thức thì dễ bị cuốn vào vòng luân hồi phiền não khổ đau. Vô thường đi qua nhanh lắm, vèo một cái là hết tháng, vèo một cái là hết năm.

一寸光陰一寸金

寸金難買寸光陰

Nhất thốn quang âm nhất thốn kim

Thốn kim nan mãi thốn quang âm

Nghĩa là:

“Một tắc thời gian một tắc vàng

Tắc vàng khó mua được tắc thời gian”.

Nếu chúng ta không thấy được thể tánh của mình thì uống lăm. Vô thường đến thành linh, mình không biết đi về đâu?! Thì uống một đời! Tôi thì chưa thấy, nhưng cảm được có cái gì đó rất quý ở nơi mình. Mỗi khi có bao nhiêu phiền não xày ra, lặng lẽ xoay nhìn lại thì thấy cái đó hiện ra và cảm thấy mình sung sướng và hạnh phúc. Ước gì tất cả chúng ta đều thấy và sống được với thể tánh quý báu đó hoai, để rồi mọi người được sống trong cảnh an vui không còn thị phi tranh chấp hơn thua..!

“Nửa ngày rồi tự tại thân tâm”. Chữ “rồi” ở đây đối lại với chữ “lặng” ở về trước. Toàn bài Phú, Trúc Lâm Đầu Đà đã viết theo lối văn biền ngẫu. Về trước và về sau đối nhau xứng hợp thật là trác việt. Viết theo lối hành văn này rất khó. Ngày nay ít người chạm đến.

“Rồi” ở đây có nghĩa là an nhàn thân tâm được tự tại. Thế nào là tự tại? Tự tại với sắc thanh hương vị xúc pháp chi phối. Như Trần Thái Tông nói:

“Lưỡi vướng vị ngon tai vướng tiếng

Mắt theo hình sắc mũi theo hương

Lênh đênh làm khách phong trần mãi

Ngày tháng xa quê muôn dặm trường”.

Tai chúng ta dễ bị vướng tiếng lăm! Người ta khen mình thì ngay lập tức không chỉ miệng cười, môi cười, mắt cười, mà bốn vạn tám ngàn lỗ chân lông đều mím cười, khắp châu thân đều mím cười. Nhưng người ta mà chê mình thì không chỉ mắt buồn, mặt buồn, môi buồn, mà tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông đều buồn, đều xiù xuống, cả châu thân đều buồn.

“Tham ái nguồn dưng chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý,

Thị phi tiếng lặn đầu được nghe yến thốt oanh ngâm”.

Nguồn tham ái dừng được rồi, cõi lòng thanh thản chơn tánh hiển hiện thì đối với châu báu vàng ngọc không còn vướng bận. Tiếng thị phi lặng rồi thì tha hồ nghe yến, oanh ca hát

"Chơi nước biếc, ẩn non xanh nhân gian có nhiều người đắc ý."

"Ngắm đào hồng hay liễu lục thiên hạ năng mấy chủ tri âm".

Đạo nơi sông suối trong, ẩn nơi rừng sâu nhân gian có nhiều đắc ý, vui thích. "Ngắm đào hồng, hay liễu lục". Chữ "hay" ở đây đối với chữ "ngắm" ở về trước "Ngắm đào hồng". Đồng thời đối với chữ "ẩn" ở câu trên "Ẩn non xanh". Nên chữ "hay" ở đây có nghĩa là biết, là rõ. Liễu lục nghĩa là liễu màu xanh. "Ngắm đào hồng, biết liễu màu xanh, nhưng thiên hạ có mấy người có khả năng nhận ra được "Chủ tri âm". Chủ tri âm là mỗi người chúng ta đều có ông chủ tri âm đó. Mình đi ông chủ đó cũng đi. Mình ngồi ông chủ cũng ngồi. Mình nằm ông chủ cũng nằm. Mình ăn cơm ông chủ cũng ăn cơm. Mình làm bất cứ việc gì ông chủ cũng có mặt. Cho nên gọi là tri âm tri kỷ. Nhưng trong chúng ta có mấy người nhận ra được ông Chủ tri âm của mình? Ngài Linh Vân thấy hoa đào nở thì nhận ra được ông chủ tri âm của mình.

三十年來尋劍客

幾回落葉又抽枝

自從一見桃花後

直至如今更不疑

Tam thập niên lai tầm khách kiếm

Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi

Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu

Trực chí như kim cánh bất nghi.

Nghĩa là:

Ba mươi năm đi tìm kiếm khách

Bao mùa lá rụng lại đâm chồi

Từ ngày thấy được hoa đào nở

Thẳng đến hôm nay không còn nghi.

Một khi thấy được "Chủ tri âm" đích thực của mình rồi thì:

"Nguyệt bạc vùng xanh soi mọi chỗ, thiên hà lai láng,

Liễu mềm hoa tốt ngắt quần sanh, tuệ nhật sâm lâm".

Quá là hay. Lời văn nhẹ nhàng thanh thoát ý tứ cao vời.

"Nguyệt bạc" là mặt trăng màu bạc. Ánh sáng trắng là ánh sáng huyền diệu. "Nhất thiết tu đa la như tiêu chỉ nguyệt". Tất cả kinh điển như là ngón tay chỉ mặt trăng. Nếu chấp vào ngón tay thì sẽ không thấy mặt trăng. Mỗi người chúng ta đều có mặt trăng huyền diệu linh màu sáng rỡ, sờ sờ trước mắt, nhưng chúng ta đã bị mây mờ của vô minh, phiền não, lo toan, khổ đau che khuất. Để cho đám mây mờ kia tan đi để cho vầng trăng kia hiển lộ, chúng ta tu tập bằng cách tham thiền, tụng kinh, niệm Phật, v.v... Chúng ta nhờ pháp để tu. Không nhờ pháp thì không tu được. Nhưng tu thời gian thì bị chấp, mà chấp là trệ. Chấp ngã rồi lại chấp pháp. Như mượn thuyền để qua sông. Qua sông rồi vác thuyền lên vai để đi có đúng không? Qua sông rồi thả thuyền để đi tiếp. Nhưng mà qua sông mới thả thuyền. Chưa qua sông mà thả thuyền thì bị chết chìm. Lái xe đi đến Tu Viện Đại Bi rồi thì đậu



xe, xuống xe, đi vào trong Chánh điện Lễ Phật. Còn như lái xe đến Tu Viện Đại Bi rồi không chịu xuống xe mà cứ ngồi trên xe, thì dù có lái xe ngàn lần đến Tu Viện Đại Bi thì cũng thấy được bên trong Chánh điện của Tu Viện Đại Bi.

"Vùng xanh" tức là trời xanh không có mây che. Chữ của thế kỷ mười ba. Bầu trời xanh ở đây chỉ cho chơn tâm rộng lặng của mỗi người. Trong cõi lòng của mỗi người chúng ta một khi mà tham, sân, si, phẫn, hận, phú, nã, tật, xan, cuồng, xiểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, tán loạn, thất niệm, bất chánh tri lạng hết rồi thì, chơn tâm hiển hiện, mặt trăng trí tuệ hiện ra. Như Trần Thái Tông nói:

千江有水千江月

萬里無雲萬里天

"Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt

Vạn lý vô vân vạn lý thiên."

Nghĩa là:

"Ngàn sông có nước ngàn sông trăng

Muôn dặm không mây muôn dặm trời."

Ngôn ngữ thiền quá là hay. Quá là tuyệt diệu. Cái hay của ngôn ngữ thiền là không nói ra hết, mà để lơ lửng, để thôi thúc hành giả tự mình nỗ lực tinh tấn đi vào thế giới nội tại, để lãnh hội, để thấu triệt và để khai phóng con người đích thực của chính mình.

(Lược ghi bài thuyết trình trong Khóa An Cư PL. 2568, DL. 2024 tại Tu Viện Đại Bi, California)

Thích Chúc Hiền

Từ cú lục bát “NƯƠNG”



NƯƠNG CHÙA

Trăng lên trên ngọn dừa già
Gió lùa qua lá sương sa bạc đầu
Bồi hồi vàng trán hân sâu
Nương chùa kỷ ức hoa màu, đất hoang.

AN VUI

Bụt ngồi tĩnh lự làm thình
Con nương bóng đỉnh một mình chấp tay
Đồi cao con đứng nơi này
Hiên ngang chút xíu, một ngày an vui.

NẤP NƯƠNG

Đất cha vườn tổ chưa về
Bóng cây lè bạn chiều quê mơ màng
Nấp nương dưới ánh đạo vàng
Ngày mai quẩy gánh lên đàng vượt qua...

ĐI, VỀ

Mẹ ngồi dưới bóng từ bi
Bao năm nương tựa đêm ngày lạc an
Thiên liêng sáng ánh đạo vàng
Huyền quang soi chiếu hân hoan đi, về...

CHÓN

Lênh đênh thân phận hoa bèo
Đạn bom chia cắt, khổ nghèo chia ly
Bèo trôi hoa dạt lạt lầy
Chón nương thân đến báo ngày bình yên!

THIÊN

Một nhòai lẩn giữa vô minh
Lục đục nghịch cảnh, thất tình chướng duyên
Nương theo hít thở cùng Thiên
Đón đưa vọng tưởng tâm yên với đời.

PHỤ PHỤ

Về nương Phật giữa lưng trời
Phụ tùy phụ xứng chuyên đời bể non
Đức đây để lại tử tôn
Sống an vui giữ vẹn tròn niềm tin...

TÌM

Thời gian vụt mất, đi tìm
Ve sầu, phượng vĩ im lìm trường xưa
Bóng mờ lầy lất nắng mưa
Nương thân tìm chốn chuông chùa vọng âm.

QUY Y

Quay về giây phút lắng yên
Tựa nương Tam bảo, thánh hiền từ bi
Một lòng một dạ quy y
Tội xưa sám hối, tâm nay an bình.

CHÓN NƯƠNG THÂN

Lênh đênh thân phận hoa bèo
Đạn bom chia cắt, khổ nghèo chia ly
Bèo trôi hoa dạt lạt lầy
Chón nương thân đến báo ngày bình yên.

TỰ LẬP

Nấp nương dựa bóng sống nhờ
Thẹn thùng rẽ bám, dạt dờ dây leo
Gió đùa ngọn cỏ cười reo
Mong manh tự lập dẫu nghèo vẫn sang!

ĐỨC

Anh em hòa thuận sum vầy
Mái nhà chung một tràn đầy hồn nhiên
Trôi từng năm tháng lớn lên
Mặng non nương bóng đức hiền mẹ cha.

VÁN

Người đi ngày tháng êm đềm
Con về nương tựa qua miền gió ru
Lá bàng rơi chớm đón thu
Cây tra già cổ bầy chừ còn râm?

BỒ ĐỀ

Cơ vai nương bóng bồ đề
Bài nguyện sám hối, câu thệ y nguyên
Bồ đề tỏa bóng thiên liêng
Trong tâm mầm hạt cũng liền nảy bung.

thơ **VĨNH HỮU TÂM KHÔNG**

CÚNG DƯỜNG CHA MẸ

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Là Phật tử, chúng ta đều tin hiểu lời Phật mà thực hành hiểu đạo trong đời sống hàng ngày. Cha mẹ, hai đấng sanh thành có một địa vị quan trọng trong tâm thức của người con Phật, ngang bằng với Phật và các vị Đại Bồ-tát, nên “gặp thời không có Phật, khéo phụng thờ cha mẹ tức là phụng thờ Phật vậy” (Kinh Đại tập).

Thế nên, phụng dưỡng cha mẹ với tất cả lòng biết ơn và kính trọng được nâng lên thành hạnh nguyện cúng dường. Thường thì chúng ta cúng dường các bậc xuất gia giới đức, phạm hạnh hay các vị Phật và Bồ-tát. Hẳn nhiên cúng dường thanh tịnh thì được công đức, phước báo lớn.

Ở pháp thoại này, Thế Tôn đã hướng những người đệ tử cúng dường các vị Phật, chư vị Bồ-tát một đời bồ xứ (Nhất sanh bồ xứ Bồ-tát như Bồ-tát Di Lặc sẽ hạ sanh thành Phật ở tương lai) ngay trong nhà của mình, đó chính là cúng dường cha

mẹ. Chỉ cần tận hiếu, cúng dường cha mẹ thì những người con hiếu thảo “được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi”.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp dành cho người phạm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi. Thế nào là hai pháp? Là cúng dường cha, mẹ. Đó là hai người được công đức lớn, thành quả báo lớn.

Lại nữa, nếu cúng dường Bồ-tát một đời bồ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn. Đó là, này Tỳ-kheo! Bồ thí hai người này được công đức lớn, hưởng quả báo lớn, được vị cam-lồ, đến chỗ vô vi. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường nhớ hiểu thuận, cúng dường cha mẹ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm”.

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm Thiên tri thức, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.348)

Bồ-tát một đời bồ xứ là vị Bồ-tát đã trải qua vô lượng kiếp tu các công hạnh ba-la-mật, chỉ còn một lần thị hiện sau cùng xuống nhân gian tu hành sẽ thành bậc Vô thượng Chánh đẳng giác như Phật Thích Ca Mâu Ni. Tất nhiên, được cúng dường những vị Đại Bồ-tát như thế là phước hạnh vô cùng. Chỉ cần một lần được thanh tịnh cúng dường quý Ngài thì công đức, phước báo đã vô lượng.

Có điều chúng ta ít ngờ là những vị Bồ-tát một đời bồ xứ ấy lại rất nhiều, có mặt xung quanh ta, ở ngay trong nhà của chúng ta. Đó là cha và mẹ. Điều đó có nghĩa là cha và mẹ là ruộng phước báo vô tận để chúng ta gieo trồng phước đức. Ngay đây, hiếu thảo không còn là trách nhiệm và bổn phận nữa mà hiếu thảo trở thành hạnh nguyện cao cả và thiêng liêng. Nên dù cho cha mẹ có thương ta hay không, hoặc cha mẹ có thể nào đi nữa, trong tâm thức của người con hiếu đích thực, các ngài luôn là Phật, là thánh hiền.

Vậy nên ở đây Thế Tôn không nói phụng dưỡng mà là cúng dường cha mẹ. Hạnh hiếu đối với cha mẹ thì có thể giống nhau nhưng tâm hiếu phải được thẳng hoa đến tột cùng. Phụng dưỡng cho cha mẹ không thiếu thốn là điều có thể làm được, nhưng chừng ấy thì chưa đủ, cần phụng dưỡng trong niềm tôn kính đến cùng tột, đó chính là cúng dường cha mẹ.

Cha mẹ là Phật, là Đại Bồ-tát nên cúng dường cha mẹ và Bồ-tát một đời bồ xứ là công hạnh thiêng liêng, được phước đức vô lượng. Cho nên những người con Phật hiếu thảo luôn hướng về Tam bảo và song thờ để phụng thờ, cúng dường với tất cả lòng thành kính. Hiếu thảo theo lời Phật dạy là một hạnh tu, gồm đủ phước trí, tự lợi và lợi tha, công đức vô lượng.



Tình Mẹ trong Văn hóa Việt Nam

Quang Kính VÕ ĐÌNH NGOẠN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Việt Nam nằm trên đường giao lưu giữa Ấn Độ và Trung Hoa, nên nước ta chịu ảnh hưởng không ít vào nền văn hóa Ấn - Trung, đó là nền văn hóa Phật giáo và Khổng giáo. Đạo Phật đã truyền thừa vào nước Văn Lang rất sớm, nên giáo lý nhà Phật đã đóng góp không nhỏ vào việc hình thành nền văn hóa dân tộc. Trải qua hơn hai ngàn năm đạo Phật hội nhập vào Việt Nam, nhất là vào thời đại Lý - Trần, Phật giáo rất hưng thịnh. Đó chính là những thiện duyên giúp các vị Thầy Tổ hoằng dương giáo pháp được thuận lợi, khiến giáo lý nhà Phật ảnh hưởng sâu đậm trong cộng đồng xã-hội, người dân biết sống cuộc đời hiền hòa, đạo đức, thương người, biết đến bốn phận của mình đối với gia đình và xã-hội. Nét đẹp văn hóa đó đã lan tỏa trong mọi tầng lớp dân gian từ thành thị đến thôn quê, nó được thể hiện qua thơ, văn, âm nhạc, ca dao tục ngữ...

Giờ đây, chúng ta thử dạo bước vào kho tàng văn chương này, để cùng nhau thưởng thức những giá trị quý giá, những lợi ích thiết thực mà văn hóa Phật giáo đã mang đến cho người dân Việt.

Mùa Vu Lan tháng hội lại về nơi đất khách, những người con Phật xa quê càng bùi ngùi nhớ về quê mẹ, nơi mình đã sinh ra và lớn lên trong tình làng, nghĩa xóm, nơi có mồ mà tổ tiên, ông bà, cha mẹ mà nay mình phải rời xa, để rồi khi chiều tà lặn tắt, hoàng hôn buông phủ, đó cũng chính là đỉnh điểm nỗi nhớ thương dâng trào khiến tâm can mình đau buốt:

*"Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều."*

Câu ca dao trên đã tạo niềm cảm hứng cho nhà thơ, nhà văn và cũng là nhà giáo Thanh Tịnh viết tập truyện ngắn *Quê Mẹ* — đứa con đầu lòng này được xuất bản vào năm 1941. Trong tập *Quê Mẹ* có truyện *Tôi Đi Học*, nội dung diễn tả tâm trạng hân hoan, vui mừng lẫn lo sợ của cậu bé được người mẹ âu yếm nắm tay dẫn đến lớp học trong ngày tựu trường vào một buổi sáng mùa thu. Hình ảnh ngày tựu trường đó đã ghi sâu vào tâm thức cậu bé. Đoàn văn này có một thời được đưa vào sách giáo khoa để giảng dạy, vì cốt chuyện nêu lên sự quan tâm của các bậc cha mẹ trong việc khai trí cho con trẻ:

"Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng

bạc, lòng tôi lại nao nức mơn man của buổi tựu trường."

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng...

...Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học."

Không riêng gì nhà văn Thanh Tịnh viết về mẹ. Trong quyển sách *Thiền sư Việt Nam* do Hòa thượng Thanh Từ biên soạn có câu chuyện thiền sư Nhất Định và thiền sư Tông Diễn là hai vị sư rất có hiếu với cha mẹ, hay trong cổ tích Phật giáo có truyện người mẹ mang dép ngược, nhằm nhấn mạnh phận làm con cái hiếu thảo với cha mẹ chính là tôn kính đức Phật.

Khi luận bàn về công ơn dưỡng dục của đấng sinh thành, ngôn ngữ thể gian khó có thể so sánh công ơn cao dày ấy, nên trong ca dao Việt Nam có câu:

"Nước biển mênh mong không

*đong đầy tình mẹ,
Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha."*

Hoặc:
*"Bao la bóng nước biển Đông,
Không bằng một nửa tấm lòng mẹ tôi."*

Tình mẫu tử thiêng liêng, công ơn to tát không thể đo lường ấy, được biểu lộ qua cử chỉ dịu dàng, hy sinh chăm lo cho con trong thời gian chín tháng mang thai, ba năm bú mớm. Sự kiện đó, được lưu truyền trong dân gian như một lời nhắc nhở người con nhớ đến công ơn này:

*"Nhớ ơn chín chữ cù lao,
Ba năm bú mớm biết bao thân tình."*

Không những thế, khi con đau ốm người mẹ bồn

cồn lo âu, hốt hoảng:
*"Con họ lòng mẹ tan thành,
Con sốt lòng mẹ như bình nước sôi."*

Hay:
*"Nuôi con chẳng quản chi thân,
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn."*

Hoặc:
*"Nuôi con buôn bán tảo tần,
Chỉ mong con lớn nên thân với đời."*



*Những khi trái nắng trở trời,
Con đau là mẹ đứng ngồi không yên.
Trọn đời vất vả triền miên,
Chăm lo bát gạo, đồng tiền nuôi con."*

Thân phận người con gái được diễn tả như con thuyền phiêu bạt, lênh đênh trên sóng nước. Trong mười hai bến đỗ, chẳng biết tập vào nơi mô:

"Thân gái mười hai bến nước, trong nhờ, đục chịu"

Nhưng dù rơi vào hoàn cảnh nào trong mười hai bến nước, dù được sống cảnh giàu sang hay nghèo khó hoặc giữa đàng gầy gánh, dù phải sống trong môi trường xã hội đầy bon chen kiếm sống, lắm khi thất bại là kinh nghiệm của thành công thì người mẹ Việt Nam vẫn mong ước, cố gắng cho con thơ đến trường học, để thầy, cô dạy những điều hay, lẽ phải:

*"Ví dầu cầu ván đóng dinh,
Cầu tre lẹo gập ghềnh khó đi.
Khó đi mẹ dắt con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời."*

Trong bài thơ Lời Cuối Cùng do thi sĩ Thanh Tịnh phóng tác (phỏng theo bài Et s'il revenait un jour tác giả Maurice Maeterlinck, người Bỉ), nội dung bài thơ này là những lời người con hỏi mẹ lúc mẹ sắp mất để khi người cha trở về, mình sẽ trả lời thế nào cho thỏa đáng. Bài Lời Cuối Cùng, có một đoạn thơ thể hiện sự đau buồn, lo lắng của người mẹ, không biết lúc mình lìa trần ai là người bảo bọc, nuôi nấng đứa con thơ dại, dù giận chồng đã ra đi biệt, song người mẹ hy vọng người chồng trở về kịp thời che chở, nuôi dạy cho con khi mình khuất bóng. Sự kỳ vọng đó được nhân cách hóa với hình ảnh một cây tùng cành lá sum xê, đầy bóng mát, che phủ cho cây đào bé nhỏ đứng cạnh bên, như một lời ủy thác cuối cùng:

*"Nếu cha hỏi cặp đào trước ngõ
Sao chỉ còn một gốc ngã nghiêng?
Con sẽ chỉ một cây đào nhỏ
Bên cây tùng, rồi đứng lặng yên."*

Tình mẫu tử thiêng liêng, công ơn dưỡng dục vô cùng tận, nên dù dùng các hình dung từ núi cao với vợ, đại dương mênh mông hay bầu trời lồng lộng, cũng không sánh bằng hướng chỉ là tình huynh đệ ruột thịt, chú, bác, cô, dì, tình bạn bè, tình giao tiếp trong xã hội... lại càng khó so sánh:

*"Đi khắp thế gian không ai bằng mẹ,
Gian khổ cuộc đời ai nặng gánh hơn cha"*

Hoặc:

*"Dù đi khắp bốn phương trời,
Công cha nghĩa mẹ không ai sánh bằng."*

Bước qua lãnh vực âm nhạc. Nói đến tình mẫu tử, có rất nhiều nhạc sĩ sáng tác về thể loại này, như bài Ca dao Mẹ của cố nhạc sĩ Trịnh công Sơn, Mẹ hiền Yêu dấu nhạc Pháp của Claude Carrère (lời Việt, Thanh Lan dịch trước 1975), Con nợ Mẹ của Nguyễn Văn Chung, Mẹ tôi của Trần Tiến, Không ai yêu con bằng Mẹ của Nguyễn Minh Cường... nhưng chúng ta khó có thể quên bài hát Lòng Mẹ của cố nhạc sĩ Y Vân. Mặc dầu tuổi đời của bản nhạc đã trải qua sáu mươi sáu năm (nhiều tờ báo viết, bản nhạc được xuất bản năm 1952) nhưng lời ca, ý nhạc của bài hát, khi nghe vẫn khiến lòng người luôn luôn rung động, thổn thức. Quả thật không có gì bao la, mênh mông rộng lớn bằng đại dương, nhất là khi có hình dung từ rạt rào (dào dạt) để chỉ đến trạng thái luôn luôn trào dâng liên tục, có ánh

sáng nào dịu hiền bằng ánh trăng, nhất là vầng trăng tròn mùa thu, khiến chúng ta liên tưởng đến sự viên dung, tròn đầy tình yêu thương mà người mẹ đã dành cho những đứa con của mình. Những tình cảm dịu hiền, tràn đầy không mây mại vụ lợi, như tâm tử của đức mẹ hiền Quan Thế Âm, được thể hiện qua hình ảnh, những khi trái gió, trở trời, con đau không ngủ, mẹ già lo âu thức trắng đêm, khi con yên giấc, mẹ rất vui mừng, sung sướng, người mẹ không quản thân gầy lặn lội, bôn chen giữa chợ đời để nuôi con ăn học để trở nên người hữu dụng cho nhân quần xã hội... dù lưng đã cong, tóc đã bạc, dù gieo neo, cực nhọc song ngày đêm, sớm tối vẫn vui vẻ với đàn con thơ.

*"Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào,
Tình Mẹ tha thiết như giòng suối hiền ngọt ngào.
Lời Mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào,
Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng Mẹ yêu.
Lòng Mẹ thương con như vầng trăng tròn mùa thu
Tình Mẹ yêu mến như làn gió đưa mát dịu.
Lời ru man mác êm như sáo diều dật dờ,
Nắng mưa sớm chiều vui cùng tiếng hát trẻ thơ.
Thương con thao thức bao đêm trường
Con đã yên giấc mẹ hiền vui sướng biết bao.
Thương con khuya sớm bao tháng ngày,
Lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn.
Dù cho mưa gió không quản thân gầy Mẹ hiền,
Một sương hai nắng cho bạc mái đầu buồn phiền.
Ngày đêm sớm tối vui cùng con nhỏ một niềm,
Tiếng ru êm êm Mẹ hiền năm tháng triền miên."*

Nhạc sĩ Y Vân, cha mất sớm, mẹ hằng ngày phải tảo tần buôn bán lo miếng ăn, cái mặc, lo cho hai anh em được đến trường, tối đến lại đem áo quần ra giăng nước công cộng giặt giũ. Một hôm giặt đến hơn 2 giờ sáng, phạm giờ giới nghiêm nên cảnh sát bắt về đồn. Từ phòng nhạc về nhà nghe được tin, nhạc sĩ rất xót thương, vô cùng biết ơn mẹ, dòng nhạc ông tuôn chảy để vinh danh công ơn cao dày đó. Ngôn từ dùng trong bản nhạc rất cảm động làm tim người thổn thức. Sự kiện này chính là thành tố khiến bài ca Lòng Mẹ trở nên bất tử với thời gian, không một bản nhạc nào có thể sánh bằng. Theo nhận định của nhà thơ Du Tử Lê bản nhạc Lòng Mẹ của Y Vân như là một bài Quốc Ca về tình mẫu tử.

Tình mẫu tử, ôi thật cao quý, thiêng liêng. Những bậc làm cha mẹ thường dành trọn cuộc đời của mình thương yêu, chăm sóc con cái. Từ sự hy sinh cao cả ấy, những người con hiểu hạnh nhận ra rằng dù nước biển bao la, bát ngát nhưng cũng có lúc vơi đi, nhưng lòng thương yêu của cha mẹ đối với đàn con thì suốt đời vẫn trào dâng:

*"Biển Đông còn lúc vơi đầy,
Chỗ lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng."*

Và những hiểu tử ấy cũng nhận thức được rằng cho dù núi non to lớn, hùng vĩ cách mấy song cũng khó so sánh với công ơn vô tận của cha mẹ:

*"Ai rằng công mẹ như non,
Thật ra công mẹ lại còn lớn hơn."*

Nhằm đền đáp công ơn cao dày của bậc sinh thành. Khi cha mẹ còn sinh tiền, bốn phận làm con tránh làm cho phụ mẫu buồn phiền rơi lệ:

*"Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc
Đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không!"*

Nhìn vào nếp sống người Việt thuở xưa, do phong tục, tập quán nên khi người phụ nữ đã lấy chồng thường về ở bên quê chồng, nhưng ta nhận

thấy, những người con hiếu thảo, dù ở phương trời nào họ vẫn nghĩ về bậc sinh thành:

"Ai về tôi gửi buồng cau,
Buồng trước kính mẹ, buồng sau dâng thầy.

Ai về tôi tôi gửi đôi giày,
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi."

Không những thế họ còn cung cấp thực phẩm, tiền bạc để song thân tiêu xài:

"Muốn cho gần mẹ gần cha,
Khi vào thúng thóc, khi ra quan tiền"

Những người con hiếu thảo nhận thức được rằng:

"Nếu mình hiếu với mẹ cha,
Chắc con cũng hiếu với ta khác gì?

Nếu mình ăn ở vô nghi,
Đừng mong con hiếu làm gì uống công!"

Hoặc:

"Hiếu thuận sinh ra con hiếu thuận
Ngỗ nghịch nào con có khác chi!

Xem thử trước thêm mưa xối nước,
Giọt sau, giọt trước chẳng sai gì!"

Gương hiếu hạnh của các vị hiếu tử là bài học luân lý, đạo đức hiệu quả nhất để các con cháu họ noi theo. Gia đình vốn là nền tảng của xã hội, của đất nước, nên những viên gạch tốt đẹp đó đã góp phần không nhỏ vào việc tạo nên một đất nước có nét đẹp văn hóa đạo đức trong sinh hoạt cộng đồng. Nhằm hỗ trợ cho đơn vị gia đình, để gìn giữ nền văn hóa quý giá do tiền nhân đã dày công gầy dựng, bồi đắp mà thế hệ hôm nay được thừa hưởng, thiết nghĩ, trong lãnh vực giáo dục ở học đường chúng ta không thể nào thiếu môn công dân giáo dục và luân lý đạo đức ở chương trình giảng dạy. Chính những môn học này giúp người dân biết thế nào là đạo đức, thế nào là bổn phận đối với đất nước, với gia đình, với xã hội. Đó cũng chính là bốn ơn nghĩa mà đức Thế Tôn đã dạy bảo. Nếu những người con Phật biết tuân hành, áp dụng vào đời sống, người viết nghĩ rằng xã hội sẽ có cuộc sống tốt đẹp, an bình thịnh trị, người người hạnh phúc.



BÓN CHẶNG ĐƯỜNG ĐỜI

Lọt lòng Mẹ ta say ngủ trong nôi
Tuổi thiếu niên tập tễnh bước vào đời
Xanh mái tóc bên ba đường danh-lợi
Xé bóng chiều chậm chậm bước chia phôi!

Phật Pháp cho ta đời sống thanh cao
Cha Mẹ cho ta tình yêu mến dạt dào
Tổ quốc cho ta quê hương và tiếng nói
Đời cho ta hạnh phúc lẫn thương đau.

HÃY SỐNG HỒN NHIÊN

Hãy sống hồn nhiên thoải mái và
Không sầu, buồn giận với kêu ca
Tùy duyên đối cảnh tâm hằng xả
Rảnh rỗi tọa thiền, tụng Pháp Hoa.

THIỆN SƯ

Thiền sư ẩn dật sống độc cư
Như thường, như vậy, vẫn như như
Không đi, không đến, không dừng ở
Chẳng có, chẳng không, chẳng thiếu dư.

NIẾT BÀN

Vô lượng kiếp lai sanh tử mộng
Niết-bàn tự tánh vốn chân nguyên
Mê làm sáu nẻo luân hồi chuyển
Tỉnh ra muôn vật hóa thành không.

TÂM VÀ CẢNH KHÔNG HAI

Cảnh do tâm mà hiện
Tâm do cảnh mà bày
Ngoài tâm không có cảnh
Ngoài cảnh chẳng có tâm
Tâm, cảnh trong ngoài nguyên chẳng khác
Biển trời, mây nước hiện toàn chân!

thơ **DIỆU VIÊN**

SƠ QUÁT VỀ BA PHÁP MÔN CHỈ-QUÁN-THIỀN TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM QUA DUY THỨC HỌC

Khánh Hoàng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Duy Thức Học đặc biệt có pháp Ngũ Trùng Duy Thức Quán (Năm lớp quán Duy Thức), quán từ cạn thô đến sâu tế, được mô tả tóm lược như sau:

1. Khiển Hư Tồn Thực: là khiển trách, loại bỏ đi những vướng chấp cảnh trần nơi Ý thức thô cạn (Khiển Hư) mà giữ lại những cái chơn thực, sâu tế hơn nơi Tịnh Ý Thức (Tồn Thực);

2. Xả Lạm Lưu Thuần: là xả bỏ những cái còn lại dư thừa, tạp nhạp nơi Tịnh Ý thức (Xả Lạm) mà lưu giữ lại những cái tinh thuần hơn (Lưu Thuần). Đây cũng là khiển cho tất cả các tâm sở (ác, thiện, vô ký), phần dụng năng của Ý thức đều được tịch lặng, cũng là khiển cho Tịnh Ý thức được thêm sức lực cần thiết để soi chiếu, xuyên suốt vào Mặt Na thức và A Lại Da thức;

3. Nhiếp Mạt Qui Bộn: là thu nhiếp lại phần Tịnh Ý thức (Nhiếp Mạt) mà trở về thể nhập vào Mặt Na thức và A Lại Da thức (Qui Bộn);

4. Ẩn Liệt Hiển Thăng: là che khuất đi, không bận tâm đến, không bận tâm, để ý đến các phần yếu kém, tất cả các tâm sở, phần dụng năng của 2 thức Mặt Na thức và A Lại Da thức (Ẩn Liệt) mà chỉ chú trọng đến phần thể tánh của 2 thức này (Hiển Thăng);

5. Khiển Tướng Chứng Tánh: là chế trách phần hiển ra tướng trạng, phần tập khí- nghiệp thức-chủng tử của A Lại Da thức (Khiển Tướng) mà thể nhập vào Như Lai Tàng Tự Tánh (Chứng Tánh).

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm từ cuối quyển 1 cho đến hết quyển 4, đức Phật đã từ bi vô lượng và vô biên thiên xáo, đã vô cùng khéo léo dẫn dắt, khai ngộ cho tâm thức ngài A Nan được vào sâu đến nơi Kiến Đạo. Khi Ý thức của Ngài đã được tịnh hóa sau phần "Thất Xứ Truy Tâm" (tu Chỉ), đức Phật đã khai thị lần lượt về tu Quán qua hai thứ gốc rễ căn bản, qua Tâm Phan Duyên, qua Tánh Thấy, qua Chơn Tâm. Tất cả được tạm cảm nhận và tổng hợp sơ lược như sau:

1. Về hai thứ gốc rễ căn bản: gốc rễ sinh tử từ vô thị luân hồi là Tâm Phan Duyên (theo Duy Thức Học, đây là Mặt Na thức và Ý thức, vô thị hữu chung), và gốc rễ thanh tịnh là thể tánh Niết Bàn vốn sẵn từ vô thị giải thoát (theo Duy Thức Học, đây chính là A Lại Da thức và Như Lai Tàng tâm, vô thị vô chung),

2. Về Tâm Phan Duyên:

2.1. Tâm Phan Duyên chỉ có khả năng ghi nhận, phân biệt, hiểu biết được về các cảnh trần, các pháp trần Sở Duyên bên ngoài. Nên những gì Tâm Phan Duyên hiểu biết được chỉ là ngón tay (ngón tay chỉ mặt trăng), không phải là mặt trăng;

2.2. Tâm Phan Duyên không có tánh thường hằng, nó có đến rồi có đi, giống như người khách trọ, không phải là ông chủ như Chơn Tâm;

2.3. Tâm Phan Duyên có các hiện tượng đều có chỗ trả về, nên Tâm Phan Duyên chỉ là Thức; không như Chơn Tâm, Chơn Tánh mẫu nhiệm không có chỗ trả về.

3. Về Tánh Thấy:

3.1. Tánh Thấy thường hằng, không sanh diệt: "Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay, nhưng nếu không có con mắt, thì vẫn có cái Thấy". Tánh Thấy bất động, không đến-không đi, không là khách trần dao động, mà chính là ông chủ ở yên;

3.2. Tánh Thấy xưa nay vốn là trùm khắp pháp giới, không phải chỉ có ở trước mắt; Tánh Thấy hiện diện ở khắp các nơi chốn mà không bị co rút hay dẫn lớn (trong không gian chật hẹp hay rộng rãi);

3.3. Tánh Thấy không phải là vật, vì nếu như vậy, người này có thể thấy được Tánh Thấy và cả Cái Không Thấy của người kia, nên Tánh Thấy này chính là Chơn Tánh của ta;

3.4. Tánh Thấy vượt lên ý nghĩa vướng chấp về "Thị" và "Phi Thị": Tánh Thấy không "là", cũng không "chẳng phải là" đối với vật bị thấy;

3.5. Tánh Thấy giống như Hư Không, xa lìa tất cả các tướng, nên Tánh Thấy không có dạng tướng vuông tròn: Hư Không không có tướng vuông tròn mà chỉ tùy theo dạng tướng đỡ đựng mà có ra vuông tròn;

3.6. Tánh Thấy ở ngay trong thân tâm 5 uẩn vô thường của chúng sinh, nhưng nó không phải là Tướng, và cũng không phải là do Vọng Tướng mà có; vì Tánh Thấy cùng với vạn tướng, luôn cả 6 Căn, 6 Trần, 6 Thức... đều là từ nơi Bồ Đề thể tánh lưu xuất;

3.7. Tánh Thấy không là Nhân Duyên vì khi 9 Duyên của cái Thấy được trả về nơi bản gốc, cái Thấy vẫn tồn tại. Cái Thấy không có chỗ trả về này được Kinh gọi là Tánh Thấy thanh tịnh của Tiền Lục Thức, là Kiến Tinh diệu minh, hay là Mặt Trăng Thứ Hai. Mặt khác, cái Nhân sâu xa, Nhân cứu cánh của



cái Thấy chính là A Lại Da thức và Như Lai Tàng bản thể rất khó có thể nhận biết ra, rất khó nói tận tường, chỉ có các bậc Đắc Đạo mới rõ được. (Nhân Duyên hòa hợp chỉ khiến có ra Tứ Khoa giả tạm: 5 Uẩn, 6 Nhập, 12 Xứ, 18 Giới, mà không thể khiến tạo ra Tánh Thấy);

3.8. Tánh Thấy cũng không là Tự Nhiên vì nó không có tự tánh bản thể, không có cái thể tự nhiên; nhưng Tánh Thấy cũng không phải là không tự nhiên vì nó đã vượt ra ngoài Lý Nhân Duyên;

3.9. Tánh Thấy cũng không là tướng Hòa Hợp, cũng không là tướng Phi Hòa Hợp: cái Thấy của chúng sinh phàm phu là tướng Hòa Hợp vì đều có hàm chứa Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp, đều còn là cái Thấy bệnh. Cái Thấy bệnh này là cái Thấy còn bị vướng chấp bởi kho tàng chủng tử nghiệp thức nơi A Lại Da thức, cái Thấy còn có 2 bên Người thấy và Cảnh bị thấy (Năng Kiến và Sở Kiến), cái Thấy còn bị dính kết vào các sắc tướng (sáng-tối, trong-đục, thông-bít...). Nhưng Tánh Thấy cũng không phải là tướng Phi Hòa Hợp, vì không thể rời lìa các sắc tướng mà hiển hiện Tánh Thấy, cũng không thể tìm thấy có ranh giới giữa Tánh Thấy và cảnh trần...

4. Về Chơn Tâm (Như Lai Tàng bản thể):

4.1. Chơn Tâm là Tâm nhiệm mầu, viên mãn, sáng suốt, thường trú không phải là các Vọng Tướng, vì các Vọng Tướng vốn không có tự thể (thể tánh độc lập) nhưng tất cả các pháp, bao gồm các Sắc pháp, các Tâm pháp, các Tâm Sở, các Duyên, các Sở Duyên... được sinh khởi là do từ nơi Chơn Tâm biến hiện ra,

4.2. Do vì chúng sinh mê muội, điên đảo nên đem Chơn Tâm rỗng suốt mà biến ra Hư Không và Sắc Chất, những cảnh ám muội, rồi khi Sắc Chất xen lộn với tâm Vọng Tướng, hòa hợp nhau mà khiến có ra Tứ Khoa (5 Uẩn, 6 Nhập, 12 Xứ, 18 Giới)... Rồi ngoài thì buông lung theo Cảnh trần, trong lại duyên theo Pháp trần nên tâm thức có ra các Tướng lằng xằng mà vọng nhận cho đó là Tâm, là Tánh. Do vậy, mê lầm cho rằng Tâm ở trong Sắc thân, mà không rõ được là cả Sắc thân cùng vạn tượng cảnh trần bên ngoài đều là vật biến hiện từ nơi Chơn Tâm,

4.3. Khi các nhân duyên hòa hợp nên 4 Khoa (5 Uẩn, 6 Nhập, 12 Xứ, 18 Giới) cùng 7 Đại (Địa Đại, Hỏa Đại, Thủy Đại, Phong Đại, Không Đại, Kiến Đại, Thức Đại) được trả về, hoàn nguyên vào Như Lai Tàng bản thể là lúc hành giả được Kiến Đạo, chứng đắc Sơ quả Tu Đà Hoàn.

Nhìn chung, pháp Quán nơi kinh Thủ Lăng Nghiêm đã được đức Phật khéo léo dắt dẫn ngài A Nan từ Ý thức vướng chấp cảnh trần dần dà được vào sâu nơi Mạt Na thức rồi chạm đến A Lại Da thức cùng Như Lai Tàng bản thể; thiện xảo vượt qua được cả lý Nhân Duyên, lý Tự Nhiên, lý Hòa Hợp, lý Phi Hòa Hợp... Ngay sau khi rõ về Tâm Phan Duyên, ngài A Nan dù chưa chứng được Thánh quả thanh tịnh vô lậu nhưng Ngài đã thấy được cõi Sơ Thiên (Ly Sanh Hỷ Lạc địa) rồi đến khi được đức Phật khai thị thấu suốt về Chơn Tâm Như Lai Tàng bản thể, Ngài liền chứng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn, gọi là địa vị thấy rõ được các chủng tử nghiệp thức còn sót lại nơi A Lại Da thức để còn ra công xa lìa, xả bỏ; cùng thấy rõ được con đường Tu Đạo của các bậc Đẳng Địa Bồ Tát mà khởi tu, khởi sự đi trên con đường tu tập cứu cánh (Kiến Đạo Khởi Tu) mà chứng đạt được các quả vị giải thoát trọn vẹn.



Thiền (Dhyana, tiếng Pali): Đã có rất nhiều định nghĩa về Thiền, nhưng trong bài viết này có thể tạm định nghĩa đơn giản Thiền là sự sống trọn vẹn với các tâm thức đã được tịnh hóa từ 2 công phu Chỉ và Quán nêu trên. Như thế, Thiền có ý nghĩa rất rộng, bao trùm cả Chỉ và Quán. Do đây khiến có ra rất nhiều các từ ngữ khác nhau như Thiền Chỉ, Thiền Quán, Thiền Định, Thiền Tuệ... (tùy theo hình thái dụng công tâm thức tu tập); Thiền Dục Giới, Thiền Sắc Giới, Thiền Vô Sắc Giới (tùy theo mức độ tu chứng trong 3 cõi); Thiền Tọa, Thiền Hành, Thiền Tru, Thiền Ngọa... (tùy theo hình thái dụng công thân căn trong tu tập); Thiền Cầm Hoa, Thiền Trồng Rau, Thiền Ngắm Trăng... (tùy theo hình thái sinh hoạt trong đời sống hàng ngày) đã thường được nhắc đến...

Thiền thường được phân định ra 5 loại là:

Ngoại Đạo Thiền: như Thiền của Bà La Môn Giáo, cách thức luyện tập của các ông Alara Kalama, ông Uddka Ramaputta, cùng các pháp thiền định của các phái Du Già. Các Thiền này dù giúp tâm thức hành giả vượt thoát qua Dục Giới, nhưng còn bị vướng kẹt nơi Sắc Giới và Vô Sắc Giới, vì chưa đạt đến Diệt Tận Định của bậc A La Hán. Điều này được cảm nhận là khả năng tối đa của Thiền Ngoại Đạo chỉ có thể vượt qua Ý Thức (Thức tư duy chấp Pháp) và vượt qua Mạt Na thức (Thức tư lương chấp Ngã) mà tạm thời được chạm vào A

Lại Da thức, kho tàng chúng tử nghiệp thức, mạng mạch của xiết bao sinh tử, luân hồi. Nhưng Thiền Ngoại Đạo chưa có khả năng thể nhập vào Như Lai Tạng bản thể, cõi Niết Bàn tịch tịnh thâm sâu nhất trong Phật Đạo.

Phàm Phu Thiền: là phương cách tĩnh tâm, lắng đọng phần Ý thức, khiến Ý thức bớt đi phần nào lắng xăng, đuối bắt, bám víu nơi 6 trần cảnh của phàm phu. Phương cách này chỉ giúp phàm phu với bớt, tạm thời quên đi các khổ đau, dẫn vật, âu lo của cuộc sống; tạm thời có được chút ít niềm vui giả tạm... trong đời sống hàng ngày. Do vậy, khả năng tối đa của Phàm Phu Thiền là chỉ có được một ít Thiền Chỉ, một ít Thiền Quán trong phạm vi Ý thức, mà khó có thể vào tới được các cảnh giới Thiền Định, Thiền Tuệ sâu xa hơn thuộc phạm vi Mạt Na thức, A Lại Da thức, và Như Lai Tạng bản thể.

Tiểu Thừa Thiền: là phương cách tu Thiền với chủ trương "Nhân Không Pháp Hữu" (Hành giả là Không, Pháp chứng là Có), dựa trên 2 pháp tu căn bản là Ngũ Định Tâm Quán và Tứ Niệm Xứ Quán đã nêu các ở phần trên. Được gọi là Tiểu Thừa (cổ xe nhỏ) vì quả vị cao nhất của Tiểu Thừa Thiền là A La Hán (tương đương với quả vị Bồ Tát Đệ Bát Địa bên Đại thừa), chưa phải là các quả vị Cửu Địa Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác, Diệu Giác, Phật như ở bên Đại Thừa Thiền. Và có khi sau khi đắc quả A La Hán, các Ngài nhập Niết Bàn tịch diệt hẳn, không còn tái hiện trở lại nơi thế gian để tiếp tục giáo hóa, cứu độ chúng sinh nữa. Ngoài ra, có thể cảm nhận là đối tượng Thiền của Tiểu Thừa Thiền còn bị hạn hẹp nơi thân căn và tâm thức, nhất là nơi Ý thức, mà ít chú trọng vào đến Như Lai Tạng bản thể như ở bên Đại Thừa Thiền.

Đại Thừa Thiền: là phương cách tu Thiền với chủ trương "Nhơn Pháp Nhị Không" (Hành giả và Pháp chứng, cả hai đều Không), theo tinh thần Bồ Tát Đạo là "Thượng Cầu Phật Đạo, Hạ Hoá Chúng Sanh" (Trên Cầu Phật Đạo, Dưới Hóa Độ Chúng Sanh). Ý nghĩa về Đại Thừa đã được Tổ Mã Minh (sống vào khoảng giữa thế kỷ 1 và 2 sau Tây lịch) khai thị rõ trong tác phẩm *Đại Thừa Khởi Tín Luận*. Đại Thừa Thiền dựa vào giáo lý nơi các kinh điển Đại Thừa, các bộ Luận Đại Thừa mà có ra nhiều tông phái như Thiền Thai Tông (dựa vào kinh Pháp Hoa), Hoa Nghiêm Tông (dựa vào kinh Hoa Nghiêm), Tam Luận Tông (dựa vào 3 bộ Luận: Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, và Bách Luận)... nên có khi thường được gọi là Thiền Giáo Môn.

Tối Thượng Thừa Thiền: được xem là Thiền "dĩ tâm truyền tâm" và "dĩ tâm ấn tâm", truyền trao và ấn khả, ấn chứng trực tiếp Chơn Tâm từ vị Thầy đến vị đệ tử. Tối Thượng Thừa Thiền được xem bắt nguồn từ đức Phật Thích Ca ấn truyền trực tiếp Tổ vị thứ nhất đến Tổ Ca Diếp trong giai thoại "Niệm Hoa Vi Tiểu" trên pháp hội Linh Sơn. Tổ vị sau đó được truyền trao qua đến Nhị Tổ A Nan (sinh sau đức Phật 30 năm), Tam Tổ Thượng Na Hòa Tu, Tứ Tổ Ưu Ba Cúc Đa... rồi đến vị Tổ thứ 28 là Tổ Bồ Đề Đạt Ma (?-532). Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc vào khoảng năm 520 và trở thành Sơ Tổ Thiền Tông của Trung Quốc. Ngài truyền pháp cho Nhị Tổ Huệ Khả (486-593). Dòng Pháp được truyền tiếp nối đến Tam Tổ Tăng Xán (?- 606), rồi đến Tứ Tổ Đạo Tín (580-651), Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn (601-674), và sau cùng đến Lục Tổ Huệ Năng (638-713). Lục Tổ phát dương quang đại dòng Thiền của Sơ Tổ qua các vị

Đại Đệ Tử như Tổ Thanh Nguyên Hành Tư (660-740), Tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744), Tổ Thần Hội (668-760)... khiến dần dà thành tựu ra 5 tông phái Thiền kỳ đặc của dòng Thiền Trung Quốc, còn được gọi tên là Tổ Sư Thiền. 5 tông phái này được gọi tên theo tên theo các Tổ với năm sinh và năm mất của Ngài như sau: 1. Tông Lâm Tế (Tổ Lâm Tế: ?-867), 2. Tông Qui Ngưỡng (Tổ Qui Sơn 771-853, và Tổ Ngưỡng Sơn : 804-899), 3. Tông Vân Môn (Tổ Vân Môn: ?-949), 4. Tông Tào Động (Tổ Tào Sơn: ?-?, và Tổ Động Sơn: 807-869), và 5. Tông Pháp Nhãn (Tổ Pháp Nhãn: 885-958).

Tôn chỉ của Tối Thượng Thừa Thiền (Tổ Sư Thiền) được đúc kết ngắn gọn qua bài kệ 4 câu, 16 chữ của Tổ Bồ Đề Đạt Ma:

*"Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ chơn tâm,
Kiến tánh thành Phật."*

Tạm dịch:

"Không qua kiến lập văn tự

Truyền riêng ở ngoài Giáo lý

Chỉ thẳng ngay nơi Chơn Tâm

Thấy ra Giác Tánh mà thành Phật".

Trong nhà Thiền có câu chuyện về "vượt ra ngoài giáo lý, kinh sách" này nơi ngài Huyền Sa Sư Bị (835-908): "Một hôm, Tổ Tuyết Phong (822-908) hỏi Ngài: "Cái gì là Đầu Đà Bị?", Ngài đáp: "Tron chẳng dám dối người." Hôm khác, Tổ lại hỏi: "Đầu Đà Bị tại sao chẳng đi tham vấn các nơi?"; Ngài liền thưa: "Đạt Ma chẳng qua Đông độ, Nhị Tổ chẳng đến Tây thiên." Ngay đó, Tổ liền gật đầu ấn chứng.

Qua bài kệ của Tổ Bồ Đề Đạt Ma, và qua lăng kính Duy Thức Học, ta có thể rút ra 3 nhận định:

1. Trong khi "Kiến Đạo" (quả vị Tu Đà Hoàn, hoặc Sơ Địa Bồ Tát) là "Khởi Tu," ở đây Sơ Tổ khẳng định "Kiến Tánh là thành Phật." Quả vị Kiến Tánh là quả vị A La Hán, hoặc Bát Địa Bồ Tát, còn gọi là Bất Động Địa Bồ Tát. Lý do là Kiến Tánh là thấy ra đầy đủ được Giác Tánh và sống trọn vẹn được với Giác Tánh, với Như Lai Tạng bản thể. Nơi giai vị A La Hán, mọi công phu tu tập đã được hoàn tất tốt đẹp, tâm của các Ngài đã giải thoát khỏi tất cả các Dục lậu, các Hữu lậu, các Vô Minh lậu; các Ngài biết là: "Sanh đã tận, Phạm Hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui trạng thái này nữa"; các Ngài nay chỉ tiếp tục giáo hóa, cứu độ chúng sinh và được tiếp nhận hồng ân chư Phật để thành Phật.

2. Chỗ thấy được và sống được với Giác Tánh với Giác Tánh, với Như Lai Tạng bản thể này đã hoàn toàn vượt qua khỏi Bất Thức Tâm Vương (Tiền Ngũ Thức, Ý thức, Mạt Na thức, và A Lại Da thức). Toàn bộ Bất Thức Tâm Vương nay đã không còn tồn tại nữa vì đều đã được chuyển hóa thành Tứ Trí: Ý thức thành Diệu Quán Sát Trí, Mạt Na thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, Tiền Ngũ Thức thành Thành Sở Tác Trí, A Lại Da thức thành Đại Viên Cảnh Trí. Do vậy tất cả các Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân của Tâm Bất Tương Ứng Hành pháp nơi A Lại Da thức đều đã trở nên thừa mứa, không còn cần phải sử dụng đến. Cả vị Thầy lẫn người đệ tử đều không còn phải cần đến những khuôn sáo có sẵn nhưng nay đã trở nên rỗng tuếch đối với các vị.

3. Để vượt qua Bất Thức Tâm Vương, trước nhất cần phải vượt qua 2 trở ngại lớn nhất, 2 thức hung hãn nhất, là Đệ Lục Ý thức (thức tư duy chấp pháp) và Đệ Thất Mạt Na thức (thức tư lương chấp ngã).

Do vậy, Tổ Sư Thiền có pháp Tham Thoại Đầu hoặc Tham Công An rất phổ biến, nhất là trong các dòng thiền Lâm Tế tông và Tào Động tông. Phương pháp Tham Thiền của Thiền Thoại Đầu và Thiền Công An được cảm nhận trước hết là khiến giúp giảm thiểu rồi triệt tiêu công năng phân biệt và chấp trước vào pháp trần của Ý thức bằng cách hướng thẳng Ý thức vào Mạt Na thức mà Mạt Na thức thường được ví như là Thùng Sơn Đen, Đầu Sào Trăm Trượng, Vô Thủy Vô Minh... Đây được gọi nôm na là "dùng Nghi Tĩnh, dùng Cái Không Biết để tu..."; tương ứng với lớp Quán thứ ba ("Nhiếp Mạt Qui Bản") trong Ngũ Trùng Duy Thức Quán của Duy Thức Học. Rồi đến khi nhân duyên, thời tiết chín muồi, khi Mạt Na thức và A Lại Da thức được vượt qua, hành giả sẽ được chứng Đạo, thấy Tánh.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm từ quyển 4, đức Phật đã khai thị về Tánh Giác, chỉ bày Chơn Thẳng Nghĩa về Tánh Giác, về sự sống sâu thẳm nhất của Thiền tông, được cảm nhận và ghi nhận sơ lược như sau:

1. Tánh Giác vốn là cái Diệu Minh, vốn là cái thường hằng, trùm khắp, tự sáng suốt, tự trong lặng, tự đầy đủ, thanh tịnh trang nghiêm, gọi là Giác Minh;

2. Tánh Giác có thể tánh nhiệm mầu vốn không đồng, không khác nên không là cái Bị Nhiễm Ô bởi bất kỳ cái nào khác. Như trong nhà Thiền có câu chuyện kể: Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744) đến Tào Khê tham yết Lục Tổ Huệ Năng (638-713). Tổ hỏi: "Ở đâu đến?", Ngài thưa: "Ở Tung Sơn đến." Tổ lại hỏi: "Đem vật gì đến?", Ngài trả lời không được, bèn ở lại với Tổ. Sau tám năm, Ngài chợt có tỉnh, liền đến trình Tổ: "Nói một vật là không đúng". Tổ liền hỏi: "Lại có thể đạt đến chăng?" Ngài đáp: "Tu chứng tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng được." Tổ bèn ấn chứng: "Chính cái không nhiễm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế";

3. Tánh Giác cũng không sanh tạo ra các thứ nhiễm ô. Vì các thứ này được sanh ra từ gốc các Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp của các loài chúng sinh. Do vậy, không thể nói là tại sao Tánh Giác thanh tịnh bản nhiên mà bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi sơn hà đại địa, như câu hỏi của ngài Phú Lô Na trong kinh;

4. Tánh Giác không là Sở Minh, không là cái Minh Giác, cái Bị Soi Sáng bởi bất kỳ cái nào khác. Điều này có nghĩa là Tánh Giác không do nơi Vọng Tướng phân biệt mà có ra;

5. Nếu vọng lập cái Sở Minh, cái Năng Minh hư vọng cũng được sinh khởi mà dẫn đến sự sinh khởi ra các Niệm Tướng nhiễm trước trần cấu, đưa đến phát sinh vô lượng Phiền Não. Rồi do Phiền Não dấy động, khiến thành ra thấy có thể giới, có hư không, có 4 Đại (Phong Đại, Địa Đại, Hỏa Đại, Thủy Đại)

nên lại có vọng lập ra 3 thứ Tướng Tục là Thế Giới Tướng Tục, Chúng Sinh Tướng Tục, và Nghiệp Quả Tướng Tục. 3 thứ Tướng Tục này đều chỉ là các Tướng Điện Đào sinh khởi từ Vọng Minh, rồi từ nơi Vọng Minh mà lại có phát hiện ra các tướng trạng hữu vi (sơn hà, đại địa...) thứ lớp trôi chảy, tiếp nối không dừng;

6. Tánh Giác không sanh Mê, Mê cũng không sanh Mê: Không thể nói là các bậc Giác ngộ, đã chứng nhập Giác Tánh thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu đến lúc nào lại sinh ra các tướng hữu vi, nghiệp quả hữu lậu trở lại; cũng không thể nói là do Mê mà sinh Mê, vì Mê vốn là không có gốc rễ, không có khả năng sinh khởi;

7. Tánh Giác viên dung, trùm khắp pháp giới, như Hư Không là Vô Tướng nhưng không ngăn cản các Tướng hữu vi (sáng - tối, trong - đục...) phát huy; tướng sáng không do mặt trời, cũng không do hư không, nhưng cũng không ngoài mặt trời và hư không;

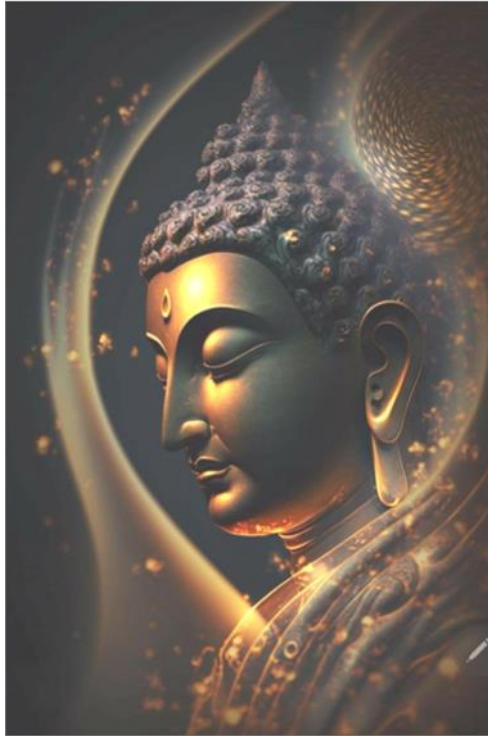
8. Tánh Thế vốn có của 4 Đại (Phong Đại, Địa Đại, Hỏa Đại, Thủy Đại) cũng viên dung, chơn thật giống như Tánh Giác vì chỉ là thuần nhất một Chơn Tâm, viên minh diệu giác. Nhưng Tánh Giác, Chơn Tâm lại không phải là 4 Đại, không phải là các hiện tượng hư vọng

nơi 4 Đại, nên không thể hỏi tại sao các Đại tánh xung khắc mà lại có thể dung lẫn nhau hoặc hỏi tại sao sắc-không, sáng-tối lẫn đoạt lẫn nhau;

9. Tánh Giác nơi đức Phật sử dụng là bản tánh Chân Giác diệu minh, không sinh, không diệt, hợp với Như Lai Tạng bản thể thanh tịnh, trong sáng, nhiệm mầu, chiếu soi khắp cùng pháp giới. Trong pháp giới ấy, Một là Vô Lượng, Vô Lượng là Một. Đó cũng là đạo tràng Pháp Thân Bất Động khắp cùng pháp giới 10 phương, nơi đầu một sợi lông mà hiện ra Phật độ cho 3,000 Đại Thiên thể giới, ngồi trong một hạt bụi nhỏ mà chuyển Đại Pháp Luân...

Tựu trung, 3 pháp môn Chỉ - Quán - Thiền có thể được gom vào một chữ: THIÊN. Đó là pháp môn nhằm đến "Bản Giác Diệu Minh, phi nhơn duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên, vô phi và bất phi, vô thị và phi thị, lia tất cả tướng, là tất cả pháp," nhằm đến sự sống tinh nguyên, thanh tịnh nhưng lại thường hằng, chu biến khắp pháp giới. Sự sống này không phải chỉ hiện hữu nơi các đức Phật, các vị Bồ Tát, các vị Thanh Văn... mà vẫn luôn có sẵn và có đủ nơi tất cả muôn loài chúng sanh. Đó là sự Bình Đẳng tuyệt đối quá đối tuyệt vời mà đức Bổn Sư đã tuyên thuyết vô cùng thiện xảo nơi kinh Thủ Lăng Nghiêm này vậy.

Khánh Hoàng
Plano _ April 18, 2024



HOÀNG TỬ HIẾU THẢO

Có ông hoàng tử ngày xưa
Tên là Nhân Nhục, nhân từ nổi danh
Yêu thương mọi kẻ xung quanh,
Lại thêm trí tuệ thông minh hơn người,
Khôi ngô tướng mạo rạng ngời
Toàn dân khen đức, khắp nơi mến tài.
Vua và hoàng hậu yêu ngài
Vì lòng hiếu thảo ít ai sánh cùng.
Một hôm vua bệnh trong cung
Thuốc men dùng mãi vẫn không giảm nhiều
Ông hoàng lo lắng dăm chiêu
Cùng quan hợp lại sớm chiều nghĩ suy
Bàn nhau xem có cách gì
Kiếm ra thuốc quý mang về chữa vua.
Trong triều có kẻ lọc lừa
Manh tâm muốn cướp ngôi vua lâu rồi
Chờ vua bạo bệnh qua đời
Hại luôn hoàng tử là người nối ngôi,
Giian thần thò díp ngỏ lời:
"Thuốc hay tuy biết. Kiếm thời khó sao!"
Ông hoàng: "Dù khó xiết bao
Tìm cho bằng được, ta nào chịu thua!"
Giian thần: "Tiên được xin thưa
Đó là bộ não người vừa thanh xuân
Lại thêm hiếu thảo vô ngần
Có lòng nhân đức xa gần đều khen!"
Vui mừng hoàng tử hỏi liền:
"Nào ta dùng chế thuốc tiên được nào?"
Giian thần trong bụng mừng sao

Bề ngoài giả bộ buồn rầu xin thưa:
"Nào ai hơn được tâm từ
Nào ai hiếu thảo được như bằng ngài
Nào ngài làm thuốc thật hay
Nhưng nghe sao thấy đắng cay bội phần
Triều thần đâu nỡ bắt nhân
Nào ai lại dám nhân tâm cùng ngài!"

*

Ông hoàng khảng khái buông lời:
"Ta đây nào có tiếc đời gấm hoa
Nếu mà cứu mạng vua cha
Thì ta dù chết lòng đà sướng vui!".
Triều thần thương cảm ngậm ngùi
Toàn dân hay chuyện người người lệ sa.
Ông hoàng truyền: "Cắt đầu ta
Mổ ra lấy não đem hòa thuốc ngay
Cầu Trời phù hộ thuốc hay
Chữa vua khỏi bệnh ta đây ngậm cười!".
Khen thay lòng hiếu tuyệt vời
Cho nên động đến đất trời linh thiêng
Thuốc hay như có phép tiên
Uống xong chén thuốc vua liền khỏe ra.

*

Ông hoàng hiếu với mẹ cha
Là tiền thân Phật Thích Ca thuở nào.

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Truyện cổ Phật giáo)





BỒ THÍ BA LA MẬT

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Huỳnh Trưởng bốn phương,
Mùa Vu lan sắp về, nhớ Mẹ, nhớ ngài Mục Kiền Liên với mẫu thân của ngài, nhớ bát cơm hoá thành than do nghiệp báo... chúng ta thấy giạt mình với định luật Nhân quả: nghe đơn giản mà sự vận hành thật vô cùng vi tế.

Không chỉ trong kinh điển Phật giáo hay những mẩu chuyện Đạo mà trong dân gian cũng vậy, chúng ta nghe câu nói này rất thường:

*"Phật Pháp nhiệm mầu,
Nhân quả đối đầu trong hiện kiếp."*

Nhưng khi có sự ứng nghiệm của nhân quả, mọi người đều bàng hoàng, kinh ngạc, ngưỡng mộ hay âu lo tùy hoàn cảnh diễn tiến của câu chuyện.

Hôm nay, nhận được một câu chuyện thật 100% xin kể lại ACE nghe để chúng ta được mở mắt về sự Bồ thí ba la mật và sự vận hành của định luật nhân quả.

Có một cậu học sinh 18 tuổi đang gặp khó khăn trong việc trả tiền học vì cậu là một đứa trẻ mồ côi, không biết đi nơi đâu để kiếm ra tiền. Thế rồi cậu này ra một sáng kiến. Cậu rủ một người bạn nghèo khác quyết định tổ chức một buổi nhạc hội ngay trong khuôn viên trường đại học để gây quỹ.

Họ tìm đến người nghệ sĩ dương cầm đại tài Ignacy J. Paderewski. Người quản lý của Paderewski yêu cầu một khoản phí bảo đảm \$2,000 mới để cho ông ấy được biểu diễn. Sau khi thỏa thuận xong, hai người sinh viên ấy bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị để cho buổi trình diễn được thành công.

Ngày trọng đại ấy cuối cùng đã đến. Nhạc sĩ dương cầm Paderewski đã trình diễn tại Stanford. Thế nhưng không may là vé vẫn chưa được bán hết. Sau khi tổng kết, họ chỉ có được \$1,600. Quá thất vọng, họ đến chỗ của Paderewski để trình bày hoàn cảnh của mình. Hai người sinh viên ấy đưa Paderewski toàn bộ số tiền bán vé, cùng với 1 check nợ \$400, và hứa sẽ trả số nợ ấy sớm nhất có thể.

"KHÔNG", Paderewski nói. "Cái này không thể nào chấp nhận được". Ông ta xé tờ check, trả lại \$1,600 cho hai chàng thanh niên và nói: "Đây là 1,600 đô, sau khi trừ hết tất cả các chi phí cho buổi biểu diễn thì còn bao nhiêu các cậu cứ giữ lấy cho việc học. Còn dư bao nhiêu thì hãy đưa cho tôi". Hai cậu sinh viên ấy vô cùng bất ngờ, xúc động cảm ơn Paderewski.

Thưa Anh Chị Em,

Đây tuy là một chuyện nhỏ nhưng nó chứng minh được nhân cách vĩ đại của Paderewski.

Thật vậy! Tại sao ông ấy có thể giúp hai người mà ông ấy không hề quen biết. Ai trong chúng ta cũng có thể đã gặp những tình huống như vậy trong cuộc sống. Nhưng hầu hết chúng ta đều nghĩ: "Nếu chúng ta giúp họ, chúng ta sẽ được gì?" Còn những người "vĩ đại" (bồ tát) họ lại nghĩ khác: "Giả sử chúng ta không giúp họ, điều gì sẽ xảy ra với những con người đang gặp khó khăn ấy?"

Bồ tát không mong đợi sự đền đáp. Họ làm chỉ vì họ nghĩ đó là việc nên làm, vậy thôi. Đó không phải là Bồ thí ba la mật sao? "Cho" mà không thấy mình cho, không thấy người nhận cũng không thấy vật gì đem cho?

Người nghệ sĩ dương cầm tốt bụng Paderewski ấy, sau này trở thành Thủ Tướng của Ba Lan. Ông ấy là một vị lãnh đạo tài năng. Nhưng không may chiến tranh thế giới nổ ra, và đất nước của ông bị tàn phá nặng nề. Có hơn một triệu rưỡi người Ba Lan đang bị chết đói, và chính phủ của ông không còn tiền để có thể nuôi sống dân chúng

được nữa. Trong lúc khẩn cấp Paderewski bèn tìm đến Cơ Quan Cứu Trợ Lương Thực Hoa Kỳ để nhờ sự trợ giúp.

Người đứng đầu cơ quan đó chính là Herbert Hoover—sau này trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ. Ông Hoover đồng ý giúp đỡ và nhanh chóng gửi hàng tấn lương thực để cứu giúp những người Ba Lan đang bị nguy cơ chết đói ấy. Nhờ vậy, thảm họa cuối cùng cũng đã được ngăn chặn. Thủ Tướng Paderewski bèn quyết định đi sang Mỹ để cảm ơn ông Hoover vì cử chỉ cao quý của ông ấy đã cứu người dân Ba Lan khỏi chết đói. Thế nhưng khi Paderewski chuẩn bị nói câu cảm ơn thì ông Hoover vội cắt ngang và nói: "Ngài không cần phải cảm ơn tôi đâu, thưa ngài Thủ Tướng. Có lẽ ngài không còn nhớ, nhưng nhiều năm trước, ngài có giúp đỡ hai sinh viên trẻ người Mỹ được tiếp tục đi học, và tôi là một trong hai người sinh viên đó".

Thưa Anh Chị Em,

Nhân quả là một định luật tự nhiên nhưng thật là mầu nhiệm. Mặc dù khi chúng ta cứu giúp 1 người thì chúng ta sẽ được cứu giúp/đền bù không phải bởi chính người ấy mà có thể bởi một người khác; nhưng trong câu chuyện này người cứu giúp ông Hoover sau này lại được chính ông Hoover đền ơn đáp nghĩa; luật nhân quả ở đây thật vô cùng mầu nhiệm!

Thân kính chúc ACE hưởng một mùa Vu Lan tràn đầy hương hiếu hạnh.

Trân trọng,
Ban Biên Tập



CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN NHÀ SƯ

Thích Tâm Nhân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thành ngữ người Việt thường nghe “Chiếc áo không làm nên nhà sư”, nghĩa bóng của nó như một lời nhắc nhở mọi người, đừng vội đánh giá người khác qua hình thức bên ngoài.

Nhưng trong đạo, “chiếc áo không làm nên nhà sư” lại có ý vị sâu xa khác, ví dụ một nhà sư vì hoàn cảnh binh đao hay thời kỳ tao loạn, ảnh hưởng tính mạng, khoác áo thường dân để ẩn dật thì dù mặc y phục kiểu gì, lúc ấy bản thể của Tỳ-kheo cũng không mất đi.

Bình nhật trở lại, nhà sư cũng không thể mặc hoài y phục thế gian là thành ông sư, “chiếc y làm nên nhà sư”. Song, trọng ca-sa hay trọng giới thể đó là điều chúng ta cần bàn.

Câu chuyện trong chùa. Tôi có vị sư huynh đang tu học theo hệ Phật giáo Bắc tông, sinh hoạt tại một ngôi cổ tự - Sài Gòn, sư huynh thọ giới Cụ túc năm 1991, nay có ý muốn chuyển sang Phật giáo Nam tông. Vì nghĩ rằng chiếc y của mình đang khoác không phải màu y của Phật giáo nguyên thủy chính thống, tuy nhiên còn phân vân chưa dứt khoát, với lý do nếu qua đó phải làm Sa-di và thọ giới Cụ túc lại từ đầu...

Giới thể vô biểu

Trong Phật giáo Bắc tông có hai vị Trưởng lão kỳ túc đã đổi y từ Bắc tông sang Nam tông nhưng không hề thọ giới lại theo truyền thống Nam truyền, đó là Hòa thượng Thích Minh Châu và Hòa thượng Thích Đồng Minh.

Năm 1978, Hòa thượng Đồng Minh bị bắt, sau hai năm ở tù trở về, Ôn đổi y Bắc tông sang y Nam tông, không vì chuyện này mà nói rằng giới thể “vô biểu” của Ôn bị mất hoàn toàn. Thầy Tuệ Sỹ viết về Ôn: Hòa thượng là một số rất ít trong các Tỳ-kheo trì luật của Tăng-già Việt Nam kể từ khi Phật giáo được trùng hưng, Tăng thể được chấn chỉnh và khôi phục... Ngài xứng đáng là bậc Long Tượng trong chốn tông lâm, đời sống phạm hạnh nghiêm túc, phản chiếu giới đức sáng ngời, tịnh như băng tuyết [1]. Và khi Ôn viên tịch, Hòa thượng Trí Quang kính tiến tán tụng: “Kính cúng dường bậc Đại đức tôn quý trong hàng tứ chúng, một đời trì luật, thuận Giới giải thoát (prātimokṣa)” (Phụng cúng chúng trung tôn, thiện thuận giải thoát giới 奉供眾中尊善順解脫戒) [2].

Vị Tôn trưởng thứ hai, Hòa thượng Thích Minh Châu sinh năm 1918 (Mậu Ngọ) tại làng Kim Thành, Quảng Nam. Năm 1946, Hòa thượng xuất gia đầu sư với ngài Tịnh Khiết (Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN) tại tổ đình Tường Vân, thành phố Huế. Năm 1949 (Kỷ Sửu) thọ Cụ túc giới tại Giới đàn Hộ Quốc chùa Báo Quốc.

Năm 1952, Hòa thượng du học tại Sri Lanka, sau đó sang Ấn Độ học tại Đại học Bihar. Tháng 4 năm 1964, trở về nước, Hòa thượng làm Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh [3]... Hòa thượng thọ giới theo truyền thống Bắc tông (Pháp tạng bộ) rồi chuyển y Nam tông, thời điểm chuyển y không thấy sử liệu nào ghi chép, có thể là trong giai đoạn du học?

Từ thời Phật, khi Ngài chế định việc truyền giới Cụ túc phải hiện diện 10 vị Tỳ-kheo mới đủ thẩm quyền để tiến hành việc truyền giới Cụ túc và nghi thức được tiến hành thông qua ba lần hỏi (yết-ma) lấy biểu quyết của Tăng, và một lần tác bạch

thư thỉnh trước đó là bốn lần, gọi là Bạch tứ yết-ma (jñapticatūrtama karma) [4], cho đến nay cả hai hệ: Phật giáo Nam tông y cứ trên luật tạng Pāli và Bắc tông y cứ hệ luật Tứ phần đều thực hiện như nhau.

Và theo các nhà Hữu bộ luận giải, khi giới tử phát sinh tâm niệm cầu thọ Cụ túc giới, được dẫn vào trước Tăng, thành khẩn nói những lời cầu thỉnh giới sư v.v... cho đến khi Tăng đã thực hiện một lần tác bạch và ba lần yết-ma, tất cả những diễn tiến này đều được gọi là gia hành của nghiệp đạo. Sau khi Tăng đã hoàn tất Bạch tứ yết-ma, giới thể vô biểu đã phát sinh nơi giới tử.

Vô biểu (Skt. avijñapti, 無表) là những thể lực điều động các hoạt động của thân và ngữ, không biểu lộ ra bên ngoài cho người khác có thể thấy. Thể lực đó là khả năng phòng hộ của giới. Nó giống như sự phản xạ có điều kiện của một người học võ do tập luyện lâu ngày, có khả năng phòng vệ sinh mạng của mình trong bất cứ lúc nào và dưới bất cứ trường hợp nào [5]. Và năng lực phòng hộ này chỉ mất với những trường hợp như sau:

Luật Pāli (Vin. 3. 26), Tứ phần (p.571b12) v.v... giải thích: thứ nhất, đối diện với người có khả năng hiểu mình muốn nói gì, tuyên bố từ bỏ học xứ, như nói: “Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng, ... xa giới, xa



luật, muốn làm cư sĩ...” là mất giới. Thứ hai là phạm ba-la-di (pārājika) là mất giới. Luận Câu-xá [6] giảng thêm: Mất giới khi mạng chung (xả tụ đồng phân 捨聚同分); bị lưỡng tính ái nam ái nữ (nhị căn chuyển sinh 二根轉生); thiện căn bị đoạn (善根斷), như khởi tà kiến không tin nhân quả, tham, sân, si trởi dậy làm mất thiện căn, mất giới. Không thấy giáo nghĩa nào nói, một Tỳ-kheo thay đổi y phục sang hệ phái cùng tông phái Phật giáo là mất giới. Ngoại trừ Tỳ-kheo nào ưa thích muốn làm đệ tử ngoại đạo

(titthayasāvaka bhāvaṃ patthaya māno), cải tông mới mất giới hoàn toàn. Vậy vì sao Phật giáo Nam tông không chấp nhận giới thể của hệ Bắc tông thọ trì theo hệ Tứ phần - Pháp tạng bộ?

Tư tưởng tự tôn của tông phái

Mặc dù, Hòa thượng Minh Châu và Ôn Đồng Minh đối y nhưng Phật giáo Nam tông tại Việt Nam lúc bấy giờ cũng không công nhận là được “chân truyền”. Sự thật lịch sử:

Tháng 4-1976, Pol Pot lên nắm quyền Campuchia, bãi bỏ mọi tôn giáo, tiêu diệt các nhà sư Phật giáo. Năm 1978, Việt Nam giúp Campuchia lật đổ chế độ Pol Pot và phía chính quyền Việt Nam muốn giúp Phật giáo Nam tông tại đây được khôi phục, cho nên tổ chức một phái đoàn Phật giáo Nam tông từ Việt Nam sang truyền giới cho các nhà sư Campuchia.

Theo tài liệu của Đỗ Trung Hiếu ghi chép, phái đoàn gồm 12 người: 1. Hòa thượng Bửu Chơn (trưởng đoàn); 2. Hòa thượng Giới Nghiêm (phó đoàn); Thượng tọa Siêu Việt, Thượng tọa Minh Châu, Thượng tọa Thiên Tâm v.v... Ngày 17-9-1979, đoàn Phật giáo Việt Nam lên đường. Đến nơi, chiều ngày 18... Tiếp ngày hôm sau, đúng 9 giờ sáng ngày 19-9 (1979), lễ xuất gia được tổ chức tại chùa Onalun (chùa lớn nhất Phnôm Pênh, nơi vua sãi ở). Có 7 vị sư Campuchia xuất gia. Hòa thượng Giới Nghiêm làm thầy tế độ, Thượng tọa Siêu Việt, Thượng tọa Thiên Tâm làm Yết-ma, các vị khác làm thành viên của buổi lễ. Riêng Thượng tọa Minh Châu vì là Bắc tông nên chỉ tham dự với tư cách khách danh dự [7].

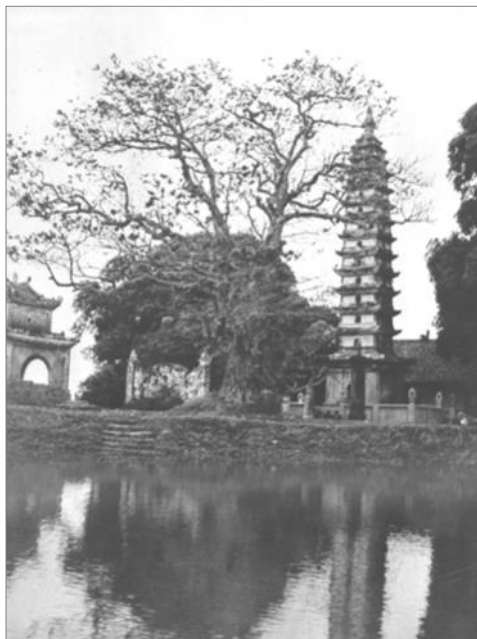
Vì sao Hòa thượng Minh Châu không được tham dự chính thức, nếu nói do ngài không thạo tiếng Campuchia thì điều này không hợp lẽ, trong phái đoàn cũng có Thượng tọa Thiên Tâm không biết tiếng Campuchia, lại làm Yết-ma. Tập tài liệu của ông Hiếu có nhấn mạnh rõ ràng: “Ngoài Thượng tọa Minh Châu, tất cả sự đều là Nam tông”.

Trường hợp của Ôn Đồng Minh cũng không ngoại lệ, Ôn từng kể cho chúng tôi nghe, có lần Ôn muốn nghiên cứu cách thức tác pháp yết-ma của Tăng-già Nam tông, Ôn đến tham dự nhưng chỉ dự khán, ngồi bên ngoài Sīmā, tức chỉ cho cương giới của Tăng Nam tông yết-ma truyền giới Cụ túc. Vì

Ôn không phải túc số của Tăng, ngồi vào trong thì buổi lễ yết-ma đó sẽ bất thành.

Nghi thức truyền giới Cụ túc của hai hệ Nam tông và Bắc tông tuy sai khác về văn bản tụng đọc và lễ nghi tổ chức nhưng túc số Tăng để yết-ma cũng 10 vị Tỳ-kheo mà thôi. Bên Bắc tông có thêm vị dẫn thỉnh (điển lễ) và bốn vị giám đàn, xét trên nguyên tắc những người này không cần thiết, chỉ ảnh hưởng tập tục nghi tiết của Trung Quốc, họ không được tính trong túc số Tăng 10 vị.

Theo chúng tôi biết, hiện nay tại Việt Nam, cả hai hệ phái tổ chức giới đàn, trong túc số 10 vị không thấy có sự thỉnh mời tham dự xen lẫn. Giả thuyết, sư Bắc tông không thể tụng đọc Pāli, hay sư Nam tông không biết tụng đọc âm Hán-Việt, nên không thể ngồi chung; hoặc lý luận, bên nào quen với truyền thống bên đó, càng không đúng. Phái chẳng chính do đôi bên tự tôn tông phái, nảy sinh tính kỳ thị, mới có chuyện không chấp nhận nhau và có thành kiến với y phục, cả sự đặc giới của đôi bên. Thời xưa, những vùng miền linh hoạt luật học thì không bao giờ có chuyện này.



Giới đàn hiện diện nhiều bộ phái

Sử liệu lưu truyền, vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch, Mahinda (摩哂陀, Ma-sản-đà) con trai vua A-dục (Asoka) nhận Moggaliputta Tissa (目犍連子帝須, Mục-kiền-liên Tử Đễ-tu) làm

Hòa thượng bốn sư (upādhyāya), Mahādeva (大天 Đại Thiên) là Hòa thượng (A-xà-lê, ācārya, 阿闍黎) truyền 10 giới Sa-di; Madhyāntika (摩闍提 Ma-xiển-đề) là Hòa thượng (A-xà-lê) truyền giới Cụ túc.

Trong một giới đàn có ba hệ phái cùng tham dự: Moggaliputta Tissa là người Phân biệt thuyết bộ (Vibhajyavādin), Mahādeva là phái Đại chúng (Mahāsaṅghika), Madhyāntika là Thuyết nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin) [8]. Mahinda chính là Sơ tổ Phật giáo Nam tông bây giờ. Mahinda cùng các vị đại đức Iṭṭhiya (Iddhiya), Uttiya, Bhaddasāla và Sambala đến Tích Lan truyền giáo theo sắc lệnh vua cha và nhóm này hình thành Thượng tọa bộ, còn gọi Đồng điệp bộ (Tāmraśāṭīyas, bộ phái mặc màu y lá đồng đỏ) [9], cho đến tận ngày nay dấu chân hoàng hóa của họ phát triển khắp nơi trên thế giới.

Tại Trung Hoa, thời kỳ đầu Phật giáo du nhập, lúc này Tăng sĩ chỉ cạo tóc xuất gia, thọ trì tam quy ngũ giới, không có luật nghi. Đến năm 250, niên hiệu Gia Bình thời Tào Ngụy, Đàm-ma-ca-la (Dharmakāla) người Ấn Độ đến Lạc Dương, dịch Tăng-kỳ giới tâm; năm 254, niên hiệu Chánh Nguyên, Sa-môn Đàm-đế người An Tức cũng đến Lạc Dương dịch Đàm-vô-đức bộ Tứ phần giới bốn, thỉnh đủ 10 vị Phạn tăng tổ chức pháp yết-ma truyền giới Tỳ-kheo. Đó là giới đàn truyền giới Tỳ-kheo đầu tiên tại Trung Hoa. Không rõ 10 vị Tăng

được thỉnh mời thuộc tông nào nhưng theo tư liệu Hán dịch nói rằng Đàm-ma-ca-la và Đàm-đế thuộc tông Pháp tạng bộ trì Luật Tứ phần [10].

Về Ni giới. Cho đến đời Tấn, niên hiệu Thăng Bình (357), Sa-môn Đàm-ma-kiết-đa lập giới đàn truyền giới Tỳ-kheo-ni cho Tịnh Kiểm và bốn cô nữa. Đây được kể là Tỳ-kheo-ni đầu tiên tại Trung Quốc, nhưng không đủ nhị bộ Tăng, mà trực tiếp truyền từ Tỳ-kheo Tăng. Vì bấy giờ Trung Quốc chưa có Ni thì không thể đủ hai bộ để truyền như luật định. Đàm-ma-kiết-đa cho rằng giới từ Đại Tăng mà có, nay Đại Tăng đủ số thì có thể truyền.

Sau đó, vào năm Nguyên Gia 6 (429), có Sa-môn Cầu-na-bạt-ma (Guṇavarman) đến Trung Quốc, ni cô Huệ Quả đem vấn đề thọ giới đặc pháp ra hỏi, ngài trả lời: không đặc, vì không đủ nhị bộ Tăng. Lúc bấy giờ tại Trung Quốc có 8 vị Tỳ-kheo-ni từ Tích Lan sang, nhưng Cầu-na-bạt-ma cho là chưa đủ số thập sư nên chưa chịu tổ chức giới đàn. Theo lời khẩn cầu của các Ni cô bấy giờ, Cầu-na-bạt-ma cử người sang đảo Sư Tử, tức Tích Lan ngày nay, thỉnh thêm cho đủ Thập ni để truyền giới.

Về sau, có thêm Thượng tọa ni Thiết-sách-la cùng bốn vị nữa từ đảo Sư Tử sang, nhưng bấy giờ Cầu-na-bạt-ma đã tịch. Giới đàn khi ấy do Tăng-già-bạt-ma (Saṃghavarman) tổ chức, đủ túc số hai bộ Tăng truyền giới Tỳ-kheo-ni. Đây gọi là chính thức Tỳ-kheo-ni như pháp được truyền thọ tại Trung Quốc [11]. Chúng ta thấy, giới đàn Ni, trong 10 vị Tăng, Tăng-già-bạt-ma là người Hữu bộ, những vị Tăng khác có thể Pháp tạng bộ hoặc Hữu bộ, còn thập sư Tỳ-kheo-ni là Đồng điệp bộ (Phật giáo Nam tông).

Luận kết

Giới thể của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni được thẩm định từ người hành trì Phạm hạnh và thọ giới đúng pháp yết-ma, chứ không đánh giá hình thức bề ngoài sắc phục là tông phái nào. Giáo pháp và quy chế của Phật vừa cố định vừa quy ước, nó đã thích nghi với một xã hội Ấn Độ trước thế kỷ thứ V trước Tây lịch.

Về sau, Phật giáo truyền đến các nước, chư Thánh đệ tử đã linh hoạt với nếp sống hòa nhập, sao cho không trái phạm với nền tảng giới luật của Phật chế. Mục đích giữ luật không phải cực đoan, cục bộ hay tự tôn tông phái. Ngày nay Phật giáo Bắc tông là Pháp tạng bộ (Dharmaguptaka), hệ thống kinh điển và Luật tạng gần như là bản sao của Phật giáo Nam tông.

Phật giáo Nam tông hay gọi Phật giáo Nam truyền cũng xuất phát từ Phân biệt thuyết bộ (Vibhajyavādin), Tam tạng thánh giáo và nếp sống gần nguyên thủy, chứ hoàn toàn không phải Phật giáo nguyên thủy. Chính Bhikkhu Bodhi là nhà sư Nam tông cũng công nhận điều này [12]. Nếu nói là Phật giáo nguyên thủy là chỉ cho Phật giáo tiền bộ phái (Pre-sectarian Buddhism) hay gọi Phật giáo sơ kỳ (Early Buddhism), tức chỉ cho thời Đức Phật tại thế và kéo dài đến triều đại vua A-dục (Aśoka) (c. 268 đến 232 BCE) mà thôi [13].

Năm 1998, tại Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) Ấn Độ, tổ chức giới đàn truyền giới Cụ túc, với sự hiện diện đầy đủ của nhị bộ Tăng-già, bên Tăng có sư Nam tông, Bắc tông, bên Ni là các Tỳ-kheo-ni Đài Loan. Trong giới đàn có một số giới tử Ni đến từ

Tích Lan (Sri Lanka), Nepal... Thế nhưng những giới tử Ni đến từ Tích Lan (Sri Lanka) đã bị Giáo hội Tăng-già tại Tích Lan từ chối sự đặc giới của họ, cho rằng đó là giới pháp của Đại thừa (Mahāyāna) [14]. Sự thật này có vẻ lạnh, vô cảm đến mấy thì Tăng đồ Nam tông cũng không thể quên đi lịch sử quá khứ, Mahinda Sơ tổ Phật giáo Nam tông đã đặc giới từ ba vị thầy thuộc ba bộ phái khác nhau, trong đó Mahādeva là phái Đại chúng phát triển thành Phật giáo Đại thừa sau này.

Tâm Nhân

(Tưởng niệm Ân sư Tuyên Luật sư Thích Đồng Minh, viên tịch 11-5-Ất Dậu - 2005)

1. Tự ngôn trong bản Việt dịch Luật Tứ phần, thầy Tuệ Sỹ viết tại Quảng Hương Già-lam, Cuối Đông, 2549.

2. Kỳ yếu Tưởng niệm Tôn sư, tr. 71.

3. <https://giacngo.vn/tieu-su-truong-lao-hthhich-minh-chau>.

4. Luật tạng: Thập tụng: p.148b12-17; Tứ phần: p.799c12-29; Ngũ phần: p.111b2-23, 25; Pāli: I, 28, 3-6, 31, 2; Tăng-kỳ: cf. pp.412b26 - 413a6, p.416b7-10.

5. Tuệ Sỹ, Yết-ma Yếu chỉ (2011), chương i và chương iii.

6. 阿毘達磨俱舍釋論,卷11, T29, no. 1559, p.235c3.

7. https://vi.wikipedia.org/wiki/Pol_Pot & "Thống nhất Phật giáo Việt Nam - 1994", tr. 8-11, Đỗ Trung Hiếu.

8. 印順導師, 初期大乘佛教之起源與開展, p.409.

9. Dīpaṃvāsa (Đào vương thống sử, ch. VIII), Mahāvamsa (Đại vương thống sử, ch. XII), Samantapāsādikā (Nhất thiết thiện kiến luật chú, pp.63, 19-69, 15); Chuan Cheng, Designations of Ancient Sri Lankan Buddhism in the Chinese Tripitaka (Journal of the oxford centre for buddhist studies, vol. 2), p.104.

10. 四分律刪繁補闕行事鈔,卷2, T40, no. 1804, p.51c4 & 佛祖統紀, 卷29, 35, T49, no. 2035, p.296c7, p.332a12.

11. 四分律刪繁補闕行事鈔,卷2, p.51c4; 高僧傳, 卷3, T50, no. 2059, p.342b11; Tuệ Sỹ, Một thời truyền luật.

12. Bhikkhu Bodhi, The revival of Bhikkhunī ordination in the Theravāda tradition, p.35-36.

13. Griffiths, Paul J. (1983) "Buddhist Jhana: A Form-Critical Study", Religion 13, pp.55-68. & Collins, Steven (1990) "On the Very Idea of the Pali Canon", Journal of the Pali Text Society 15, pp.89-126.

14. Bhikkhu Bodhi, p.36.



TÂM TỪ: ĐỌC TRONG MÙA VU LAN

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bài viết này để cúng dường Tam Bảo; tất cả phước đức xin hồi hướng tới cha mẹ nhiều đời và tất cả chúng sinh ba cõi.

Đọc trong mùa Vu Lan, cũng là đọc trong tất cả mọi thời. Bởi vì Vu Lan, dựa vào tích Ngài Mục Kiền Liên vào cõi naga quý tìm cứu mẹ, là nơi lửa cháy không ngừng, nơi đói khát không ngừng; do vậy, lòng con không giây phút nào ngưng nghỉ tới việc cứu mẹ. Trong khi đó, Đức Phật đã dạy, tất cả chúng sinh đều đã từng là cha mẹ đời trước của mình. Bài này nói về Kinh Từ Bi, một phần trong 11 pháp môn, tới cái nhìn Vô thường, rồi tới cái nhìn Duy Thức, và rồi từ Duy Thức khởi tâm đại bi. Các ý phức tạp trong bài, sẽ ghi nhiều bản dịch để đối chiếu.

KINH TỪ BI

Bài Kinh về Tâm Từ, còn gọi là Từ Kinh, hay Từ Bi Kinh, tiếng Anh gọi là Metta Sutta, còn gọi là Karaniya Metta Sutta.

Kinh này xuất hiện hai lần trong tạng Pali:

- Kinh Tập 1.8 (Sutta Nipata — Sn 1.8);

- Kinh Tiểu Tụng số 9 (Khuddakapaṭha — Khp 9).

Theo truyền thuyết, một nhóm các vị sư vào rừng ngồi thiền, kinh hãi vì các chúng sinh phi nhơn. Sau khi được các sư kể lại và hỏi về phương pháp đối phó với các chúng sinh phi nhơn, Đức Phật dạy bài kinh Metta Sutta làm pháp đối trị sợ hãi. Các vị sư tụng kinh này và cảm thấy bình an, trong khi các chúng sinh cõi phi nhơn trong rừng cũng hoan hỷ.

Thầy Thích Thiện Châu dịch về nguyên nhân giảng kinh như sau:

"Các thầy tỳ kheo thường hành thiền dưới các cội cây to lớn. Ban đầu chư thiên cư ngụ trên cây rất vui mừng và để tỏ lòng kính trọng chư tăng, họ đã tạm dời xuống mặt đất. Nhưng sau một thời gian, cuộc sống dưới mặt đất rất bất tiện nên họ đâm ra bực bội. Biết không thể nào chịu đựng được như vậy trong 3 tháng nên chư thiên đã tìm đủ mọi cách để xua đuổi các thầy tỳ kheo ra khỏi rừng. Họ đã biến hóa ra những hình ảnh ghê sợ, những âm thanh rùng rợn và các mùi hôi thối để làm nản lòng các thầy. Trước những cảnh tượng kinh hoàng, tâm của các thầy bắt đầu dao động, sợ hãi, và đâm ra mất ăn, mất ngủ, thân thể bệnh hoạn, ốm yếu, gầy mòn. Tinh thần không còn yên ổn để hành thiền. Do đó các thầy cùng nhau quay về Savatthi để xin đức Phật cho nhập hạ tại một nơi khác.

Đức Phật hỏi nguyên do và nhận thấy không có chỗ nào thích hợp hơn khu rừng, nên ngài khuyến khích thầy nên trở về chỗ cũ và dạy cho các thầy bài kinh Từ Bi để tự bảo vệ khỏi sự quấy phá của chư thiên. Các thầy tuân lời và học thuộc lòng bài kinh này trước khi trở lại khu rừng.

Trên đường trở về cũng như khi đến nơi, các thầy đều tụng bài kinh này và tập rải tâm từ cho chư thiên khiến họ hoan hỷ nên họ không còn quấy phá các thầy nữa. Nhờ vậy mà các thầy sống yên ổn tu hành, tinh tấn hành thiền và đều đắc quả sau mùa an cư năm đó." [Nổi kết bản Việt dịch và 19 bản Anh dịch ở [1]].

Kinh này dạy, tóm tắt là: người tu hãy khéo léo trong thiện pháp, giữ tâm bình an, sống biết đủ, nói lời dịu dàng, không làm bất cứ việc gì mà bậc trí có thể khiển trách, hãy ước muốn rằng tất cả chúng sinh sống hạnh phúc và bình an và ước muốn tất cả chúng sinh biết tự vui trong tâm. Hãy nguyện rằng tất cả chúng sinh (dù loài yếu hay mạnh, lớn hay nhỏ, được thấy hay không được thấy, dù gần hay xa, đã sanh ra hay chưa sanh ra) đều được an lạc, nguyện cho không chúng sinh nào bức hại bất kỳ chúng sinh nào, nguyện cho không chúng sinh nào khởi sân tâm với bất kỳ chúng sinh nào. Hãy mở tâm từ vô lượng hướng về tất cả chúng sinh y hệt như bà mẹ hướng tâm về đứa con duy nhất của bà. Hãy chiếu sáng tâm từ bi yêu thương này tới khắp các thế giới (cõi trên, cõi dưới và khắp bốn hướng), hãy giữ chánh niệm từ bi như thế trong khi đi đứng nằm ngồi — đó là an trú tối thượng. Trong khi hướng tâm như thế, **không nắm giữ bất kỳ kiến nào** (*free from any view, not holding to fixed views*), sống giới hạnh, sẽ có tuệ nhãn, sẽ kết thúc ái dục, và sẽ không tái sanh vào thai bào nữa (hiểu là: hoặc đắc quả A La Hán, hoặc quả Bất Lai).

Đoạn văn cuối vừa tóm lược, cho thấy Từ Bi sẽ dẫn tới Giải Thoát. Nói "**không nắm giữ bất kỳ kiến nào**," dẫn theo Thiền Tông VN là "hữu vô câu bất lập." Hay một cách khác: giữ tâm vô sở trụ (dù bất kỳ kiến nào với sắc, thọ, tưởng, hành, thức).

Điểm vừa nói rất quan trọng. Vì trong Kinh MN 97 — Dhananjani Sutta, Đức Phật rầy ngài Xá Lợi Phất vì đã dạy ông cụ Dhananjani đang trọng bệnh sắp chết pháp Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng, Xả vô lượng theo cách để khi chết sẽ về cộng trú cõi Phạm Thiên, trong khi lẽ ra phải dạy tới cảnh giới cao thượng hơn.

Kinh MN 97 viết:

"Rời Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: Đây các Tỳ-kheo, dầu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, Sāriputta sau khi an trú Bà-la-môn Dhananjani vào Phạm thiên giới thấp kém, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi..." [2]

TÂM TỪ TRONG 11 PHÁP MÔN

Đức Phật đưa Thiền Tâm Từ vào nhóm 11 pháp môn. Nghĩa là, 11 cửa giải thoát. Trong đó, bất kỳ cửa nào cũng có thể đưa chúng sinh giải thoát.

Kinh nói về 11 pháp môn được ghi trong hai kinh:

— MN 52: Atthakanagara Sutta (Trung Bộ Kinh

MN 52). HT Thích Minh Châu dịch là Kinh Bát Thành.

— AN 11.17: Dasama Sutta (Tăng Chi Kinh AN 11.17). HT Thích Minh Châu dịch là Kinh Gia Chủ Dasama.

Nơi đây, chúng ta sẽ nói về Kinh MN 52. Các nội kết kinh bản Việt dịch và Anh dịch sẽ ở ghi chú [3].

Trong Kinh MN 52, Đức Phật dạy rằng có 11 cửa giải thoát, dù tu theo bất kỳ cửa nào cũng sẽ ra khỏi căn nhà lửa.

Bản dịch của HT Thích Minh Châu trong MN 52 viết rằng, trích:

"*Khi được nghe nói vậy, Gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka bạch Tôn giả Ānanda:*

— *Bạch Tôn giả Ānanda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong một lúc tìm được mười một kho tàng cất giấu. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe một lần mười một pháp môn bất tử. Bạch Tôn giả, như ngôi nhà người ta có đến mười một cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, chỉ với một cửa bất tử trong mười một cửa bất tử này, con có thể đạt được sự an toàn cho con."* (ngưng trích)

Lời của gia chủ Dasama trong bản Anh dịch của Bhikkhu Bodhi là:

"...while I was seeking one door to the Deathless, I have come all at once to hear of eleven doors to the Deathless. Just as if a man had a house with eleven doors and when that house caught on fire, he could flee to safety by any one of these eleven doors, so I can flee to safety by any one of these eleven doors to the Deathless." (Dịch: Trong khi con tìm một cửa tới Bất tử, còn cùng một thời pháp được nghe 11 pháp môn dẫn tới Bất tử. Y hết một người trong căn nhà có 11 cửa, và khi nhà bốc cháy, người đó có thể thoát ra an ổn nhờ bất kỳ một trong 11 cửa này, do vậy con có thể thoát ra an toàn nhờ bất kỳ cửa nào trong 11 cửa tới Bất tử.)

Tới đây, câu hỏi là, đó là 11 pháp môn nào?

Duyên khởi Kinh MN 52 là, gia chủ Dasama hỏi Ngài Ananda, trích:

"—*Bạch Tôn giả Ānanda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?"*(ngưng trích)

HT Thích Minh Châu dịch là "pháp độc nhất" – chúng ta nên hiểu là "pháp đơn độc" vì ngài không có ý nói là "pháp duy nhất" vì Kinh này liệt kê 11 cửa giải thoát khác nhau.

Bhikkhu Bodhi dịch là: "Venerable Ānanda, has any one thing been..." (có bất kỳ một pháp nào).

Bhikkhu Sujato dịch là: "Sir, Ānanda, is there one thing that has been..." (có một pháp nào).

Ngài Ananda nói rằng về pháp thứ nhất, đó là từ Sơ thiên đi thẳng tới Niết Bàn. Kinh viết, trích:

"—*Ở đây, này Gia chủ, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết:* "Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này." (ngưng trích)

Bản Anh dịch của Bhikkhu

Bodhi là: "He considers this and understands it thus: 'This first jhāna is conditioned and volitionally produced. But whatever is conditioned and volitionally produced is impermanent, subject to cessation.' If he is steady in that, he attains the destruction of the taints..." (Dịch: Người đó suy tư và hiểu rằng, tầng sơ thiên này là pháp hữu vi, do hành tạo tác, nhưng bất cứ những gì hữu vi và do hành tạo tác đều là vô thường, sẽ phải đoạn diệt. Nếu vị này an trú trong hiểu biết này, sẽ phá hủy được các lậu hoặc..."

Nghĩa là, cửa giải thoát thứ nhất là từ Sơ thiên, suy tư, nhận ra, vững trú trong cái thấy vô thường, từ đây đoạn trừ lậu hoặc, nhập Niết bàn.

Kinh viết tiếp, cửa giải thoát thứ nhì là vào Nhị thiên, tương tự như trên. Tương tự, với Tam thiên và Tứ thiên. Nghĩa là, với mỗi tầng thiên, đều có thể hướng tâm suy tư và nhận ra pháp ẩn vô thường.

Pháp môn thứ 5, hay cửa giải thoát thứ 5, là Thiền Tâm Từ.

Kinh MN 52 viết, trích:

"*Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm cấu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm cấu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết:* "Tứ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này." (ngưng trích)

Nghĩa là, ngay pháp tu Từ vô lượng, hãy suy tư, nhận biết, vững trú trong cái thấy vô thường, từ đây đoạn trừ lậu hoặc, nhập Niết bàn.

Tiếp theo, Kinh nói về Bi, Hỷ và Xả tâm vô



lượng — tương tự như trên.

Tổng cộng các ý trên là 8 pháp môn giải thoát.

Kinh nói tiếp về ba pháp định — Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ -- trong khi vào bất kỳ định nào trong ba định này, người tu khởi tâm suy tư và biết, trích:

"...*định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vi ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vi ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khởi phải trở lui đời này.*" (ngưng trích)

Như thế, bất kỳ pháp nào trong 11 pháp môn vừa nói đều là cửa giải thoát, như kinh ví dụ là ngôi nhà có 11 cửa, khi nhà cháy, cửa nào cũng đưa ra thoát bình an.

Điểm để suy nghĩ: Kinh MN 52 không nói gì về hai pháp định được xem là vi tế hơn ba pháp định nêu trên: **Phi tướng phi phi tướng xứ định** và **Diệt thọ tưởng định**. Tại sao? Tại sao hai pháp định này không được xem là cửa giải thoát? Đọc kỹ, chúng ta có thể suy đoán rằng, vì trong hai cảnh giới định này, không còn tưởng nữa.

Không còn tưởng, cũng có nghĩa là không thể suy tư (để nhận biết pháp ấn vô thường), như 11 pháp môn dẫn trên.

Một điểm để suy nghĩ nữa: trong 11 pháp môn nêu trên, Đức Phật không nói về Tứ Niệm Xứ và Tam Giải Thoát Môn. Không phải là Đức Phật phân biệt cao thấp, nhưng chỉ vì muốn đưa ra nhiều pháp môn cho học nhân tiện dụng. Trong khi Tứ Niệm Xứ là niệm thân/thọ/tâm/pháp, và trong khi Tam Giải Thoát Môn là vào các tam muội Không, Vô Tướng, Vô Tác, nhóm 11 pháp môn trong Kinh MN 52 có thể nói cho gọn là Suy Tư Để Nhận Biết và Vững Trú trong Cái Thấy Vô Thường. Điểm chung trong 11 cửa giải thoát nêu trên, hành giả chọn bất kỳ cửa nào cũng được, và rồi **suy tư, nhận biết, vững trú trong cái thấy vô thường**, từ đây đoạn trừ lậu hoặc, nhập Niết bàn.

Và Vô thường, tất nhiên Khổ, tất nhiên Vô ngã. Nghĩa là, ba pháp ấn, nói theo Nam Tông. Nói theo Bắc Tông, sẽ thêm Không, gọi là tứ pháp ấn. Gọi chung, một chữ là Duyên Khởi, là vì cái này có, cho nên cái kia có. Đức Phật nói các pháp y hệt các cộng tranh dựa vào nhau mà có, không pháp nào độc lập hay tự hữu.

NHẬN RA PHÁP ẤN VÔ THƯỜNG

Tới đây, câu hỏi là, làm sao nhận ra pháp ấn vô thường?

Đức Phật dạy trong nhiều kinh rằng tất cả pháp hữu vi là vô thường, và vì thế cho nên khổ (bất như ý), và vì thế cho nên vô ngã.

Trong Kinh SN 22.15 - Yadanicca Sutta, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết, trích:

"*Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải là tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải là tôi".*" [4]

Tương tự với thọ, tưởng, hành, thức. Có nghĩa là, tất cả những gì chúng ta thấy, nghe, cảm thọ, suy nghĩ, nhận biết... đều là vô thường, đều là khổ,

đều là vô ngã. Và hành giả trong mọi trường hợp đều như thật quán: "*Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi.*"

Kinh vừa dẫn chỉ ngắn như thế. Nhưng đối với một số trường hợp, Đức Phật giải thích chi tiết hơn, để không ngộ nhận là hư vô.

Trong Kinh MN 22 — Ví Dụ Con Rắn, Đức Phật nói về những lời xuyên tạc, và nói rằng nhận ra pháp ấn mới là hạnh phúc, an lạc lâu dài:

"*Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn xuyên tạc Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy...*

Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông." [5]

Tương tự với thọ, tưởng, hành, thức. Nghĩa là, xả ly không phải là hư vô đoạn diệt, mà chính là an lạc, hạnh phúc.

Tới đây, câu hỏi là, nên quán vô thường như thế nào?

Trong Kinh SN 22.102, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết về pháp quán tưởng vô thường, trích:

"*Tu tập vô thường tưởng như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như thế nào mà tất cả dục tham được đoạn tận... tất cả ngã mạn được tận trừ?*

Đây là sắc; đây là sắc tập khởi; đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ ... đây là tưởng ... đây là các hành... đây là thức; đây là thức tập khởi; đây là thức đoạn diệt.

Vô thường tưởng được tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, được làm cho sung mãn như vậy, tất cả dục tham được đoạn tận, tất cả sắc tham được đoạn tận; tất cả hữu tham được đoạn tận; tất cả vô minh được đoạn tận; tất cả ngã mạn được tận trừ." [5]

Nghĩa là, thấy như thế là như thế...

Bản tiếng Anh của Bhikkhu Bodhi là: *Such is form, such its origin, such its passing away...*

Bản tiếng Anh của Bhikkhu Sujato là: *Such is form, such is the origin of form, such is the ending of form...*

Có thể dịch theo văn phong Thập như thị của Kinh Pháp Hoa là: *Như thị sắc, như thị sắc khởi, như thị sắc diệt...* (tương tự với thọ, tưởng, hành, thức).

Có thể dịch theo Kinh Bahiya (Kinh Ud 1.10) là: *Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy, trong cái được thấy tập khởi sẽ chỉ là cái được thấy tập khởi, trong cái được thấy biến diệt sẽ chỉ là cái được thấy biến diệt...*

Trong cái thấy như thế, cái thấy như thị, sẽ không còn thời gian. Hoàn toàn không còn thời gian nữa.

Trong Kinh Nhất Dạ Hiền Giả (Kinh MN 131), Đức Phật dạy rằng hãy an trú trong hiện tại:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại...*

Nhưng trong Kinh Bahiya, Đức Phật nói có một pháp tu sẽ tức khắc xa lìa cả ba thời quá khứ, vị lai

và hiện tại: Khi thấy các pháp như thế là như thế, sẽ không có kiến nào khởi lên, tất nhiên sẽ không bụi nào bám được, tất nhiên giải thoát.

Bản dịch của HT Thích Minh Châu:
Này Bāhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau. [6]

Bản dịch Anandajoti: *Bāhiya, you will not be here or hereafter or in between the two—just this is the end of suffering...* [6]

Nói theo Kinh Pháp Hoa, nếu chúng ta giữ được cái nhìn như Ngài Bahiya, thì trong khi đứng ngồi ngay đây là Tích Môn nhưng cả một thế giới Bản Môn đã hiển lộ ra bao la tức khắc.

(còn tiếp một kỳ)

GHI CHÚ:

[1] Thích Thiện Châu. Kinh Từ Bi: <https://thuvienhoasen.org/a10454/kinh-tu-bi-metta-sutta>

Có thể tham khảo 19 bản Anh dịch ở đây: <http://www.leighb.com/mettasuttas.htm>

[2] HT Thích Minh Châu. Kinh MN 97: https://suttacentral.net/mn97/vi/minh_chau

[3] Kinh MN 52. Bản Việt dịch HT Thích Minh Châu: https://suttacentral.net/mn52/vi/minh_chau

Và các bản Anh dịch. Bhikkhu Sujato: <https://suttacentral.net/mn52/en/sujato>
Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/mn52/en/bodhi>

[4] HT Thích Minh Châu. Kinh SN 22.15: https://suttacentral.net/sn22.15/vi/minh_chau

[5] Kinh SN 22.102: https://suttacentral.net/sn22.102/vi/minh_chau

[6] Kinh Bahiya, bản dịch của HT Thích Minh Châu: <https://thuvienhoasen.org/a25130/kinh-bahiya>

Bản Anh dịch của Anandajoti: <https://suttacentral.net/ud1.10/en/anandajoti>



TẠC TƯỢNG (1)

*Ai tác tượng vẽ mưa tâm tã
Nặng hồn nhiên, son đỏ dầy thì
Con sông dài bát ngát sương bay
Reo với cỏ, những bờ xanh xao xuyến.*

*Ngồi xuống đây nghe từng cơn gió biển
Xôn xao hoài rào rạt cả chân mây
Tóc sẽ bay và lòng sẽ mê say
Trời đất cứ xanh tràn mắt biếc.*

*Tặng em đó những cỏ hoa bỏ tát
Trang Kinh nào ấm áp cả hư không
Chuông khua vang, rung rức bụi hồng
Ai sinh diệt và ai còn phiêu bạt.*

*Cứ tha thiết, bàng hoàng hay ngỡ ngác
Hoa cứ tàn và nở miên man
Lệ cứ tràn và chảy lang thang
Cơn mê hoặc cứ nồng nàn hạnh phúc.*

TẠC TƯỢNG (2)

*Khắc vụn nét cuồng si vỉnh nhục
Đêm thì dài chưa hện với bình minh
Những con đường lặng lẽ tâm linh
Soi lấy bóng giữa vàng trắng thiên tánh.*

*Vó ngựa gỗ trên lưng đòi khổ hạnh
Tóc sương bay gió lộng bốn phương trời
Hạt cơm mềm nuôi lấy cả mùa thơ
Thân lau sậy còn chờ mùa gió chướng.*

*Thần linh nào vẫn điềm nhiên tác tượng
Mặt đất xanh, hạt cải trở hoa vàng
Và ai ngồi thương lấy cả nhơn gian
Bờ nhật nguyệt chia chung niềm lưu luyến.*

*Cuộc sinh tử vẫn đương mùa khai diễn
Con trăng vàng nhân chứng của tang thương
Tiếng sương rơi hay tiếng vô thường
Chân ngựa gỗ vẫn rền vang đòi cỏ.*



thơ LÝ THỪA NGHIỆP

Thương nhớ Mẹ Hiền

KIỀU MỸ DUYÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Thân mẫu của Kiều Mỹ Duyên

*"Thương mẹ lắm, giờ đây xa cách mãi
Chuyên tao phùng biên biệt cõi thiên thu!"*

Mẹ tôi đã đi xa nhưng mẹ tôi vẫn còn đây, còn mãi trong trái tim của tôi. Tôi cứ nghĩ mẹ tôi đi du lịch và mẹ tôi sẽ trở về. Nhiều khi tôi nhìn những bụi cây trước nhà, tôi nhớ hình ảnh mẹ tôi đang chăm sóc hoa và cây kiểng.

Tôi nhớ nhà chúng tôi trên khu đất rộng. Trước nhà có hàng dừa xanh mướt, lúc nào cũng oằn trái, cành lá xanh mướt làm cho căn nhà trở thành màu xanh. Chúng tôi sinh ra và lớn lên ở ngôi nhà này, hàng ngày uống nước dừa ngọt lịm, hái xuống ăn ngay, ăn cơm dừa và uống cả nước. Bên hông nhà là hàng rào trúc, sau nhà và xung quanh nhà lá ổi xanh rì, măng cầu, đu đủ, mía lau, xoài cát, và chuối. Trước nhà có cây vú sữa thật to, cao, cành lá xum xuê, quanh năm có trái ngọt lịm. Hồi nhỏ, tôi thường trèo lên cây vú sữa hái trái. Trước sân nhà mẹ tôi trồng nhiều loại hoa: thực dược, hoa cúc, hoa mai cao hơn đầu của tôi, mùi thơm ngào ngạt.

Mẹ tôi thường hái trái cây, rửa thật sạch để cúng Phật ở trên bàn thờ và đem trái cây vào chùa. Mẹ tôi đi nhiều chùa khác nhau, thường là những ngôi chùa nhỏ và nghèo. Mẹ tôi thường dạy chúng tôi:

- Mình tặng trái cây cho ai thì phải chọn thật ngon, thật tươi, khi mời ai ăn cũng vậy.

Mẹ tôi thường dạy chúng tôi rằng nên làm việc

phước đức, chứ không phải phúc đức là đi xin. Mẹ tôi cũng dạy rằng nên làm việc từ thiện. Hạnh phúc là giúp đỡ cho người khác, chứ không phải nhận sự giúp đỡ của người khác.

Mẹ tôi hiền lắm, tính hay giúp người. Mẹ tôi và dì tôi làm việc từ thiện thường xuyên. Ba tôi dạy võ miễn phí cho trai trẻ trong làng. Mẹ tôi hay thương người, nhà tôi có cái giếng đào quanh năm nước trong vắt, mỗi lần có tân binh quân dịch tập luyện ở bãi tập, mẹ tôi gánh nước cho anh em uống. Sau này khi tôi lớn lên hình ảnh làm việc thiện tuyệt vời của mẹ tôi in vào đầu tôi, một người phụ nữ hiền lành, ốm yếu, nụ cười thật tươi gánh nước cho tân binh quân dịch uống.

Mẹ tôi không bao giờ lớn tiếng với con cháu và các con. Các cháu đều nghe lời mẹ tôi, không ai cãi lại một lời. Mẹ tôi thường cúng Phật ở nhà, trên bàn thờ lúc nào cũng có trái cây tươi, hoa tươi và nước lọc. Trái cây ngoài vườn, hoa ngoài vườn hái đem vào cúng Phật. Mẹ tôi thường đi chùa đem trái cây, hoa quả cúng Phật và mẹ tôi cũng làm công quả ở chùa. Mẹ tôi là Phật tử thuần thành. Mẹ tôi cầu nguyện mỗi ngày, cầu nguyện cho gia đình, cho người thân và cầu nguyện cho người nghèo. Mẹ tôi ăn chay ngày rằm, ngày lễ.

Mẹ tôi thường nói:

- Người ta ăn thì còn, mình ăn thì hết.

Mẹ tôi nhỏ người, gầy nhưng sức chịu đựng và làm việc không thể tưởng được. Tôi vượt biên trước, sau đó có thể xanh, tôi bảo lãnh mẹ tôi và em tôi sang Hoa Kỳ. Tôi cầu nguyện cho mẹ tôi và em tôi được định cư thì tôi ăn chay để trả ơn Trời Phật gia hộ. Sau đó mẹ tôi bệnh, tôi cầu nguyện cho mẹ tôi hết bệnh và sau này mẹ mất, tôi cầu nguyện cho mẹ tôi siêu thoát và tôi ăn chay luôn cho đến bây giờ, thoáng mà đã mấy chục năm rồi.



Những ngày ở Việt Nam, sau 1975, gia đình tôi khổ, mọi người cùng khổ. Tôi có cháu, con của người anh họ du học ở Pháp, tôi nhờ cháu chuyển tiền về Việt Nam để giúp gia đình, nhưng sau này



tôi biết được gia đình tôi cũng ăn bo bo, khoai sắn trộn cơm như mọi người vì mẹ tôi không dám xài tiền, vì không biết ngày mai ra sao? Người phụ nữ Việt Nam nào cũng lo xa, sợ con cháu của mình đói, nhất là sống trong xã hội chủ nghĩa không biết chuyện gì sẽ xảy ra, nên dành dụm là tốt nhất.

Tôi có 4 chị em gái, chết 2 còn lại một em và tôi. Sau này, mẹ tôi sinh được một đứa con trai. Em trai của tôi rất thông minh, thích binh chủng Không Quân nên sau này vào Không Quân được du học ở Mỹ 2 lần sửa máy bay F5. Em trai tôi cưới vợ làm nghề dạy học và sinh được 2 con, một trai một gái. Đứa con trai đầu lòng của em tôi mẹ tôi nâng niu như trứng. Nó cũng biết là được bà nội thương lắm, cho nên nó nhớ nhiều nhất là bà nội. Bà nội ẵm bồng cháu trên tay khi cháu còn nhỏ xíu. Cháu trai này mang tính nhà binh của bố, khi nó vừa ra đời tôi ẵm nó ở nhà thương. Tôi nói:

- Mai này con lớn lên đi nhiều như cô Hai ghen con.

Không ngờ lời nói của tôi thành sự thật. Sau này, cháu đi làm nhiều quốc gia khác nhau: Á Châu, Anh, Úc. Cháu sinh con ở Úc, và hiện nay ở Hoa Kỳ, là Tiến Sĩ, mà chúng tôi vừa kể trên là Hưng Nguyễn.

Nó nhớ bà nội và nói:

- Mời người ta ăn phải chọn thứ gì ngon nhất, cho người ta trái cây cũng phải chọn trái cây nào ngon nhất.



Mẹ là người con yêu nhất. Yêu mẹ, thương mẹ nhiều

Tôi chờ đợi hơn 10 năm, mẹ và em tôi mới được định cư ở Hoa Kỳ. Ngày mẹ đến phi trường, chúng tôi đón mẹ tôi và em gái tôi, trên đường về nhà mẹ tôi nhìn hai bên đường chăm chú. Mẹ tôi không nhìn thấy những cảnh đồng xanh mướt như ở Việt Nam. Đất gần 1/4 mẫu, mẹ tôi vẫn thấy nhỏ so với đất rộng mênh mông nhà của tôi ở Việt Nam.

Mẹ tôi là người hoạt động, không bao giờ ngồi yên. Thấy nhà tôi cỏ xanh mướt, mẹ tôi muốn trồng rau, trồng cây ăn trái cũng không nói. Sau này, mẹ tôi ở nhà riêng tôi mới biết điều này, vì sau này mẹ tôi trồng mía, đu đủ, giàn nho, đào, ớt, cam, quýt, khế.

Ai đến nhà thăm mẹ tôi cũng hái trái cây tặng, hái ngay ngoài vườn tươi lắm, tặng liền. Mẹ tôi rất hiếu khách, ai đến nhà mẹ tôi ân cần niềm nở như người thân trong gia đình. Bạn tôi rất thương mẹ tôi nên có những người bạn của tôi như vợ chồng Hoàng Minh Chính, Lê Hiếu Nghĩa thăm mẹ tôi nhiều hơn thăm tôi. Gia đình Bái Nguyễn ở Riverside cũng thường xuyên thăm mẹ tôi. Mẹ rất thương mến bạn của chúng tôi, ai đến nhà mẹ tôi và em gái tôi hay mời dùng cơm và cho trái cây đem về. Những người già ngày xưa là như thế, như đến ăn đám giỗ, sau đó mỗi người đều xách thức ăn đem về.

Mẹ tôi lúc nào cũng tươi cười. Tôi rất biết ơn thầy Minh Mẫn, viện chủ của chùa Huệ Quang, thành phố Santa Ana, đã bảo bọc cho mẹ và em gái tôi. Tôi cũng không quên cảm ơn các cụ trong chùa chăm sóc cho mẹ tôi, dù ở trong chùa 1 tuần lễ nhưng mẹ tôi nhớ mãi những ngày mới sang. Ngày nào cũng có người đến chùa làm công quả, tiếng cười tiếng nói reo vui suốt ngày. Người nào trong cũng rất tử tế với mẹ tôi, ân cần thăm hỏi vì họ biết mẹ tôi mới định cư ở Hoa Kỳ.

Mẹ tôi có trí nhớ rất tốt. Anh Trần Bảo ở Úc sang chơi có mua tặng mẹ tôi một cây ăn trái. Khi có trái chín, mẹ tôi nói với em tôi:

- Gửi trái cây này cho chú Bảo.

Một anh sinh viên khóa 4 trường đại học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt tặng cho mẹ tôi một cây ớt. Ớt oằn trái suốt năm tháng, mẹ tôi thường nhắc đến người sĩ quan này. Một bà Phó Đại Sứ Niagara ở Jamaica ghé thăm ở lại vài ba ngày, bà chọn ở lại nhà với mẹ tôi hơn là ở nhà tôi, có lẽ gần Little Saigon để tiện cho bà thăm phố Bolsa một mình. Ngôn ngữ bất đồng nhưng hai người rất vui vẻ, ngôn ngữ bằng tay cũng đưa đến sự cảm thông. Bà Phó Đại sứ thường ăn sáng và ăn tối với mẹ tôi, còn

trưa thì bà đi dạo phố. Bà đòi dẫn mẹ tôi đi phố, mẹ tôi lắc đầu vì còn chăm sóc vườn tược. Mẹ tôi tụng kinh mỗi ngày từ 3-6 giờ chiều, bà cụ vừa tụng kinh vừa lăn tràng hạt, đều đặn như thể mỗi ngày chờ đến khi em tôi đi làm về.

Kỷ niệm về mẹ thì nhiều lắm. Những ngày mẹ tôi bệnh, em tôi và một chị họ túc trực bên giường bệnh 24/24. Em tôi về thì tôi đến, tôi ở lại ban đêm ngủ trên cái ghế nhỏ, bệnh viện cũng tốt không đuổi tôi ra khỏi bệnh sau giờ hết cho thăm viếng bệnh nhân. Bây giờ, mỗi lần đi ngang bệnh viện Fountain Valley tôi nhớ mẹ tôi vô cùng. Mỗi lần nhìn các cụ trong chợ, ngoài phố, người nào ốm nhom là tôi nhớ mẹ tôi.

Hồi nhỏ, mẹ dạy chúng tôi bài thơ "Con Cò", tôi thấy hình ảnh của mẹ trong đó: tần tảo, chịu thương, chịu khó, lặn lội nuôi con, nhưng luôn giữ tấm lòng trong sạch và thanh cao.

*"Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi mau.
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con."*

Niềm vui của người già là đi lễ, và đi mua quà để gửi về Việt Nam cho thân nhân còn ở lại quê nhà. Mẹ tôi đi chùa Huệ Quang, Huệ Nghiêm, Hương Tích, Bát Nhã, Minh Quang tịnh xá, A Di Đà, Bảo Quang, chùa Việt Nam, tu viện Hoa Nghiêm, Trúc Lâm, chùa Phật Tổ, chùa Vĩnh Nghiêm, Như Lai Thiền Tự, Lộc Uyển ở San Diego, Quốc Tế Học Viện ở North Hills và nhiều chùa khác.

Viết về mẹ, viết ngàn năm cũng không hết, suốt đời con gắn liền với mẹ. Mẹ tôi qua đời nhẹ nhàng, một tay tôi nắm tay mẹ tôi như muốn níu kéo không cho mẹ tôi đi, nhưng chân mẹ tôi đã lạnh tôi cũng biết việc gì sẽ đến, một tay tôi gọi điện thoại để gọi em tôi trở vào bệnh viện.

Mẹ tôi đi thanh thản, bác sĩ Hùng Nguyễn vào bệnh viện tức khắc, đầu mẹ tôi còn ấm, thế là chị em tôi đứng lặng người, không khóc, không có tiếng nói.

Bây giờ thì mẹ tôi đã đi rồi, không còn ở với chúng tôi, nhưng tôi thương mẹ tôi lắm.

Mẹ tôi mất năm 1996 nhưng tôi cứ tưởng mẹ tôi vẫn còn quanh quẩn đâu đây. Tôi thương mẹ tôi lắm, tôi cũng biết mọi người thương mẹ của mình lắm. Hạnh phúc thay những ai còn cha còn mẹ! Thương cha mẹ nên làm việc phúc đức để hồi hướng công đức cho cha mẹ của mình.

Orange County, 5/2024
KIỀU MỸ DUYÊN

VỀ ĐÀU

*Trần gian như thể cuộc rong chơi,
Vạn ngã về đâu góc chẳng rời.
Bao kiếp lang thang qua khắp nẻo,
Nhiều năm lặn lội đèn cùng nơi.*

*Hiểu ra lối khổ tìm nguồn đạo,
Biết được đường mê thấu cõi đời.
Vượt thoát trầm luân nương pháp Phật,
Công phu tinh tấn nguyện không lui.*

NGHIỆP

*Nghiệp lực đeo nhau suốt cõi đời,
Đau thương khổ ải biết nào lời.
Gieo nhân muôn thuở đang rình rập,
Gặt quả ngàn năm chẳng thoát vơi.*

*Biển ái hai hàng sâu nã đạt,
Sông mê sáu nẻo lạnh lòng bơi.
Nương theo ánh đạo tìm nguồn sáng,
Tuệ giác vươn cao vượt bê khơi.*

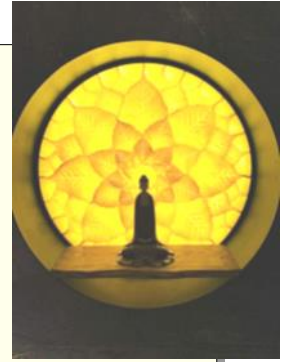
NGUYỆN

*Trăng rằm tỏa rạng giữa trời không
Rọi khắp nhân gian, nguyện tác lòng
Cũng bởi mê mờ Thầy thị hiện (*)
Vì còn khốn khổ chúng hoài mong.*

*Già Lam mờ kệ rèn tâm sáng
Pháp Phật kinh thiên rõ lối trong
Hiểu được nguồn chơn là cõi phúc
Nương đèn Bát Nhã trí hằng thông.*

thơ **MINH ĐẠO**

* Deva manuşyānām sāstr: Thiên Nhân Sư, là bậc thầy của cõi người và cõi trời.



LỘ TRÌNH GIẢI THOÁT TRONG ĐẠO PHẬT

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Ở đời không ai mong cầu giải thoát khi đang ở trong lầu son hạnh phúc. Người ta chỉ muốn được giải thoát khi bị nhốt trong hoàn cảnh bi đát nào đó. Cho nên giải thoát có nghĩa là thoát khỏi những trói buộc, vượt thoát thực tại bị giam hãm và được hoàn toàn tự do.

Thí dụ: *Như một người đau bệnh, trị hết bệnh, được khỏe mạnh an vui là người đó đã được giải thoát khỏi căn bệnh gây đau đớn thân thể. Một người tù đến ngày mãn hạn, được tự do về với gia đình, xem như được giải thoát khỏi cảnh bị giam cầm. Một cặp vợ chồng sống chung trong hoàn cảnh chán ghét lẫn nhau, sau cuộc ly dị mỗi người một cuộc sống riêng tư, thì xem như họ đã được giải thoát khỏi ngục tù gia đình. Chuyện giải thoát không phải chỉ bản ở con người, mà loài vật khi bị ràng buộc cũng muốn được giải thoát. Thí dụ như con chim bị nhốt trong lồng, tuy hằng ngày được chủ chăm sóc cho ăn uống tử tế nhưng nó vẫn cảm thấy tù túng, một ngày kia thoát ra ngoài được tự do, nó sẽ không bao giờ trở lại, vì nó đã được giải thoát.*

Trên đây là vài thí dụ mô tả ý nghĩa giải thoát ở ngoài đời. Trong đạo Phật hai từ giải thoát được đề cập tới một cách sâu sắc hơn. Giải thoát theo triết lý nhà Phật là trạng thái tinh thần con người được tự do, tự tại trước những buồn vui, thương ghét, hạnh phúc hay đau khổ của bản thân. Tâm người ấy thanh tịnh tuyệt đối, do đoạn tận những tập khí, đam mê, dục vọng, dập tắt những ngọn lửa ngấm thắm, sân, si là gốc rễ của mọi đau khổ. Các bậc thánh nhân này đã chấm dứt dòng nhân quả nghiệp báo, vượt qua biển khổ vô minh, lên bờ giác ngộ giải thoát.

Trên lộ trình tu tập giải thoát trong đạo Phật, thì Niết-bàn là mục tiêu giải thoát cao nhất. Niết-bàn tiếng Phạn là Nirvana, có nghĩa là diệt độ. Diệt độ đây không có nghĩa là triệt tiêu hay tiêu diệt.

Diệt ở đây có nghĩa là đoạn tận mười Kiết sử là mười thứ trói buộc con người vào dòng nhân quả

nghiệp báo. **Độ** có nghĩa là vượt qua khỏi biển khổ vô minh, lên bờ giác ngộ.

Nói cách khác, Niết-bàn là trạng thái tâm vô tham, vô sân, vô si, vô ái, vô thủ, vô hữu, vô sanh... Trạng thái tâm này tương ứng với Diệt để

trong Tứ thánh đế nghĩa là tâm đã giải thoát ra khỏi những tập nhân gây ra phiền não.

Giải thoát có hai loại: Hữu Dư Y Giải thoát hay Hữu Dư Y Niết-bàn, chỉ các bậc thánh được giải thoát ngay khi còn thân mạng. Tuy sống và sinh hoạt với người bình thường mà vẫn an nhiên tự tại không bị hoàn cảnh thể nhân chi phối. Khi thân hoại mạng chung, thì nhập Vô Dư Y Niết-bàn. Vô Dư Y Niết-bàn là bản thể thường còn, bất sinh bất diệt của vạn pháp hữu tình và vô tình, không thể dùng ngôn từ để diễn tả, cũng không thể dùng Ý căn, Ý thức hình dung đưa ra quan niệm giải thích.

II. LỘ TRÌNH GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT TRONG ĐẠO PHẬT

Như trình bày ở trên, tất cả mọi người sinh ra ở thế gian này, không ai là không phiền não, khổ đau. Nhưng nếu người nào cứ ôm lấy phiền não, khổ đau mãi thì trong nhà Phật gọi người đó là vô minh, cho dù người đó có bằng cấp, học vị cao, thành công, giàu có trong xã hội.

Muốn thoát khỏi phiền não, người tu theo đạo Phật cần nhuần nhuyễn Pháp học và Pháp hành. Sau khi tu tập có kết quả thì gọi là Pháp thành.

A. PHÁP HỌC: Thông thạo giáo lý Tứ Diệu Đế và giáo lý Duyên Khởi, để biết rằng bất cứ chuyện gì xảy ra cũng có nguyên nhân của nó. Khổ cũng có nguyên nhân gây ra khổ. Nhận ra nguyên nhân rồi, áp dụng pháp tu để loại trừ những nguyên nhân đó, thì thoát khổ. Con người sống ở đời có rất nhiều phiền não khổ đau, nhưng chung quy nguyên nhân gây khổ đau nằm ở ba mặt.

1) Nhóm thứ nhất gây khổ đau là Ngũ dục: Gồm tài, sắc, danh, thực, thù. Bình thường con người khó tránh khỏi đắm đuối trói buộc. Đó tiền bạc, nhan sắc, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ. Thuật ngữ trong Phật giáo gọi là ngũ dục. Ngũ dục

là năm thứ mà con người luôn khao khát mong muốn chiếm hữu.

2) Nhóm thứ hai là Ngũ trần: Qua các giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân... tiếp xúc trần cảnh bên ngoài là: Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc... nghĩa là mắt thấy cảnh sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm những thức ăn, da thịt xúc chạm êm ái... Những thứ này luôn khiến con người có những phản ứng thuận hay nghịch, đưa đến hành vi và nhận thức tốt hoặc xấu gây phiền não, tạo thành nghiệp.

3) Nhóm thứ ba là Tâm ô nhiễm: Tâm con người thường có hai mặt thiện và bất thiện. Nếu không khéo kiểm soát tâm ý, thì tâm bất thiện có nhiều cơ hội lấn át tâm thiện. Tâm bất thiện gồm: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... Đây là những thứ làm ô nhiễm tâm, là nguyên nhân gây ra phiền não và luân hồi sinh tử.

B. PHÁP HÀNH: Muốn đạt giải thoát, theo giáo lý nhà Phật là phải thực hành Giới-Định-Tuệ không có con đường nào khác. Tu Giới-Định-Tuệ tức thực hành theo Bát chánh đạo gồm tám yếu tố: *Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định*. Thành tựu Bát chánh đạo là thành tựu Giới-Định-Tuệ, có nghĩa là Tâm hành giả được giải thoát khỏi những phiền não trong hiện tại, nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Muốn giải thoát rốt ráo, hành giả cần tiếp tục thực hành thiền Tuệ. Tu thiền Tuệ có hai cấp bậc.

1) Quán Anupassana: Nhìn liên tục hiện tượng thể gian bằng con mắt tâm để nhận ra bản thể "Vô thường, khổ (xung đột, bất như ý) và vô ngã".

2) Vipassana/Minh sát tuệ: Tiếp tục quán sâu vào Thân, Thọ, Tâm, Pháp, thành tựu tuệ giác "Vô ngã cao độ" xả ly toàn bộ tham ái, chấp thủ, tự tại vô ngại trước ngũ dục và ngũ trần, thanh lọc mọi thứ ô nhiễm trong tâm, thành tựu chánh trí đặc Tứ quả A-la-hán.

Bậc A-la-hán đã thành tựu giải thoát luân hồi sinh tử, chấm dứt mọi khổ đau. Các Ngài sống an lạc trên thế gian. Muốn nhập Niết-bàn ngay khi đắc đạo hay tùy duyên ở lại thế gian trong trạng thái Hữu-dư-y Niết-bàn, hoằng pháp lợi sinh cho đến khi tuổi thọ chấm dứt thì nhập Vô-dư-y Niết-bàn.

III. GIẢI THOÁT TỪNG PHẦN

1. Sơ quả Tu-đà-hoàn: Muốn giác ngộ giải thoát, hành giả tu tập từng bước. Nhờ thông hiểu giáo lý Phật đà, hành giả biết rằng con người do nhiều điều kiện hợp thành nên bản thân này không phải là ta hay của ta, bởi vì ta không thể làm chủ được nó. Cho nên đoạn trừ được quan niệm về thân sắc, không quá đắm say nô lệ nó. Thay đổi nhận thức, có nghĩa là hành giả có chánh tín về pháp học, nên loại trừ được giới cấm thủ và nghi ngờ pháp tu. Hành giả đoạn trừ ba Kiết sử đầu tiên là: Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi ngờ, hành giả bước vào dòng Thánh gọi là Dự lưu. Nếu trong thời gian tu tập, thân hoại mạng chung, thì vị này trở lại kiếp người thêm 7 lần nữa, nên gọi là Thất lai.

2. Nhị quả Tư-đà-hàm: Tiến thêm một bước nữa, hành giả tu tập giảm bớt tham dục và sân hận, đặc Nhị quả Tư đà hàm. Trong kinh ghi khi thân hoại mạng chung vị này tái sinh về cõi người một lần nữa để tu tiếp nên gọi là Nhất lai.

3. Tam quả A-na-hàm: Hành giả đặc pháp nhãn nhìn rõ nguyên nhân gây ra phiền não, nên đoạn trừ 100% tham ái, sân hận, nghĩa là đoạn tận năm thượng phần Kiết sử là: Thân kiến, Giới cấm thủ, Nghi ngờ, Tham dục, Sân hận. Vị này tiếp tục hành trì tu tập hoặc nếu chấm dứt tuổi thọ, thì sanh lên cõi Trời và ở đó tu tập nhập Niết Bàn luôn không còn trở lại đời sống này nữa nên gọi là Bất lai.

4. Tứ quả A-La-hán: Là vị đã đoạn trừ được thêm năm thượng phần Kiết Sử, tức tâm vị này không còn hướng đến: Sắc ái (dính mắc với tứ thiên hữu sắc), Vô sắc ái (dính mắc với tứ thiên vô sắc), Kiêu mạn, Trạo cử và Vô minh. Vị này đã xả ly toàn bộ mười Kiết Sử, không còn tham ái, chấp thủ, tự tại vô ngại trước ngũ dục, ngũ trần, tâm hoàn toàn trong sáng thành tựu chánh trí, đặc quả A-la-hán, an trú trong Hữu Dư Y giải thoát.

IV. KẾT LUẬN

Theo quan niệm nhà Phật thì con người tự ràng buộc mình trong nỗi khổ đau do chính mình gây ra (*từ nghiệp cũ, nghiệp mới, ngũ dục, ngũ trần, tham, sân, si*). Muốn thoát khổ thì phải tự mình tháo gỡ những sợi dây ràng buộc đó, chứ không Thần Phật nào cứu rỗi, ban ơn, giáng họa cho mình. Vì thế, muốn nếm được hương vị giải thoát, trước hết hành giả phải tự thân nỗ lực tu hành. Dù theo pháp môn nào, hành giả cũng phải thâm nhập bốn nền tảng giáo lý Tứ Diệu Đế của đạo Phật. Đó là mọi khổ đau của chúng sanh đều phát xuất từ một hay nhiều nguyên nhân. Và những nguyên nhân đó có thể giải trừ bằng đường lối tu tập tám ngành Bát chánh đạo. Đó chính là thực hành Tam Vô Lậu Học: Giới-Định-Tuệ. Hiểu rõ giáo lý Y-duyên tánh để nhận ra sự thật của vạn pháp là "vô thường, bất như ý, vô ngã", con người sẽ không còn lý do bám víu vào ngũ dục, sân si... là những nguyên nhân gây khổ đau trong cuộc đời.

Thực hành Giới-Định-Tuệ, đời sống đạo đức của hành giả được thăng hoa, tâm định tĩnh, trí tuệ phát sáng. Kết quả sơ khởi của việc tu tập, giúp hành giả thoát khỏi một số ràng buộc như ý hay bất như ý trong đời sống hằng ngày. Tiếp tục tinh cần hành trì, buông xả mọi khả ái, khả lạc, khả ưu, khả sân... thường xuyên sống trong chánh niệm, luôn có cái biết trong lành, định tĩnh, sáng suốt, hành giả sẽ thực thụ trải nghiệm trạng thái Xả, là trạng thái tâm bình thản trước mọi vướng bận của cuộc đời. Bấy giờ có thể nói hành giả đã an toàn giải thoát, an trú trong Hữu Dư Y Niết-bàn./.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(23/6/2024, Sinh hoạt trực tuyến với
Hội Thiền Tánh Không Sacramento và San Jose,
California)



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN CHAY KHÔ

Nguyên liệu:

Bún tươi, đậu hủ, đậu đũa, cà-rốt, khoai tây, xì dầu, đậu khuôn chiên, đậu phộng, rau sống, nấm mèo, bún tàu, nui chay, hành, ớt, gia vị các loại...

Chế biến như sau:

Phi hành thơm cho vào tàu hủ, nếm gia vị cho vừa miệng; phần rau củ xào gồm đậu đũa, cà-rốt, khoai tây được rửa sạch, cắt lát vừa ăn, nui được luộc chín, mềm, xào chung với nhau, cho thêm gia vị nếm đến vừa ăn. Nước tương chính cho món ăn này là xì dầu, nếm gia vị, phi thêm ít hành củ với dầu nóng để chén nước tương xì dầu thêm phần hấp dẫn.

Phần kèm theo: đậu khuôn được cắt lát vừa ăn, chiên giòn rụm; đậu phộng rang chín, bóc sạch vỏ, rau sống làm sạch, ngâm muối rửa kỹ; những miếng ram giòn thơm là "phụ kiện" kèm theo không thể thiếu của món bún chay khô này.

Cách làm ram như sau:

Trộn các nguyên liệu như nấm mèo, bún tàu, đậu khuôn bóp nát, nếm gia vị vừa ăn, dùng bánh tráng cuộn tất cả lại rồi cho vào chảo dầu nóng, chiên cho vàng rụm là được.

Món bún chay khô thơm lừng, nước tương ngọt thanh, thêm mùi vị tự nhiên của các loại rau củ, vị béo mềm của tàu hủ, chất bùi ngọt của từng hạt đậu phộng nóng giòn, cái giòn rụm của từng miếng ram vàng ươm, một chút cay nồng của tương ớt đỏ... Tất cả sẽ làm cho tô bún chay khô trở nên vô cùng bắt mắt và hấp dẫn.

Phạm Bình - Khánh Hồng



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



TRIỆU CÁT TƯỜNG CHÂU ĐẠI DỤNG

Sư họ Hác, người Tào Châu, xuất gia từ thuở nhỏ nhưng chưa thọ cụ túc giới. Năm mười tám tuổi đã nổi danh kiến tánh. Sau nhân duyên đến, sư tham vấn Nam Tuyên và được ngài dạy: "Bình thường tâm thị đạo." Thầy trò nhận ra nhau, từ đó sư ở với Nam Tuyên đến bốn mươi năm không rời xa. Sau khi thầy viên tịch, sư mang bát chõng gậy đi khắp mọi miền. Sư đặt ra phương châm hành hoạt: "Trẻ con lên bảy mà hơn ta, ta học nó. Ông già trăm tuổi không bằng ta, ta dạy y". Thời đại của sư là lúc Phật pháp hưng thịnh, cao tăng, thạc đức, tông lâm thạch trụ rất nhiều ấy vậy mà có lần sư dạy: "Ngàn muôn kẻ tìm Phật, ấy vậy mà tìm một đạo nhân trong số ấy lại không được một", thế mới biết sư nghiêm túc đến dường nào.

Ngài Lâm Tế thường dùng chiêu: "Hát, bồng đả...". Sư thì ngược lại, hết sức nhỏ nhẹ, mềm mỏng, ngăn gọn nhưng có sức mạnh phi thường. Những lời của sư khiến cho kẻ tham vấn phải được vô minh và chấp trước. Từ sự việc đồ đệ hỏi: "Con chó có Phật tánh hay không?" mà hình thành công án "Triệu Châu cầu tử" và cũng từ đó mà sư được nhắc nhiều đến trong các công án phá mê khai ngộ của thiền tông.



Triệu Châu (778-897)

Sư sống vô cùng giản dị, kham khổ, tinh tấn. Tiếng đồn khắp thiên hạ về đức hạnh, trí huệ của sư đến tai vua Yên và vua Triệu. Hai người cùng đến tham kiến sư, sư ngồi yên không đứng dậy. Hai vua càng thêm khâm phục sư, thật đúng là: "Sa môn bất bái quân vương".

TRIỆU CÁT TƯỜNG THIỀN MÔN XUẤT CAO TĂNG TỌ SƯ TRỌNG TỬ CỤ PHÁ MÊ TUYỆT SIÊU THAM CÔNG AN

CHÂU ĐẠI DỤNG PHẬT GIA ĐẲNG THỌ GIẢ ĐỆ TỬ TÔN BẠCH PHI KHAI NGỘ HUYỀN DIỆU KHÁN THỌAI ĐẦU.

CHỈ CÒN THIẾU MỘT

Trời nóng quá, vừa mở máy lạnh thì vợ và con gái ca cẩm:

- Lạnh quá, chịu hồng được!

Mùa chớm sang, vợ con nhanh nhẹn mở máy nóng, y rên rí:

- Nóng quá, coi chừng bị sấy khô!

Cả nhà chỉ vì chuyện nóng – lạnh mà nói qua nói lại đến phát nóng lạnh luôn. Đã thế khi vào bàn ăn, y chọn bánh mì toast vì rẻ, vợ chọn bánh mì đen cho tốt sức khỏe, con ăn bánh mì bagel ai cũng giữ lấy lập trường của mình. Một khối mâu thuẫn thống nhất trong một nhà. Y trêu:

- Sanh – lão – bệnh có rồi, oán tắng hội vừa đủ, nay mai con gái lấy chồng xa thì thêm ái biệt ly, ngày ngày bao nhiêu đam mê ham muốn khiến thân tâm như lửa cháy, giờ chỉ còn cái tử nữa đủ bát khổ.

Con gái không hiểu gì, vợ hiểu tầm tạm, cô ta bồi thêm:

- Vốn dĩ vậy rồi, ngày nào cũng nói khổ thì khổ chồng thêm khổ; ăn kiểu gì, ngon đến đâu cũng đi đến khổ; ấm – lạnh thế nào cũng là họa khổ.

Y tùm tùm cười. Con gái thắc mắc:

- Khổ thật, ba má nói gì toàn khổ khổ con không hiểu nổi!

Y nhìn con gái, chép miệng:

- Ờ, sống với khổ thì khổ đã đành, không hiểu gì là khổ thì cũng là một khổ.

TẠNG THỨC

Nội dẫn Tí đi ăn giỗ ở từ đường, trong bữa ăn nội khen:

- Tương mua đầu mà ngon quá vậy nè!

Tí chẳng biết tương ngon dở ra sao, nội bỏ gì ăn nấy, chan nước tương cũng được mà chấm nước mắm cũng thích.

Trường tộc là người có học sách nên lý luận:

- Tạng thức nội khởi tác dụng, đem ký ức cũ so sánh với thực tại nên tâm phân biệt ngon – dở.

Trong bàn ăn có người họ hàng vặn lại:

- Bộ thẳng Tí hồng có ký ức sao?

- Dĩ nhiên là có nhưng chưa đủ cơ duyên để khởi tác dụng.

Lát sau thẳng Tí cứ quẩn quýt bên mấy món đồ chơi trong nhà, vị trưởng tộc thấy thế bèn cho nó và nói với người họ hàng kia:

- Ông thấy không? Tạng thức của thẳng Tí khởi dụng khi ký ức cũ duyên với hiện tại nên nó không thể rời mấy món đồ chơi này.

Người kia vẫn hồ nghi:

- Sao tạng thức bà cháu không giống nhau?

- Bộ ông tưởng những món đồ chứa trong kho giống nhau sao?

DỪNG CỌP CHỐNG HỔ

Sau một thời gian dài bị tước đoạt tự do và bị cai quản tàn bạo của hổ, bầy thú bèn bỏ khu rừng thân quen để sang nương nấu một khu rừng lạ. Cả đàn nhớ rừng cũ, bọn gấu, voi, hà mã... đứng rả kêu gọi hợp quần để khôi phục rừng xưa. Khổ một nỗi bầy thú ở rừng mới nhưng bản tánh cũng giống hổ, hễ kẻ nào nói khác, làm khác dù có hiệu quả hơn là lập tức cả bầy xúm lại bẽ hội đồng:

- Bọn nằm vùng, lũ phá hoại, quân phản bội... dám chống lại sự nghiệp khôi phục lâm viên!

Một ngày kia những cư dân của khu rừng mới tổ chức bầu chọn thủ lĩnh. Bọn nai, hươu, thỏ, ngựa... bầu cho lừa. Lập tức lũ sói, cầy, giả can... lồng lộn nhảy dựng lên, găm gừ, cẩu xé... bọn chúng mạ lỵ:

- Tại sao tội bay bầu cho con lừa? Con lừa là đồng bọn với hổ, bầu cho lừa là phản động, phản chiến, chống lại tự do!

Nhóm nai, hươu, thỏ... phản pháo:

- Tội bay thậm ngu mới bầu cho con voi, chính con voi là kẻ dung túng cho hổ, cấu kết làm ăn với hổ. Con voi miệt thị chúng ta là nhập cư, đòi trục xuất chúng ta. Tội bay đòi khôi phục lãnh địa cũ, dùng cọp để chống hổ thì đến tết Công-gô cũng không thành.

MẮC

Hai đứa yêu nhau, khổ nỗi con ghê mắc bệnh hay ghen, có lẽ cũng một phần tại thằng chả đẹp trai, hào hoa, bay bướm, lúc nào cũng có mấy em kiếm cơ để gần gũi nhờ việc này việc kia. Một hôm con ghê hờn mắc:

- Anh mà cười ghê, dziệc nhà hồng lo cứ lo dziệc bao đồng chỉ cho mắc công.

Thằng chả cười mơn:

- Mình sống phải có giao tiếp qua lại chớ em, mắc mớ gì tự cô lập một mình có phải mắc mệt không?

Con ghê ngúng nguẩy:

- Nhưng mình cũng đâu có mắc nợ ai, mắc gì phải giúp tùm lum cho mắc công.

- Hồng có mắc nợ nhưng người với người mắc tình, mắc thương mà sống.

- Coi bộ anh mắc giá ghê nha.

- Sao em hay mắc ghen, mắc giận quá vậy?

Anh thấy mắc ngại ghê, yêu nhau sao em không tin anh?

Con nhỏ phụng phịu mắc cỡ:

- Anh đừng có miệng lưỡi mắc lanh, em hồng mắc mưu đâu!

Nói xong con ghê le te chèo ghe hát lý:

Bớ anh chớ ý mắc hò

Mắc mê ong bướm mắc lo một mình

Thương mà mắc ghét làm thỉnh

Mai kia mắc bệnh biết tình em đây.

CHỈ MỠI XỨ MÌNH

Sau khi lũ gấu đồ tàn bạo bị hạ bệ, rừng bạch dương dần dần hội nhập lại với thế giới bên ngoài, những tưởng từ đây được tự do như những khu rừng láng giềng. Cư dân rừng mừng chưa đủ sướng thì lập tức hãi hùng vì một con gấu đen khác lên làm đầu lãnh, nó hung tợn và tàn độc không kém lũ gấu đồ tiền bối. Hại đồng loại chưa đủ nó còn hoang

tướng mơ làm bạo chúa. Nó hạ lệnh cho người anh em:

- Mầy phải làm bầy tôi của tao, mầy không được giao tiếp với ai khác nếu không có sự đồng ý của tao!

Dĩ nhiên là người anh em không chịu, thế là nó cho quân của nó tràn sang đồng hoa dương tàn phá huỷ diệt, giết người cướp của, bắt cóc con trẻ đem về tây não... không tội ác nào nó không làm. Hội đồng làng can gián không ăn thua, cuối cùng tòa án làng tổng trát:

- Bắt giữ gấu đen vì tội diệt chủng!

Từ đó nó nằm im trong hang không dám đi ra khỏi lãnh địa. Các khu rừng lân cận hay xa xôi đều tuân thủ lệnh của hội đồng làng. Duy bên rìa đồng hải có kẻ lại chơi ngu, mồi gấu đen đến hang ổ để đằm đạo. Dĩ nhiên là gấu đen chẳng tử chối.

Thiên hạ xa gần, cư dân rừng, dân mạng net... rần rật chửi bới, cười chê, mỉa mai rất nhiều ý kiến nhưng tựu trung là:

- Sao lại mồi kẻ bị truy nã đến nhà chơi?

Dân lướt mạng xã hội xem thấy và đa số đều bấm "like" cho cậu trả lời:

- Chỉ có mỗi xứ mình làm được việc chẳng ai làm.

ÔNG TRÙM

Lão làm trùm thiên hạ, quyền lực vô song, giàu sang cự phách. Ấy vậy mà đời lão ta chẳng có lấy một phút bình yên. Lúc nào cũng nghĩ mưu gian kế bẩn để lừa đời gạt người, lòng tham vô độ, sân hận vô đối. Suốt cuộc đời toàn phun ra những lời độc địa, chữ mắng, mat sát, thù hận... Thiên hạ chưa bao giờ nghe được lão nói một lời tử tế. Bọn đàn em theo voi hít bã mịa tấn lão:

- Ông trùm là thiên sứ, là bậc chúa giáng thế cứu rỗi thế gian.

Bản thân lão ta cũng tự cho mình là vậy, lão còn đại ngôn phình phở kẻ ngu bằng chiêu bài:

- Làm cho thiên hạ vĩ đại trở lại.

Người trong ngoài đều biết tông, khổ nỗi bên kia biển lớn chẳng can dự gì ấy vậy mà cũng có khối kẻ mê muội cuồng ông trùm. Chúng nó hè nhau bẽ hội đồng những ai dám nói cái xấu của ông trùm. Chúng rêu rao không công cho ông trùm:

- Bần cử bị đánh cắp, trả lại ngôi vị cho ông trùm.

Cuối năm này làng Mẹo lại bầu chọn người làm trùm, sự thể thế nào chưa rõ, cứ xin xem hồi sau. Thông cáo đã đăng như vậy, thế mà có kẻ nóng tánh không giữ được ý tứ. Ý gào thán lên:

Ông trùm quyền lực giàu sang

Mà tâm sân hận ngập tràn lửa thiêu

Bá đạo gian trá đủ điều

Tham lam rất mực bao nhiêu cho vừa.

Steven N

Vancouver, 0724

CON KHÔNG TRÒN CHỮ HIẾU

Dở manh áo nhìn vào lỗ rún
Tôi hình dung nguồn gốc thuở ban đầu
Con nối má bởi một sợi dây nhau
Bao tình lực cùng bao nhiêu là máu
Một khúc ruột tương hình nên con vậy
Má truyền cho sinh mạng sống đủ đầy
Cả thời gian chín tháng mười ngày
Và sau đó những năm dài nuôi dưỡng
Con khôn lớn má nhìn trông sung sướng
Bảo bọc con lo lắng bước đường đời
Công ơn má bao la tựa biển trời
Không thể nào dùng lời miêu tả được
Má như đất và con là cây đước
Má làm nền con vững bước lên đường
Má thương con như nước cả đại dương
Má là Phật một phương trời mẫu tử
Con xa cách sống một đời lữ thứ
Con nhớ hoài hình má đậm tâm tư
Con không tròn chữ hiếu lỡ làng hư
Con vụng dại dấu tuổi đời đã lớn
Những ngày xưa con ăn trắng mặc trơn
Má nhường cả phần hơn cho con cái
Cuộc mưu sinh đầy nhọc nhằn bươn chải
Và giờ đây suy hoại cả hình hài
Tóc má giờ đã trắng bạc tàn phai
In dấu ấn tháng năm dài vất vả
Con cầu Phật từ bi gia hộ má
Sống an vui khi tuổi đã xế chiều
Từ phương xa thương dáng má liêu xiêu
Thần xác mỏi cốt xương nhiều đau nhức
Thương nhớ má tràn đầy trong tâm thức
Ngày lại ngày luôn ray rức khôn nguôi.

THANH NGUYỄN

Át Lăng thành, 0323

MÙA TRĂNG CỦA MẸ

Tháng Bảy về đây nguyệt phi phong
Má ơi, thương má, tạ ơn lòng
Tháng ngày sanh dưỡng cùng nuôi nấng
Biển lớn làm sao lấy đâu đong

Hiếu hội Vu Lan lễ Phật đà
Nguyện cầu gia hộ má cùng ba
Sống đời an lạc niềm tin vững
Phước đức đồng song hưởng tuổi già

Hương trần thoang thoang tỏa mùi phương
Phật đem chánh pháp sáng soi đường
Từ bi mở rộng tâm tạng trường
Giác ngộ loài người thương chúng sanh

Tháng Bảy mùa trăng nhớ mẹ hiền
Ấy là những vị Phật đầu tiên
Thế nhân từ mẹ mà lưu xuất
Thủy tổ thừa lai với cửu huyền

Lại một mùa trăng soi thế gian
Về chùa vui trẩy hội Vu Lan
Phương tiện quyền thừa tu học Phật
Ánh đạo vàng lên thật hy hoan.

ĐỒNG THIÊN

Vancouver, 0724



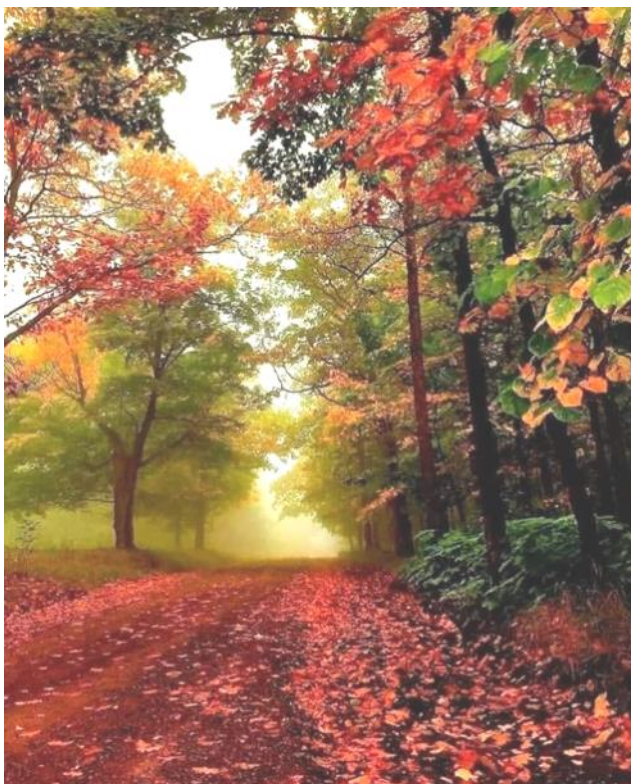
TRUYỆN CỰC NGẮN HOÀNG LONG



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CỨU HỘ

Khi nhìn lại những giấc mơ tuổi trẻ, cảnh xông pha vào sông đao biển lửa không chút ngại ngần cho lý tưởng đúng là có chút ngọt ngào trên đôi mắt già nua, chút dịu mềm trong nụ cười móm mém. Sự nhiệt tình và ngây ngô đó lại là những đoạn phim rực rỡ nhất của dòng đời. Sau này, khi sứt đầu mẻ trán, trầy da tróc vảy, thương tích hình hài, tim mòn hao kiệt và đã hiểu biết được chút ít về thế giới và lòng người, ta vẫn tự nhủ thắm trong những khoảnh khắc đó ta vẫn là anh hùng của riêng ta. Thế nhưng đâu có ai làm anh hùng mãi được? Ngày tháng lê thê của cuộc đời thường nhật không phải tranh đoạt giang sơn nhưng còn làm hao mòn tâm trí hơn cả một cuộc chiến tranh khốc liệt. Lúc đó yên bình ẩn dật mới là một cuộc sống đáng ước ao. Theo những giai đoạn khác nhau của cuộc đời và thuận theo dòng chảy, ta điều chỉnh sắp xếp lại đường đi và cách sống riêng mình. Bên chén trà ngắm nghĩ lại, anh nhận thấy mình đã tìm đường đi khởi đầu từ trực giác dần dần kèm theo phán đoán của sự suy xét và kinh nghiệm cá nhân. Những kiến thức sách vở và những điều người khác nói nhiều khi chỉ là sự phiến diện một chiều, phù hợp với riêng bản thân họ mà thôi. Lên đỉnh núi cao không chỉ có một con đường duy nhất, tự ta phải tìm ra con đường và hành trang phù hợp với chính mình. Trong một thế giới thay đổi quá nhanh, việc suy xét, phản tỉnh hàng ngày là điều cần thiết. Tuy thế đừng bao giờ quên trực giác. Không những thế anh còn cố gắng để mài sắc bén hơn. Ngay từ thuở ban đầu của tuổi trẻ, chính trực giác đã nhiều khi giúp anh nhận ra những điều phải về lâu sau này anh mới hiểu biết được. Chính trực giác đã ngăn anh lại kịp thời trước những vực sâu hiểm nguy hay tự nhủ cần phải đi tiếp dù bao nhiêu ngăn trở. Trong cảnh lửa cháy rực trời của tuổi trẻ, trực giác như người cứu hộ mặc áo màu cam xông



vào sát bên anh và giúp đỡ chỉ dẫn thoát nạn. Có điều thường ta quên đi rất nhanh những người đã giúp đỡ mình sau khi bình yên vô sự. Sự quên lãng nguồn lực cứu hộ, không kịp thời trang bị những dụng cụ cần thiết như dây thừng, thùng sơ cứu hay mặt nạ chống độc sẽ khiến trực giác dần mờ nhạt đi, những lần cứu hộ sau sẽ khó khăn hơn và có khi chỉ lực bất tòng tâm lặng lẽ nhìn mình chìm trong thảm cảnh. Anh cố gắng mài sắc bén trực giác, luyện tập mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi khoảnh khắc rảnh rỗi. Như thể anh đang trang bị cho nhân viên cứu hộ của riêng mình những trang thiết bị tối tân nhất trong phạm vi có thể. Nếu có thêm xe cấp cứu, máy bay trực thăng, bộ đàm, phòng phẫu thuật khẩn cấp, máy khoan tường, máy chiếu laser, cảm ứng nhiệt thì việc phát hiện và cứu chữa sẽ rất nhanh chóng và kịp thời. Nếu trực giác có thêm trí tuệ hiểu biết, sự giúp đỡ của công nghệ điện tử, kinh nghiệm của nhân loại trong sử sách, những bài học của người đời thì rõ ràng việc nhận diện để xử lý vấn đề hay thoát khỏi đó sẽ chính xác và dễ dàng hơn. Anh vẫn luôn chăm chỉ học hỏi và rèn luyện mỗi ngày như thế. Vì cuối cùng chỉ có chính ta mới cứu được chính bản thân mình.

Sài Gòn, ngày 21/12/2023

TRẠM DỪNG CHÂN

Khi đi du lịch, ta thường hay ghé trạm dừng chân nghỉ ngơi không chỉ để duỗi chân tay cho thoải mái, giải quyết nhu cầu vệ sinh thiết yếu, mua vài món quà lưu niệm mà còn để ngắm nhìn chặng hành trình. Mỗi quán dừng chân từng địa phương có những vật phẩm đặc sắc riêng cũng như thiết kế không gian khác biệt. Có chỗ quán ăn nằm phía trước rồi đến quầy lưu niệm cuối cùng phía sau là nhà vệ sinh. Có nơi thì đập vào mắt là một không

gian trưng bày quà lưu niệm rồi đến nhà vệ sinh, không có chỗ ăn uống mà chỉ có xe bánh mì và quầy bán bánh trái mang về. Giọng địa phương nghe thật vui tai. Đôi khi có dịp đi du lịch nước ngoài dài ngày, chạy xe trên cao tốc, ghé vào trạm dừng chân lại có nhiều điều thú vị khác nữa từ thiết kế không gian đến giọng nói xa lạ nhưng vẫn luôn chào đón thiết thân. Anh luôn yêu quý những chỗ dừng chân như vậy. Tưởng như tạm bợ nhưng có nhiều niềm lưu luyến khó quên, làm phong phú thêm bao nhiêu kỷ niệm cho cuộc hành trình. Để sau này nhớ lại cũng có chút nụ cười niềm vui trong tháng ngày móm mém. Anh còn có một trạm dừng chân khác nữa, trạm dừng chân của thời gian. Đó là một không gian nhỏ trong thư phòng, nơi anh sắp xếp và nâng niu những quyển sách và đồ vật cũ mòn. Một chặng đường dài gần ba mươi năm. Trên giá sách có nhiều quyển sách đã lạc hậu, những kiến thức đã lỗi thời cần phải có nhiều cập nhật mới. Trong ngăn kéo có những hộp bút, bình hoa, chiếc đồng hồ đeo tay cũ, vài bức tượng nhỏ bằng gốm sứ trang trí. Một quyển album ảnh cũ ngày xưa, mấy luận văn ngày nào, chiếc khăn tay đã mòn rách. Nhưng tất cả đều là tài sản quý giá, đã cùng anh làm nên anh của ngày hôm nay như bây giờ. Mỗi buổi chiều, anh đều lặng lẽ pha một ấm trà, trầm ngâm ngắm nghía và suy niệm. Anh giữ vài trang sách, sắp xếp lại mấy tấm ảnh, lên giây cót đồng hồ hay lau chùi mấy bức tượng nhỏ với sự chú tâm tận tâm. Trong khoảng thời gian đó, anh không để bất cứ điều gì làm bận lòng hay quấy rầy tâm trí để trở về nguyên vẹn của chính mình của ngày xưa, sống lại những nhiệt tình và hoài niệm tuổi trẻ. Như thể anh đóng băng mình với hiện tại, quay ngược về quá khứ xa xưa, để nhìn ngắm lại một chân dung kỳ niệm. Trên hành trình thời gian dài dặc của nhân sinh, anh luôn có điểm dừng chân nghỉ mệt, nhớ lại mình thuở ban đầu, tìm lại ý nghĩa của cuộc hành trình thân phận. Anh nhớ đến những nỗi khao khát, ước mong xưa cũ, xem lại mình đã làm được những gì, điều gì cần phải tiếp tục sửa chữa và tu dưỡng, điều gì cần phải tiếp tục theo đuổi cho trọn vẹn một đường bay nghệ thuật. Trong sự bình yên của những thời khắc riêng tư nơi trạm dừng chân thời gian, anh luôn cảm thấy biết ơn về chính mình và cuộc đời. Dù gì đi nữa, anh đã sống trọn vẹn, biết tạo thời gian cho chính mình để nghỉ ngơi, phục hồi, biết tránh xa những điều ngoài tầm tay với để tập trung vào giá trị căn bản của riêng mình. Tương lai thật khó đoán nhưng dù gì anh cũng có một la bàn tâm thức làm bằng những ký ức cũ thời gian. Anh trôi trong thời gian nhưng không hề vô định, vì đường bay anh đã thiết lập cho chính mình từ suốt những tháng ngày tuổi trẻ, được nối kết bởi những trạm dừng chân tâm tưởng của ngày xưa.

Sài Gòn, ngày 26/1/2024



ĐÓA HOA HIẾU HẠNH

*Cho con giọt máu hình người
Trọng ân cha mẹ biển trời công lao
Sinh thành cúc dục cù lao
Tay nâng tay bế ngọt ngào sữa thơm*

*Nuôi con chẳng quản sớm hôm
Chắt chiu mưa nắng com thơm ngọt lành
Thanh xuân nào tiếc tóc xanh
Tháng năm vội vã trôi nhanh phận đời*

*Cho con rạng rỡ nụ cười
Hồn nhiên chân sáo mùa vui tuổi hồng
Tình cha mây trắng mệnh mông
Lòng mẹ ấm áp muôn dòng đại dương*

*Cho con tất cả tình thương
Mẹ cha là cả quê hương suối nguồn
Con dầu bao tuổi vẫn tuồng
Như là trẻ nít mẹ thường rầy la*

*Dẫu là gánh mẹ công cha
Vu Lan dâng đóa hiếu họa tô bày
Chi bằng nhân nghĩa thẳng ngay
Hương sen đức hạnh thanh bai đáp đền...*

thơ **TỊNH BÌNH**

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 11

TIỂU BANG GEORGIA, HOA KỲ— từ ngày 11 đến 14/7/2024

Thích Chúc Đại lược thuật

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Lễ khai mạc (11/7/2024)

Pháp vị đã khai – Non sông thấm nhuần

Tối thứ năm, ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Morrow Center, Atlanta tiểu bang Georgia đã diễn ra lễ khai mạc khóa tu học Phật pháp Bắc Mỹ lần thứ 11 do GHPGVNTN Hoa Kỳ và Canada đồng tổ chức.

Đây là một trong những chương trình quan trọng hằng năm do hai Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Thống Nhất tại Hoa Kỳ & Canada tổ chức.

Năm nay, khóa tu học được tổ chức tại Georgia do TT. Thích Quảng Văn, Trụ Trì Tu Viện Vô Biên Hạnh đảm nhận vai trò Trưởng ban Tổ chức.

Khóa tu với chủ đề “Đi như một dòng sông” để nói lên ý nghĩa tinh thần hòa hợp tử chúng đồng tu, cùng nhau tu học, cùng nhau hưởng thụ trên con đường giải thoát.

Khóa tu năm nay đã cung đón hơn 200 Tăng Ni



TRỞ VỀ MỤC LỤC



từ khắp nơi về chứng dự và hơn 500 quý đồng hương Phật tử từ muôn phương cũng về tham dự.

Khóa tu học năm nay tập trung nội dung qua 3 pháp hội lớn: Đại pháp hội Quan Thế Âm, Đại pháp hội Diệu Pháp Liên Hoa, Đại pháp hội A Di Đà. Tất cả đều chuyển tải tinh thần Bồ tát hạnh, đem từ bi tâm và năng lượng tuệ giác dẫn thân vào đời cứu độ nhân sinh, cùng lên thuyền bến giác.

Buổi lễ khai mạc đã diễn ra hết sức trang nghiêm, thấm đượm hương vị Chánh pháp. Đây cũng là thông điệp đầu tiên mà khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11 gửi đến đại chúng.

Như Kinh văn A Hàm đã ghi chép rằng: "Niết bàn đệ nhất lạc" nhưng để đạt đến Niết bàn an lạc ấy không có gì khác hơn là thực hành Chánh pháp. Chính Chánh pháp mới là chất liệu làm nên hạnh phúc bình an miên viễn cho con người trong thế gian này.

Ước mong, nguồn năng lượng Chánh pháp sẽ tưới mát tâm hồn của chư học viên về tham dự khóa tu học.

Ngày thứ hai (12/7/2024)

Khởi bất hoại tín – Phật pháp xương minh

Thứ sáu, ngày 12 tháng 7 năm 2024, ngày sinh hoạt thứ hai của khóa tu, với tiêu đề "Đại Pháp Hội Quan Thế Âm" từ mở sáng chư Tôn đức Tăng Ni và quý học viên Phật tử đã thức giấc, sau đó từ khách sạn hành giả cùng về hội trường chính để thiền



tọa và công phu sáng. Với năng lượng chánh niệm của hội chúng, cùng với lời kinh trầm hùng của hơn 700 vị hành giả trong đạo tràng nghiêm tịnh, đã tạo nên một năng lượng thanh tịnh và bình an đến lạ thường.

Sau thời kinh sáng, đại chúng lắng nghe lời chia sẻ của HT. Thích Trí Hoằng nói về công năng diệu dụng của Thần chú Lăng Nghiêm, Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiện chia sẻ tâm tình mỗi khi tham dự khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ theo hạnh nguyện "Thường tùy Phật Học" của Bồ Tát Phổ Hiền.

Lúc 08:00am, đại chúng ăn sáng và thiền hành trong chánh niệm, sau đó quý Phật tử được chia theo nhóm sinh hoạt. Mỗi nhóm đặt tên theo đức hạnh của các vị Tôn Giả Như: A Na Luật, Phú Lâu Na... và mỗi nhóm đều có sự hướng dẫn của Chư tôn đức Tăng Ni.

Điều muốn nói trong ngày đầu khóa tu là chương trình thuyết giảng Phật pháp và Phật pháp vấn đáp. Buổi học đầu tiên của Tăng Ni và Phật tử do Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Chủ tịch Hội đồng Điều hành GHPGVNTN Hoa Kỳ và Hòa Thượng Thích Thái Hòa phụ trách.

Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, người đã dày công nghiên cứu Phật Pháp, nhiều năm ôn tầm bồi đắp. Hòa Thượng đã chia sẻ cùng Tăng Ni với đề tài "Tinh thần tu chứng của Vua Trần Nhân Tông ngang qua thân ngữ uẩn của phạm phu và bậc thánh" với cách trình bày rõ ràng, lối phân tích cặn kẽ, khiến

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 11

TẠI MORROW CENTER ATLANTA - GEORGIA (11-15/7/2024)



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

cho Tăng Ni thấm đượm pháp lạc. Có lẽ vì vậy, Thầy Giác Chính đã cảm tác vần thơ như lời tri ân đến Hòa Thượng.

Thơ rằng:

*"Thời pháp đầu tiên được diễn bày
Lục căn lục thức của xưa nay
Không tu không chuyển triền miên khổ,
Khéo phục khéo điều hạnh phúc ngay
Thườ trước vua Trần tu chứng quả,
Ngày nay Hòa Thượng giảng trình hay
Tích môn phân biệt ngân trắng hiện
Thanh tịnh bản môn chẳng bóng mây."*

Cũng Từ nơi pháp hội ấy, Thầy Chúc Hiền cảm tác nên:

*"Bổn - Tích song hành trải thẳng duyên
Y tứ thâm sâu khơi nẻo thiện
Ngôn từ diễm tuyệt mở tâm huyền
Tăng ni cảm kích ân nguyên hiện
Sửa pháp tuôn trào nghĩa đạo tuyên
Thắp sáng nguồn tâm an lạc hiển,
Khóa tu Bắc Mỹ ngát hương truyền."*

Sau thời pháp cho Tăng Ni, Hòa Thượng đã dành thời gian thuyết giảng cho hơn 500 học viên Phật tử với đề tài "Tinh thần tu học của người Phật tử trong kinh tạng Nikaya". Y cứ từ trong sự giảng dạy ghi chép của kinh văn, cùng với kinh nghiệm tu tập của tự thân Hòa Thượng đã nêu lên 6 điểm căn bản của người Phật tử khi thực hành giáo pháp. Sáu điểm đó là: 1. Ý thức bản chất của mọi sự mọi vật là vô thường, vô ngã. 2. Phải biết rằng nghiệp báo luân hồi trong vòng sanh tử là vô tận. 3. Thiết lập đức tin kiên cố đối với Tam Bảo. 4. Luôn luôn giữ gìn giáo pháp đã thọ trì. 5. Thực tập hạnh bố thí. 6. Trí tuệ là ngọn đuốc soi đường. Thiết nghĩ, nếu một Phật tử luôn ghi nhớ và thực hành những điều tu học căn bản như vậy, thì con đường an lạc sẽ hiển bày ngay bây giờ và ở đây.

Hòa Thượng Thích Thái Hòa - Vị Thầy giáo thọ uyên thâm về pháp học và pháp hành. Hòa Thượng đã chia sẻ với Tăng Ni với đề tài: "Đi như một dòng sông" - Đây chính là chủ đề của khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11 này. Hòa Thượng nhấn mạnh rằng, dòng sông ấy, chính là dòng sông tâm linh, dòng sông này chư Phật quá khứ đã đi, chư Phật hiện tại đang đi và chư Phật vị lai cũng sẽ đi. Hòa Thượng đã y cứ vào bảy kệ tụng thông giới của chư Phật quá khứ cho đến hiện tại, từ Tỳ Bà Thi Phật cho đến kệ tụng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Mỗi bài kệ tụng là một pháp hành, là tiếng chuông giác ngộ, đánh thức chí nguyện xuất gia của Chư Tôn đức Tăng Ni, và tinh thần phụng sự chánh pháp của mỗi vị xuất trần thượng sĩ. Chánh pháp có trường tồn hay không là ở nơi Tăng già có hòa hợp thanh tịnh hay không. Nếu Tăng già hòa hợp thanh tịnh thì chánh pháp trường tồn, bằng không thì ngược lại. Với chư vị học viên Phật tử, Hòa Thượng đã chuyển tải thông điệp tu học của Giới - Định - Tuệ. Hãy ứng dụng Tam vô lậu học vào đời sống của từng người trong từng phút giây, hãy nắm lấy thật sâu sắc ba điều học này, để vượt qua bao thăng trầm chướng duyên, thuận nghịch, vui buồn, sướng khổ của sự sống.

Có thể nói, qua hai bài thuyết giảng của nhị vị Hòa Thượng, đã khơi mở cho Tăng Ni và Phật tử pháp học và pháp hành một cách rất rõ ràng. Từ bài giảng của nhị vị, thiết nghĩ quý Ngài cũng đã khơi mở lại tinh thần tu học "Tứ bất hoại tín" của mỗi

hành giả khi bước vào dòng thánh. Bốn pháp ấy là, Niềm tin bất hoại đối với Đức Phật, Niềm tin bất hoại đối với chánh Pháp, Niềm tin bất hoại đối với Tăng và niềm tin bất hoại đối với Thánh giới.

Thử nghĩ, nếu mỗi hành giả tu học thành tựu bốn niềm tin bất hoại ấy, thì lo gì Phật pháp không xương minh?

Song song với các buổi pháp thoại cho người lớn, các em thiếu nhi cũng được chư tôn đức Tăng Ni hướng dẫn thiền tập chánh niệm, học hạnh từ bi của Bồ tát Quan Âm, thực tập nếp sống đạo đức. Bên cạnh đó, những thời kinh cũng được trùng tụng, những thời vấn đáp Phật Pháp của quý học viên cũng được chư Tôn đức Giáo Thọ khóa tu giải đáp.

Đêm về, là buổi thắp nến tri ân Cổ Trưởng lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan và Cổ Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ. Nhị vị Cổ Trưởng lão Hòa Thượng đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp xiển dương chánh pháp, phục vụ cho dân tộc quê hương. Quý Ngài cũng bằng niềm tin bất hoại, đã lèo lái con thuyền chánh pháp vượt qua bao nhiêu thác ghềnh của cuộc đời. Vì vậy, hình ảnh của quý Ngài là bất hủ trong trái tim của những người học Phật tử xuất gia đến tại gia.

Ngày đầu tiên của khóa tu học đã viên mãn trong hương vị chánh pháp, thắp sáng niềm tin bất hoại của mỗi hành giả trên lộ trình giải thoát.

Ngày thứ 3 (14/7/2024) Diệu pháp tuyên dương - Trời người cùng hưởng

Thứ 7, ngày 13 tháng 7 năm 2024 ngày tu học thứ ba theo tiêu đề "Đại Pháp Hội Diệu Pháp Liên Hoa" Mọi học viên dường như quen dần với sự thức giấc từ rất sớm 4:30am, và dường như thời kinh sáng trở nên một chất liệu không thể thiếu trong các ngày tu học Phật Pháp. Vì vậy, mọi người sau khi đánh thức, liền cùng đến hội trường chính để cùng hành trì thời kinh buổi bình minh. Tâm hòa tâm, lời hòa lời, nguyện hòa nguyện tạo nên một thời kinh mang giá trị vô song, và chắc hẳn đây cũng chính là chất liệu thanh lương tưới tắm vào tu hồn người tu học.

Sau thời kinh, đại chúng đã lắng nghe HT. Thích Nhật Huệ chia sẻ về tâm nguyện tu học của khóa tu học Bắc Mỹ. Với Hòa Thượng mỗi năm vẫn luôn chờ đợi giây phút cùng về tu học, cùng về phò hộ. Ni Trưởng Thích Nữ Tâm Phương, dù lần đầu tiên tham dự khóa tu nhưng thấy rằng niềm hạnh phúc vô biên và Ni Trưởng cũng chia sẻ về bốn





hạng người nghe pháp, để làm sao chánh pháp được thấm đượm trong mỗi hành giả tu học Phật.

Trong ý nghĩa của ngày tu học theo tinh thần "Diệu Pháp Liên Hoa", quý đại chúng được Ban Tổ chức hướng dẫn thiền hành nơi hồ sen rất đẹp. Hơn 700 quý chư tôn đức và hội chúng học viên cùng bước những bước chân của chánh niệm, cùng hiến tặng cho nhau năng lượng của diệu pháp, trao cho nhau những đóa sen tinh khiết. Với ước nguyện, mỗi hành giả là một đóa sen, tuy ở trong bùn nhưng không hôi tanh mùi bùn. Cũng vậy, mỗi hành giả sẽ dẫn thân vào đời, hành bổ tát hạnh. Tuy vào đời ngũ trước, nhưng không bị dòng đời lôi cuốn, mà vẫn thoát trần dăng lên những đóa sen xinh tốt cho đời.

Tiếp tục sinh hoạt chương trình Phật Pháp, giờ sinh hoạt của Chư Tôn đức Tăng Ni với sự chia sẻ của HT. Thích Đồng Trí và TT. Thích Chúc Hiền. Thượng Tọa Chúc Hiền – Tổng vụ trưởng Tổng vụ Văn Hóa với nhiều năm nghiên cứu về Hán Nôm đã phân tích đoạn thơ 'Lo hoán cốt, ước phi thăng, đan thân mới phục; Nhắm trường sinh về thượng giới, thuốc thỏ còn đơm. Sách để xem chơi, yêu tính sáng yêu hơn châu báu; Kinh nhàn đọc dẫu, trọng lòng rồi trọng nữa hoàng kim' trong "Cư Trần lạc đạo phú" Hội thứ nhất của Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Với tâm thái từ tốn, nội dung phân tích sâu sắc, để lại trong lòng chư tôn đức niềm hỷ lạc vô biên.

Tiếp theo HT. Thích Minh Dung và HT. Thích Tuệ Uy đã đưa ra những câu hỏi để Tăng Ni cùng suy tư: 1. Tính chất đặc thù của Phật Giáo Việt Nam là gì? Những gì là biểu trưng của Phật giáo Việt Nam để cho thế giới và người Tây phương biết đến? 2. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã giúp đỡ được gì cho những người đang đối diện với căn bệnh trầm cảm hiện tại của người lớn và trẻ em? Với những chủ đề đưa ra như vậy, quý Tăng Ni đã thảo luận và hướng giải quyết cho hiện tại và tương lai. Từ những vấn đề thảo luận ấy, chúng ta có thể biết rằng, GHPGVNTN Hoa Kỳ luôn cố gắng vượt qua những khó khăn, đối diện với biết bao thách thức để đưa đạo vào đời, đưa chánh pháp đến từng nhà, từng người. Mà vấn đề này được cụ thể hóa ở đây, chính là các khóa tu học cho người lớn, những khóa tu cho các em thanh thiếu đồng niên. Thiết nghĩ, đây cũng chính là những việc làm, những trái lành và quả ngọt mà Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã cố gắng, đang cố gắng và sẽ cố gắng cho cuộc đời này.

Riêng về buổi học pháp của Phật tử, đại chúng



được TT. Thích Tâm Thiện – Một hành giả Pháp Hoa, một người đã dày công nghiên cứu về kinh văn Pháp Hoa. Bằng lối giảng thiết thực, bằng kinh nghiệm pháp hành của tự thân, Thượng Tọa đã khái lược về tầm quan trọng của kinh văn Pháp Hoa, những phương pháp thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép... và đặc biệt giảng giải ý nghĩa của phẩm "Pháp sư" trong kinh "Đại Thừa Diệu Pháp liên Hoa Kinh" – Mỗi hành giả hãy vào nhà Như Lai – Tâm Từ bi rộng lớn, mặc y Như Lai – Lòng nhu hòa, nhẫn nhục và ngôi tòa Như Lai – Nhất thiết pháp không.

Quý học viên Phật tử cũng được Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu & Ni Sư Thích Nữ Giới Bảo, hai vị giảng sư đã y cứ vào kinh văn Nikaya để hướng dẫn người Phật tử tại gia tu tập như thế nào để đạt đến sự an lạc. Quý Chư Ni đã đưa ra các pháp hành như: Phải có niềm tin vững chãi với Tam Bảo, tin nhân quả, tin vào khả năng chuyển hóa của chính mình, hãy đoạn trừ những bất thiện pháp, hãy nuôi lớn thiện pháp bằng chánh niệm, chánh định và soi sáng bằng tuệ giác.

Song song với những buổi thảo luận của Tăng Ni, những lớp Phật Pháp cho quý Phật tử lớn tuổi, thì cũng có những buổi sinh hoạt với các em, nhằm hướng dẫn các em vững tin trên con đường thực tập tâm linh và mong ước các em sẽ vững chãi khi bước tiếp vào đời.

Thời kinh trì tụng Kinh Pháp Hoa "Phẩm pháp sư" thứ 10 cũng được đại chúng trì tụng. Sinh hoạt văn đáp Phật pháp cũng trở nên hấp dẫn và sôi động, bởi mang đến cho đại chúng những nụ cười, những phút giây thư giãn mà cũng chứa đựng vô biên pháp vị.

Với tinh thần tu tập "Phiên tả kinh Pháp Hoa" đại chúng đã cùng thực tập phiên tả kinh văn Pháp Hoa. Đây là một trong những việc làm ý nghĩa trong khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11. Đặc biệt, trong đêm phiên tả "Kinh Pháp Hoa" dưới sự chứng minh của Tam Bảo, với sự thành tâm của toàn thể hội chúng, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Chủ tịch HĐĐH GHPGVNTNKH và Hòa Thượng Thích Minh Dung đã đại diện cho tất cả hội chúng dâng lời tri ân đến Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Tăng Trưởng Hội đồng Giáo phẩm GHPGVNTNKH – Một bậc Thầy suốt cả cuộc đời đã hy hiến cho đạo pháp, đặc biệt là đã cố gắng hết sức mình cho việc hành hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Một ngày tu học trọn phần viên mãn, với bao tâm nguyện thanh tịnh hoan hỷ của đại chúng đã kết thành một đón sen tinh khiết dâng lên Pháp hội



“Diệu Pháp Liên Hoa”.

Xin hãy tư duy rằng:

*“Như giữa đồng rác rưởi,
Quặng bô trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người.”
“Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí.”*

**Ngày thứ 4 (14/7/2024)
Một niệm tâm thành – Hoa khai kiến Phật**

Ngày 14 tháng 7 năm 2024 ngày tu học cuối cùng của Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ. Với tiêu đề “Pháp hội A Di Đà”. Vẫn như mọi ngày, chư vị học viên dạy rất sớm, để rì tụng thời kinh buổi ban mai. Những lời kinh vang vọng như diệu âm, phạm âm, hải triều âm, đưa đại chúng cùng về tắm mình trong biển pháp Như lai.

Sau thời kinh, đại chúng đã lắng nghe đạo từ của HT. Thích Tín Nghĩa. Hòa Thượng khuyến tấn chư vị hành giả hãy cố gắng tu học. Nếu có tu học thì sẽ có hạnh phúc.

Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu cũng nói lên cảm xúc của mình khi được cùng hội chúng tu học, cảm thấy pháp lạc vô biên khi cùng đại chúng phó hội.

Sau những lời chia sẻ của quý Ngài, nhận thấy những khó khăn mà Ban Tổ chức khóa tu gặp phải, nên HĐĐH GHPGVNTNHK cũng đã có những lời động viên sách tấn và chia sẻ một ít tịnh tài của Giáo Hội đến với ban tổ chức.

Trong ngày tu học thứ 3 của khóa tu, quý thiện nam tín nữ Phật tử đã được lắng nghe TT. Thích Minh Hạnh và TT. Thích Nhật Châu chia sẻ về nội dung tu học theo pháp môn tịnh độ. TT. Thích Minh Hạnh đã y cứ vào cuốn sách “Tư Tưởng tịnh độ của Đại Sư Thiện Đạo” để phân tích ý nghĩa niệm Phật, phương thức niệm Phật, nhằm xác quyết niềm tin vững chãi cho người Phật tử tu theo pháp môn tịnh độ. TT. Thích Nhật Châu đã giới thiệu về cảnh giới Cực Lạc, nói về hạnh nguyện của đức Phật A Di Đà. Bên cạnh đó, Thượng Tọa cũng đã giới thiệu các cảnh giới tịnh độ của chư Phật khác như: Cảnh giới của Ngài Dược Sư, Ngài Di lặc...

Với nội dung tu học “Pháp hội A Di Đà” đại chúng đồng khẩu tụng âm, đồng xướng niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Trong âm vang thanh tịnh ấy, như đã đánh thức bao tâm hồn phiêu bạt, trở về an trú nơi đức hạnh vô lượng quang, vô lượng thọ và vô lượng công đức của Phật A Di Đà.

Buổi thảo luận Phật pháp của Tăng Ni, do quý HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Thông Triết và TT. Thích Nhuận Ân phụ trách. Ngài Tăng Trưởng đã khuyến tấn quý Tăng Ni về con đường tu học. HT. Thích Thông Triết đã chia sẻ những năm tháng hạnh

phúc được tu học với Hòa Thượng Thích Thanh Từ và cũng đã dẫn chứng những điều mà Hòa Thượng Thanh Từ luôn dạy đại chúng về Giới học, Định học và Tuệ học. TT. Thích Nhuận Ân, đến từ Chùa Việt Nam tại Nhật Bản đã chia sẻ khái quát về tình hình Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản. Thượng Tọa đã khái quát những ngày đầu khi Phật Giáo Việt Nam có mặt tại Nhật, bởi hình ảnh du học của Chư Tôn đức Tăng Ni, sau này những ngôi Chùa Việt được hình thành và mang đến sức sống mới cho người Việt sinh sống tại Nhật. Những khóa tu ở xứ sở này cũng được khai mở, mà niềm cảm hứng ấy được bắt nguồn từ khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ.

Buổi chiều cùng ngày, quý Phật tử thi trải nghiệm Phật pháp, ôn lại những kiến thức đã học được từ chư Tôn đức trong các ngày tu học. Bằng sự chăm chỉ của học viên khóa tu, bằng sự ghi chép cẩn thận trong từng giờ học, quý Phật tử học viên đã trả lời chính xác những câu hỏi của Ban tổ chức nêu ra. Đây cũng là niềm vui học pháp của quý học viên. Học để nhớ - nhớ để tư duy - tư duy để tu tập. (Văn - Tư - Tu)

Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11 không chỉ mang đến lợi ích cho người sống, mà còn khai mở đại bi tâm, hướng vọng cầu nguyện cho chư vị âm linh cô hồn được nương nhờ lời kinh tiếng kệ, khai mở nội tâm mà siêu sanh tịnh cảnh, nên chư tôn đức trong đạo tràng kinh sư đã cử hành khoa nghi chấn tế thí thực âm linh cô hồn, nguyện cầu âm siêu dương thái.

Trời dần về chiều, nhưng dường như ai cũng thấy vui, khi chương trình văn nghệ cúng dường do các chúng tu học trình bày. Mỗi chúng một tiết mục, mỗi tiết mục mang một sắc thái riêng, nhưng tựu trung nói lên tinh thần tu học, niềm vui được sống với nhau trong những ngày cộng tu, được tắm mình trong giáo pháp Như Lai.

Đêm về cũng là lúc bế mạc khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 11. Đại chúng được lắng nghe những tóm lược sinh hoạt, tu tập Phật pháp... từ Thượng Tọa Trưởng ban Tổ chức, những cảm tử sâu lắng từ trái tim người Phật tử học Phật, những đạo từ khuyến tấn của Chư Tôn đức trên con đường phụng sự Phật pháp và phụng sự sự giáo hội. Khóa tu đã kết thúc, nhưng những hình ảnh cùng đi thiền hành, cùng ăn cơm trong chánh niệm, cùng thảo luận Phật Pháp... chắc hẳn mãi là chất liệu cần thiết trên con đường thực tập đời sống tâm linh.

GHPGVNTNHK với tinh thần phụng sự chánh pháp, để tiếp nối dòng chảy Chánh Pháp được tương tục, nên khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 12 cũng được xướng danh. HT.Thích Nguyên Siêu - Chủ tịch HĐĐH GHPGVNTNHK đảm nhận trọng trách Trưởng ban Tổ chức và sẽ tổ chức tại Ấn Độ vào ngày 7-8 tháng 11 năm 2025. Ước mong, quý đại chúng cùng về tham dự nơi mảnh đất thiêng Bồ Đề Đạo Tràng.

Xin mượn lời kinh Pháp cú, để cùng nhau suy ngẫm:

*“Ai sống một trăm năm
Không thấy Pháp tối thượng
Không bằng sống một ngày
Thấy được Pháp tối thượng.”*

Thích Chúc Đại

Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục, HĐĐH GHPGVNTNHK

THÁNG BẢY MÙA TRĂNG CỦA MẸ

Tiểu Lục Thân Phong

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Tháng Bảy lại về, những người con Phật khắp nơi nao nao chuẩn bị cho mùa hội hiếu. Không biết tự bao giờ nhưng lễ Vu Lan đã ăn sâu vào tâm khảm của mọi người con Việt. Có những người khác đức tin nhưng cũng biết đến lễ Vu Lan. Tạm gác qua những lý luận khác biệt có hay không có lễ Vu Lan trong Phật giáo. Tạm không bàn về những quan điểm khác biệt giữa các tông phái, các dòng truyền thừa. Chúng ta hãy hoan hỷ với tinh thần báo hiếu, ý nghĩa cao đẹp của lễ Vu Lan. Nào chỉ có người Việt, Người Hoa, người Hàn, người Nhật nói chung là những dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa và Phật giáo Bắc truyền đều hân hoan tổ chức lễ Vu Lan. Với các dân tộc A Đông đã có một thời gian dài sống với Khổng giáo nên rất coi trọng chữ hiếu, con người lấy chữ hiếu làm đầu.

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

(Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)

Lễ Vu Lan là sự pha trộn giữa hiếu đạo Nho gia và tinh thần giải thoát của Phật giáo. Thế gian này không có gì cao quý và thiêng liêng bằng tình mẫu tử (tuy nhiên cũng có một thiếu số nghịch tử, ác mẫu). Với người Việt thì tình mẹ con còn ràng buộc chặt chẽ hơn, cái tình máu mủ ruột rà, cái ơn nghĩa mang nặng đẻ đau, chăm bẵm nuôi nấng cả một quãng đời nó sâu đậm lắm. Có người con nào không thương mẹ? Tuy nhiên người Việt ta thường giữ kín trong lòng chữ ít thổ lộ bằng lời, thường hành động chứ ít bày tỏ.

Người Việt không có ngày lễ Mẹ, ít khi nào mở miệng nói con thương mẹ như người phương Tây. Bởi vậy mùa Vu Lan là một dịp để bày tỏ tác lòng, là một dịp báo hiếu, một cơ hội thực hành hiếu đạo.

Lễ Vu Lan về chùa dâng hương lễ Phật, cầu cho mẹ (cha mẹ nói chung) hiện tiền khỏe mạnh, an

vui, sống đời lạc đạo. Với cha mẹ và ông bà quá vãng thì siêu sanh cõi an lành, cảnh giới tốt đẹp. Cầu nguyện trong Phật giáo cũng khác với các tôn giáo khác. Phật là bậc giác ngộ, là người chỉ đường, là ông thầy dẫn đạo. Phật không phải thần linh, thương để nên không có ban phước hay giáng tội, bởi vậy cầu nguyện ở đây không phải cầu xin Phật mà là hướng tâm từ, tâm thiện, tâm lành, thiện hạnh đến Phật, hướng về mẹ (cha mẹ nói chung) hiện tiền, cha mẹ và ông bà quá vãng. Cầu nguyện là thực hành giáo lý đã học, cầu nguyện là lễ kính Phật, Pháp, Tăng. Nhớ ơn mẹ cha, cầu nguyện cho mẹ cha thì

Không làm các điều ác

Làm tất cả điều lành

Giữ tâm ý trong sạch.

(Kinh Pháp Cú)

Cầu nguyện là biết khổ, nguyên nhân khổ, phương cách thoát khổ. Cầu nguyện là thân phải hành chứ không phải nói suông hay trông chờ phép lạ. Phật độ là Phật chỉ con đường đi đến hết khổ, chỉ phương pháp thực hành. Ta không hành, không đi thì Phật cũng không sao độ được cho dù Phật có tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, vô tri vô sở bất tri, vô năng vô sở bất năng...

Mọi người chúng ta thường bận bịu với cuộc sống mưu sinh, vui với bao nhiêu dự hoặc của lục trần cho nên chẳng mấy khi nhớ Phật, về chùa. Bởi vậy lễ Vu Lan cũng là một cơ duyên nhắc nhở mọi người nhớ Phật về chùa. Nhớ mẹ, cầu nguyện và thực hành lời Phật dạy.

Có không ít người trong chúng ta cả năm chỉ về chùa vào ngày Tết, lễ Phật đản và lễ Vu Lan. Ngày Tết vui với truyền thống hội hè của dân tộc. Rằm tháng Tư thì là kỷ niệm ngày Phật đản sanh. Riêng rằm tháng Bảy thì vừa lễ Phật, tạ ơn Phật vừa nhớ ơn mẹ cha. Trăng rằm thì tháng nào cũng tròn và đẹp, tuy nhiên trăng rằm tháng Bảy dường như đẹp hơn, lung linh hơn, tha thiết hơn vì trăng rằm tháng Bảy dường như để dành riêng cho mẹ. Dầu biết rằng ngày nào mà ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh thì ngày đó cát tường nhưng ngày rằm tháng Bảy dường như thiêng liêng hơn, nhiệm mầu hơn trong tâm tưởng những người con Phật, vì ấy là lòng hiếu, là đức tin, là hy vọng.

Dầu biết thời gian vô thủy vô chung, là miền viển vông cùng tận, không cứ gì tháng Bảy mới là mùa hiếu. Sở dĩ có tháng Bảy lễ Vu Lan báo hiếu ấy là tạm bám víu vào một điểm để hành, bằng không thì biết đâu để hành khi mà mình còn ràng buộc trong ngũ dục lục trần, còn sanh tử trăm luan, còn vô minh kéo dài. Ngay cái thân mình cũng thế, dầu biết là hư dối, vô ngã, không thật, chỉ là duyên hợp của tứ đại nhưng vẫn cần lấy nó, dùng nó để hành, để lễ Phật, để thực hành hiếu đạo, thực hành lời Phật dạy khi mà mình còn trôi lặn trong ba ngã sáu đường.



TẠP NIỆM

*bám lưng con thiêu thân lạc vào rừng lạ
ngong nghịu năm ba tiếng Bát Nhã Tâm Kinh
xào xạc biển Đông con dã tràng bới cát
nổi chìm lộng ngôn vọng ngữ lưng bùng
nghe hấp dẫn chuyện dị nhân đi mây về gió
xuất hồn lơ lửng, mở mắt ra thấy ma quỷ nhe răng
đồi núi xa xa cuốn sợi dây ngũ uẩn hồng trần
gió lạnh của núi chờ về rừng hoa héo
đưa tay vuốt tóc bao mỹ nhân kiều nữ
quyện tròn tâm thức mây vòng duyên khởi lao đao
viên sỏi nhỏ phù hư bỗng xanh xao bề bạn
khuấy tận đáy ly nghe hư huyền vẫy tay chào*

thơ **THY AN**



Tháng Bảy mùa trăng của mẹ, mùa Vu Lan, mùa hiếu hội vốn đã muôn đời, dù hình thành từ nền văn minh nông nghiệp xa xưa nhưng vẫn thanh tân trong xã hội hiện đại hôm nay và ất sẽ còn mãi mãi khi mà con người còn có sự kết hợp giữa phần xác (sắc) và phần tinh thần (danh). Khi con người còn tâm hồn, còn đạo đức, nhân luân thì xã hội và phương tiện kỹ thuật có phát triển cao độ cỡ nào cũng không thể thay thế được ý nghĩa tâm linh, giá trị nhân văn, đạo đức và tình cảm của con người.

Khi Phật còn tại thế không có lễ Vu Lan, mấy trăm năm sau đó cũng chưa có lễ Vu Lan. Đức Phật và các thánh tăng, cao tăng và con người thời ấy chưa cần phương tiện dẫn dắt. Các ngài vốn là bậc đại hiếu, tận hiếu, toàn hiếu rồi. Đức hạnh, giới hạnh, phạm hạnh các ngài như trăng rằm. Sở dĩ ta gọi ngài Mục Kiền Liên là đại hiếu đệ nhất là vì căn cứ vào tích Mục Kiền Liên cứu mẹ. Nói như vậy không có nghĩa là các vị thánh tăng kia hiếu không bằng ngài Mục Kiền Liên. Không phải vậy, ấy chỉ là đại biểu, đại diện cho một khía cạnh. Có nhiều nghiên cứu và chứng cứ cho rằng ngài Xá Lợi Phất mới là đại hiếu, tuy nhiên ngài Xá Lợi Phất đã là đại diện cho trí huệ đệ nhất rồi, nên ngài Mục Kiền Liên đại diện cho đại hiếu đệ nhất. Mỗi một vị thánh tăng làm đại diện cho một mặt, đó cũng là cách nói biểu trưng mà thôi.

Mỗi mùa trăng tháng Bảy về làm lay lòng những

người con Phật, những người con hiếu, mọi người hướng về mẹ cha hiện tiền, tưởng nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục. Những người con Phật không chỉ hiếu với mẹ cha mà còn hồi hướng phước đức cho đến cứu huyền thất tổ, mở rộng đến khắp pháp giới chúng sanh.

Từ khi những người con Phật gốc Việt lưu vong, di tản, di cư đến những vùng đất mới. Họ mang theo văn hóa và đức tin. Những ngôi chùa lại mọc lên ở quê hương thứ hai, những lễ hội văn hóa truyền thống được cử hành và gìn giữ. Hiếu hội Vu Lan cũng là một nét văn hóa truyền thống quý báu ấy. Vu Lan hiếu hội không còn gói gọn trong cộng đồng Phật giáo. Những người con Việt khác đức tin cũng hào hứng với lễ hội báo hiếu, bởi một lễ không chỉ những người con Phật mới hiếu mà tất cả mọi người đều có lòng hiếu thảo, có tâm nghĩ về cha mẹ.

Hiếu hội Vu Lan hải ngoại không chỉ là một lễ hội tôn giáo, một sự kiện trong nhà Phật mà còn là một sự kiện văn hóa – nhân văn của người Việt hải ngoại.

Tiểu Lục Thần Phong

Vancouver, 0724



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Nàng đứng dậy, tính mang bình trà xuống bếp châm thêm nước sôi, nhưng nghĩ sao lại ngồi xuống, nói:

"Anh không sợ người ta gài bẫy gì sao?"

Tôi cười:

"Nếu mình đang ở ngoài đời thì còn sợ cạm bẫy; đàn ông này, vào tù tặc đã vào trong bẫy rồi, còn sợ bẫy gì nữa chứ. Nhưng nói thì nói vậy chứ lúc đó cũng nghi ngại lắm. Chỉ do sự thúc đẩy của ý hướng tự do mà mình phải liều nhắm mắt đưa chân thôi. Biết đâu... lại có người tốt giúp mình, giống như thời ông Diêm, có rất nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo âm thầm giúp đỡ, báo tin, bảo vệ chứ Tăng Ni Phật giáo trong những cơn nguy ngập, tù tội. Nhờ họ làm việc cho chính quyền nên biết cách giúp mình, thông báo cho mình những tin tức chính xác. Trong khi người làm việc cho chính quyền công sản, không lẽ không có một phật-tử?"

" Dĩ nhiên là có phật-tử rồi, nhưng cô cán bộ y tế này... e rằng không giúp anh một cách đơn giản đâu. Em chỉ sợ anh bị hại... Thôi anh kể tiếp đi, em muốn biết cô ta thế nào."

Tại phòng trực của bệnh xá, sau khi Khoa và Phương cùng ký tên vào cuốn sổ gì đó, Khoa quay qua tôi nói:

"Anh tạm thời ở lại đây chữa bệnh nhé. Ráng đi, khi nào ban y tế xét thấy không gì nguy hiểm... ý tôi nói là bệnh tình của anh thuyên giảm, thì sẽ thông báo tôi cho anh trở về phòng ngay."

Nói rồi, Khoa quay đi. Hai anh nuôi bước theo. Giọng Khoa có vẻ như cảm cảnh tội nghiệp của tôi đã "bị" bệnh nặng và phải ra nằm ở bệnh xá buồn tẻ, không được vui nhộn như trong phòng giam tập thể. Tôi cười thầm trong bụng và khi Phương tăng hăng một tiếng nhỏ, tôi mới sực ý thức được là chỉ còn

lại một mình tôi với Phương nơi phòng trực, tim tôi bắt đầu đập mạnh. Tôi biết từ bệnh xá này, tôi đang khởi sự bước vào cái chương hồi quan trọng nhất của vở kịch mưu tìm tự do. Mà vở kịch ấy, nếu Phương hay một nhóm cán bộ nào đó đóng vai chính thì tôi, lại thêm một lần nữa, trở thành nạn nhân đại khờ của một cạm bẫy. Còn nếu tôi có thể chủ động đóng vai chính, thì có lẽ tôi thành công theo hướng của tôi. Nhưng tôi mà vai chính thế nào đây khi đến nước này vẫn còn ô m nặng mỗi nghi với công án "*Bệnh nặng có thể được về.*" Nghĩ vậy, tự dưng tôi đâm rùng mình. Dường như đến phút này tôi mới thấy được cái liều lĩnh ngu dại của mình khi đâm đầu vào một ngõ thoát lờ mờ mà từ lối đi cho đến chung cục chẳng có cái gì thực sự rõ nét. Tôi cảm thấy hơi bấn loạn trong lòng.

Phương lại tăng hăng một tiếng nhỏ rồi kéo ghế, ngồi xoay mặt về hướng tôi, vén tóc mai, chậm rãi nói:

"Cuối cùng cũng có dịp để



Phương cũng bật cười lên một tràng khanh khách. Một chập, tôi hỏi:

“Cô thực sự tin rằng đất nước này có tự do à?”

Phương không nói, hơi cúi mặt xuống. Một chập, cô quay ngó ra sân. Đôi mắt buồn bã nhìn mông lung. Năng trưa đỏ chạng chạng trên khoảng sân nhỏ của khu vực bệnh xá. Sau hàng giậu thưa, tôi thấy thập thoảng con đường đất nhỏ dẫn đến khu phòng giam tập thể. Xa xa ở phía ấy, một cái bốt gác nhô lên khỏi dãy tường rào. Dáng người lính gác nhỏ xiu, chỉ thấy một chấm đen đội cái mũ cối, ló ra khỏi mây bao cát. Phương từ từ quay mặt vào, nhìn tôi như lựa lời một lúc, cũng với đôi mắt và vẻ mặt thật buồn, rồi cô nói một cách khẳng định:

“Tất cả chúng ta đều đi tìm tự do.”

Tôi lại một phen giật mình khi nghe Phương nói vậy. Lâu nay, dù chẳng nói ra hay biểu lộ một thái độ nào rõ rệt, nhưng quả là ở một góc nào đó của tâm hồn, tôi vẫn nhìn những người cộng sản kiểu như cô nữ cán bộ này bằng một thứ thành kiến cao ngạo nào đó. Tôi vẫn cho rằng đa số họ là những người dân quê ít học mà hay nói chữ, không tài đức mà thích ngồi cao, đã vậy còn hồ hởi đem cả cuộc đời mình để chạy theo một thứ chủ nghĩa lai căng không tưởng di hại cho không biết bao nhiêu đồng loại... Vậy thì có gì đáng để nói với họ! Nhưng bây giờ, Phương buông ra một câu với ánh mắt như van cầu một sự cảm thông nào đó, tôi biết ngay là cô cũng có niềm ưu tư và nỗi khổ của cô trước hiện tình đất nước. Cũng như anh chàng cán bộ Tri ngoài Hà Nội vậy thôi, sinh ra trong nổi loạn ly của đất nước, có thể Phương cũng là một người trẻ tuổi xông xáo đáp lời non sông, đi tìm một tương lai tươi đẹp, tự do, hạnh phúc... Cuối cùng, tuổi trẻ Việt Nam chúng tôi, trở thành những con cá đại khờ vùng vẫy từ cái rọ chủ nghĩa này đến cái rọ ý thức hệ kia, cắn xé nhau, tàn hại nhau, giam nhốt nhau, ganh tị nhau, hận thù nhau, khinh bỉ nhau... Chúng tôi đối xử với nhau, làm tất cả những điều ấy cho nhau, chỉ để làm vui lòng những ngư ông mà thôi.

Trước mắt tôi bây giờ, Phương như là một con người khác, không còn là cô nữ cán bộ nhà quê tham lam các khẩu hiệu hơn lúa bắp ngô khoai. Cô cũng giống như Tri, là một người bạn trẻ của tôi, “sinh ra trên đất nước này là để lớn lên trong cái đồng phận khốn khổ của tuổi trẻ quê hương.” Tôi gợi ý:

“Tuy rằng ai cũng muốn tìm tự do, nhưng khổ nổi là người ta chỉ biết sử dụng những phương thức độc tài, chuyên chế, để mưu cầu tự do hoặc để bảo vệ một thứ tự do trong ảo tưởng mà thôi. Cái nhân nô lệ kèm kẹp thì không thể nào đưa đến cái quả tự do được cả. Chuyện đơn giản như vậy, nhưng chẳng ai để ý giùm cho.”

Phương ấp úng một lúc rồi nói:

“Có thể người ta cũng biết chứ anh, nhưng chưa có cách để chinh lại đây thôi!”

“Biết đâu người ta chỉ mong cầu một hiện trạng như vậy. Độc lập, tự do, hạnh phúc... chỉ là những miếng mồi để câu những con cá nô lệ khổ đau mà thôi.”

Phương gục gặc tỏ sự đồng ý, rồi không nói lời nào, cô gơ ngón tay trở lên ra dấu yêu cầu tôi đừng nói nữa. Cô đứng dậy rời phòng, để tôi ngồi lại một mình trong phòng trực của bệnh xá. Cô đi qua lại nơi dãy hành lang một lúc rồi quay trở vào, nói ngay vừa đủ tôi nghe:

“Em phải đưa anh Khang vào phòng giam đặc biệt dành cho bệnh nhân, cũng kể bên đây thôi chứ không xa. Ngồi lâu ở đây không được đâu. Rồi mình sẽ nói chuyện tiếp. Ở đây ban ngày có cán bộ bảo vệ canh gác bệnh xá; họ chỉ thay nhau đi kiểm soát các cửa và các vách của dãy bệnh xá chứ chẳng biết gì về nhân số hay bệnh trạng của bệnh nhân; khi nào có trường hợp khẩn cấp thì họ gọi cán bộ y tế; còn ban đêm từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng của ngày kế tiếp thì có hai cán bộ trực tại bệnh xá là em và anh Thà, tụi em thay nhau mỗi người trực 3 đêm trong tuần, dư lại một ngày, cứ vậy mà đôn lên, cho nên nếu tuần này trực thứ hai, thứ ba, thứ tư, thì tuần sau trực vào chủ nhật, thứ hai, thứ ba... Đại khái phiên trực của em là như vậy, nói cho anh biết để anh cần gì thì cho em biết trong khoảng thời gian em trực, như vậy dễ hơn. Đêm nay là đêm trực đầu của em trong tuần này. Thôi, bây giờ đi theo em.” Cô nhỏ giọng xuống thấp hơn, “tối nay mình có cơ hội để nói chuyện

làm việc riêng với anh Khang há.”

Tôi chỉ cười, chưa biết nói gì.

Phương tiếp:

“Anh bây giờ là bệnh nhân của em, phải nghe lời em thì mới hết bệnh, em bảo uống thuốc hay chích thuốc gì thì cứ làm theo chứ không được cứng đầu như xưa nay, nghe không? Hi hi...”

Nghe Phương đùa vui như vậy, tôi mạnh dạn chạm vào cái công án đang treo lơ lửng trong lòng:

“Nếu bệnh nặng quá không chữa khỏi thì sao?”

Thấy tôi đã mở miệng, Phương cười tươi, phấn khởi nói:

“Bệnh nặng có thể được về đây chứ!”

Tôi giật mình nghe câu trả lời ấy. Dù bấy lâu nay tôi đã định ninh rằng Phương viết dòng chữ ngắn đó cho tôi trong lá thư của gia đình gửi vào, nhưng bây giờ chính miệng cô lặp lại, tôi mới xác định thêm cô là tác giả. Tôi run run hỏi:

“Bệnh nặng cỡ nào thì được về?”

Phương nhún vai:

“Nếu ban y tế trại xác nhận là bệnh nặng không chữa nổi thì... có thể đề nghị cho anh điều trị ở các bệnh viện lớn như bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh viện Thống Nhất... ở Sài Gòn.”

“Chỉ được về một thời gian để chữa trị thôi chứ đâu phải trả tự do hoàn toàn, phải không?”

Phương cười hóm hỉnh, nói:

“Trả tự do à? Chẳng phải anh đang sống trong một xứ sở tự do hay sao?”

Tôi cười một tiếng khô.

nhiều hơn.”

Tôi xách giỏ đồ đạc cá nhân bước theo Phương ra khỏi phòng trực của khu bệnh xá. Nhìn trước nhìn sau, tôi thấy dãy bệnh xá có chừng sáu phòng nhỏ khác nằm hai bên phòng trực. Phương hướng dẫn tôi qua căn phòng nhỏ thứ hai, cách phòng trực một phòng. Bên ngoài có cánh cửa gỗ, bước vào trong thì có thêm một lớp song sắt, có khóa. Phương mở cửa, nói nhỏ:

“Anh nằm ở giường còn lại nha. Người kia cũng là đồng nghiệp của anh đó.” Chờ tôi bước vào rồi, cô tiếp, giọng lớn lên như cố tình cho người ở bên trong nghe, “anh cứ uống tạm thuốc đó rồi chiều nay khám lại, tôi tìm cho thuốc khác, vậy nhé!”

Phương khóa cửa sắt rồi quay đi. Tôi đứng tần ngần một lúc rồi bước sâu vào. Phòng hẹp, chiều ngang khoảng bốn thước, chiều sâu khoảng tám thước. Sau lưng tôi là song sắt, còn lại ba vách đều kín bưng không có cửa sổ. Có hai cái giường nhỏ đặt dọc theo hai vách hai bên. Cuối cái giường phía bên phải có một vách ngăn cao chừng một thước rưỡi, tạo thành một phòng nhỏ ở trong góc. Tôi đoán đó là chỗ để tắm rửa và làm vệ sinh. Cái giường bên trái còn trống. Giường bên phải thì có một người đang ngồi tựa lưng vào vách, hai đầu gối đưa lên, hai cánh tay gác trên hai đầu gối, hai bàn tay xướng xầu thông xuống, đong đưa. Một ông già tuổi xấp xỉ sáu mươi, mặc đồ tù màu lam sẫm. Đầu hớt lúp xúp như thầy tu. Khuôn mặt khắc khổ, nhăn nheo. Đôi mắt sáng quắc. Đầu mũi to, cánh mũi đầy, sóng mũi cao. Đôi môi hơi mỏng mím chặt lại vẫn không giấu được chiều kích đặc biệt của một cái miệng rộng. Hai vành tai ép sát vào da đầu; trái tai dài như tai Phật. Quả là tướng hảo của một dị nhân. Ông này là ai, làm gì, mà Phương nói là đồng nghiệp của mình nhỉ? Tôi tự hỏi như thế khi cúi đầu chào ông già. Ông chỉ nhìn tôi, từ đầu đến chân, một thoáng thật nhanh, rồi gật đầu nhẹ một cái. Bây giờ tôi nhìn rõ mặt ông hơn. Ông nhăn nhó, chàu bàu như thể đang phải chịu đựng một cơn đau nào đó. Cũng có thể tại vì vẻ mặt ông vốn như vậy—về mặt của một cụ già khó tính, bản gặt.

Tôi đặt giỏ xuống đất, cạnh cái giường trống phía bên trái mà tôi biết là chỗ Phương đã sắp đặt cho tôi. Rồi tôi cũng leo lên

giường, ngồi xếp bằng, tựa lưng vào vách. Ông già ngo tôi chăm bẵm một lúc rồi đứng dậy, rời giường nằm đi vào góc phòng, khạc nhổ. Xong, ông quay ra, bước ngang chỗ tôi, đến khung cửa, vịn hai tay vào song sắt, nói bâng quơ, hay nói với tôi mà mắt nhìn đâu ở ngoài:

“Tránh vỗ dứa lại gặp vỗ dứa. Cái thể giới khủng điên này, chạy lòng vòng một hồi rồi cũng gặp toàn là oan gia trái chủ mà thôi...”

Tôi nghe ông nói vậy thì đâm hiểu kỳ, chú tâm chờ đợi lắng nghe ông nói thêm. Nhưng ông không nói nữa, lại quay trở về chỗ nằm, leo lên giường, ngồi tựa lưng vào vách, hai chân duỗi ra, đưa tay xoa cái đầu xưng xưng tóc bạc. Một chập lâu ông mới hỏi:

“Chú mày có hút thuốc không?”

“Dạ cháu biết hút thuốc, nhưng chỉ thỉnh thoảng mới hút với bạn bè cho vui, không ghiền.”

“Có nghĩa là chú mày không có mang thuốc hút theo đây?” ông già hỏi với vẻ thất vọng.

“Dạ... không. Nhưng cháu có tiền mặt, có thể gọi mua được. Bác thường hút loại nào?”

“À... à, Đà Lạt, Hoa Mai hay thuốc rê gì cũng được mà. Nhưng chờ chú mày gọi mua được thuốc thì còn gì là hứng thú. Hầy, chán chú mày quá đi mất! Ở tù mà không hút thuốc thì buồn thú ruột đi được. Chú mày còn tiền, vậy mà không thủ một bao thuốc trong giỏ để đi đâu xách theo! Hừ, tiền là cái gì chứ! Chỉ là giấy thôi. Thuốc hút mới là đồ giá trị. Ai lại bỏ bo giữ tiền còn thuốc thì để ngoài chợ! Thiệt là uổng phí. Bây giờ ngồi đây, rảnh tay rảnh chân, làm cái chó gì! Với lại ở đây không phải có tiền là muốn mua cái gì cũng được đâu. Cái tui cán bộ y tế trực ở đây không có bổn phận mua thuốc hút cho bệnh nhân. Nhờ chúng mua thì chỉ tổ chọc chúng chửi. Chỉ có thể gọi được mấy thằng anh nuôi thôi, nhưng gọi tui này thì phải chờ đợi lâu lắc lâu lơ. Ôi trời, sao lại cho tôi gặp cái thằng công tử bột không ghiền thuốc vậy trời!”

Tôi bật cười, nói:

“Thôi, đừng rầu nữa bác, để một chập cháu gọi mua một cây thuốc rê to tổ bố như cái

bắp chân, mặc sức bác hút.”

Ông già trở đôi mắt sáng quắc, nhìn tôi, gục gặc cái đầu:

“Ừ, chú mày ngon, chú mày chơi được. Nhưng bây giờ tính gọi ai mua thuốc đây?”

“Ừm coi nào, gọi cô y tá khi nãy đưa cháu vào đây, được không?”

“Cái con trung úy khi đó hả? Nó thì tốt lắm nhưng tốt ở cái chuyện chăm sóc, cho thuốc trị bệnh, lo cơm nước cho bệnh nhân đây đủ... chứ không phải để sai nó đi mua thuốc hút đâu.”

Tôi cúi xuống lôi cái giỏ dưới đất lên, lấy tiền ra. Từ ngày chị Thuần đưa một nghìn đồng lúc thăm nuôi gặp mặt, tôi chỉ gọi mua một ít rau tươi vào dịp trưởng phòng theo cán bộ đi chợ. Nay hầy còn khá nhiều tiền.

“Để trưa hay chiều cô ấy có việc ghé vào đây, cháu sẽ nhờ cô ấy mua giúp. Có lẽ cô ấy không từ chối đâu.”

Ông già cười tươi, vừa nằm xuống vừa nói:

“Cần gì phải chờ đến chiều. Chú mày chịu chi tiền thì tao gọi nó đến ngay. Tao gọi nó vào khám bệnh, còn bổn phận chú mày là gọi mua thuốc đó nghe.”

Nói rồi, ông già la lớn lên:

“Bảo cáo cán bộ, ở cán bộ...!”

Nghe cái giọng khàn đặc của ông, tôi vừa buồn cười vừa thấy tội nghiệp cho ông, tính đứng dậy để hỗ giúp ông thì đã thấy Phương lật đật cầm xâu chìa khóa chạy đến.

“Gì vậy? Có sao không?” vừa hỏi Phương vừa nhìn tôi rồi nhìn ông già.

Tôi ập ứng nói:

“Không biết ông ấy bị cái gì...”

“Gì vậy bố già?” Phương tử tế hỏi.

Ông già làm bộ trở mình khó nhọc, rồi ngược mặt hướng về phía Phương, nói thều thào, giọng thiếu não:

“Thì nó đau lại đó mà...”

“Thuốc tôi đưa cho bố còn mà.”

“Còn, nhưng thuốc này tôi thấy chẳng ăn thua gì cả.”

“Ráng đi bố ơi, chỉ có thuốc đó thôi. Con đã nói rồi, đang chờ ở trên cứ xét cho gọi thuốc tốt xuống mà. Bây giờ thấy nói dữ lắm hả?”

“Khi nãy nói lắm, nhưng bây giờ cũng dịu rồi, thôi cảm ơn. Để tôi ngủ một giấc là êm...”

Phương cười, quay qua nói với tôi:

“Cái bệnh của ông là vậy đó,



cứ lâu lâu nổi cơn đau bất tử, rồi hết ngay, nhưng cũng làm mình hết hồn! À, trưa nay anh Khang có muốn ăn cháo không? Ăn cơm bình thường hả? Khi nào anh muốn ăn cháo thì nói cho biết hả. Cháo cho bệnh nhân ở đây, Phương xin được tiêu chuẩn cao lắm đó. Có thịt băm hoặc cá. Ủa, mà anh... có ăn thịt cá được không vậy? Ở trong này đâu cần phải ăn chay làm gì cho mất sức. Quen rồi hả? Thôi kê, ráng đi. À, sau giờ cơm trưa Phương không trực ở đây mà làm việc ngoài văn phòng trại, chiều tối mới quay trở lại để trực ca đêm cho bệnh xá. Cho nên anh Khang có cần gì thì nói để Phương lo chứ cán bộ trực buổi chiều không phải là y tá đâu, anh ta chỉ có nhiệm vụ gác thôi."

"Phải rồi, tôi thường gặp cô ngoài văn phòng trại kia mà. Làm sao cô có thì giờ trực bệnh xá? Cô làm nhiều việc vậy?"

"Thì tại thiếu cán bộ nên phải kiêm nhiệm cái ngành y tế này, chứ thực ra công việc của Phương là lo hồ sơ và ba cái việc linh tinh ngoài văn phòng trại kia. Anh cần gì không?"

"Cần mua thuốc hút, cô mua giúp được không?"

"Anh cũng hút thuốc à?"

"Không được sao?"

"Không phải không được. Nhưng... hi hi... cái tướng anh, cầm điếu thuốc thấy đâu có hợp!"

Ông già nghe lóm được câu đó, liền xen vào:

"Xì, mấy thằng đàn ông không hút thuốc thì có làm nên trò trống gì đâu cà!"

"Vừa thôi bỏ già ơi! Thiếu gì người không hút thuốc mà có sao đâu. Điếu thuốc đâu có làm nên đàn ông, phải không? Hi hi..."

Ông già nói lầm bầm gì đó, rồi

quay mặt vào vách. Tôi đưa tiền cho Phương, nói:

"Mua giùm một cây thuốc rê Tân Phú, được không?"

"Một cây? Một cây thuốc rê là thứ người ta quấn lại một tảng to như cái gối đó phải không? Hút gì dữ vậy! Ho chết đó anh Khang à. Mua vài gói có đầu lọc được rồi, ngen. Với lại Phương đâu biết thuốc rê Tân Phú là thuốc như thế nào."

"Thôi, vậy mua cho một cây thuốc Đà Lạt, một cây thuốc Hoa Mai."

"Một cây là mười gói, một gói hai chục điếu, phải không? Sao anh mua làm gì một lúc nhiều quá vậy?"

"Tại vì ở trong này khó mua thuốc lá lắm, mỗi lần nhờ được ai mua thì phải nhờ mua nhiều như vậy. Mua sớm giùm đi, ở căn-tin của trại có bán đó," vừa nói, tôi vừa đưa tiền cho Phương.

"Thôi, anh cất đi, để Phương mua cho."

"Bậy, cầm tiền đi, bằng không tôi không nhận thuốc đâu à ngen!"

Phương cười, vênh mặt lên, nói nhỏ:

"Em bắt anh phải nhận. Em là y tá mà, bắt bệnh nhân dùng thuốc gì thì phải dùng thuốc đó, không được cãi. Khi nãy em có nói điều lệ đó cho anh nghe rồi mà, anh quên rồi sao?"

Nói rồi nàng cười tình tứ với tôi, quay đi. Tôi chưng hửng đứng lại nơi cửa sắt, chẳng biết đối phó làm sao. Đang còn phân vân đứng đó thì ông già ngồi vùng dậy, bước đến bên tôi, vỗ vai tôi, nói:

"Khà khà... chú mày đó nghe! Con nhỏ mê một chú mày rồi!"

"Không có gì đâu," tôi nói

cho có lệ.

"Không có gì? Chú mày tưởng tao đui tao điếc à. Chẳng phải chú mày đưa tiền mà nó không chịu lấy sao. Nhờ nó đi mua thuốc đã là chuyện khó rồi, còn khiến cho nó tự nguyện bỏ tiền túi ra mua nữa thì hết nói!"

"Chút nữa mình đưa trả tiền lại cho cô ấy chứ đâu có lấy thuốc khơi khơi như vậy, kỳ cục!"

"Xì, sống kiểu quần tử như chú mày tao chán quá rồi! Việc gì phải dẫn co, cà thụt cà thò bởi ba cái chuyện lắt nhắt. Chớ chú mày cũng chẳng biết rằng tạo cơ hội cho chúng sanh bố thí cúng dường cũng là điều tốt sao! Có gì mà phải bận tâm!"

Tôi giật mình, quay lại ngó sững ông già:

"Cái gì? Bác nói gì?"

Ông già xoa tay, vừa quay trở về chỗ nằm vừa nói:

"Có gì đâu. Đã nói là oan gia trái chủ, chạy lòng vòng một hồi cũng gặp nhau mà."

"Nhưng... mới vừa rồi bác nói cái gì khác kia."

"Ồ, cái gì quan trọng đâu, nói là chúng sanh bố thí cúng dường thì cứ hoan hỷ nhận, miễn họ tự nguyện là được rồi, mình có ép họ đâu. Tất cả hành động nào trên đời, hể mà dính tới *nguyên*, thì tự nhiên không dính tới nhân quả. À, hà hà, ý chú mày muốn hỏi tại sao tao dùng cái ngôn ngữ nhà chùa ra mà nói chứ gì! Hừ, bộ dạng chú mày chẳng phải thầy tu thì cũng là thầy chùa thôi chứ chạy đi đâu, hả thầy chùa con!"

Tôi run người leo lên giường, ngó ông già chăm chăm, vừa kinh ngạc vừa hơi khiếp sợ ở trong lòng. Ngôn ngữ, điệu bộ của ông, giống như một lão gàn tham lam, mà kỳ thực ẩn sâu phía sau là cái vẻ phong quang khoáng đạt, rất mực tự tại giải thoát. Ông làm tôi nhớ đến thi sĩ Bùi Giáng.

(còn tiếp)



The Story of a Brahmin Who Had Great Faith

Dhammapada, Verse 383

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (383) of this book, with reference to a brahmin, who showed extreme devotion to some bhikkhus.

Once, in Savatthi, there lived a brahmin who became extremely devoted to the Buddha and his Teaching, after hearing a discourse given by the Buddha. Every day, he invited the bhikkhus to his house for alms-food. When the bhikkhus arrived at his house, he addressed them as "arahats" and respectfully requested them to enter his house. When thus addressed, the puthujjana bhikkhus and the arahats felt embarrassed and they decided not to go to the brahmin's house the next day.

When the brahmin found that the bhikkhus did not come to his house again he felt unhappy. He went to the Buddha and told him about the bhikkhus not coming to his house. The Buddha sent for those bhikkhus and asked for explanation. The bhikkhus told the Buddha about the brahmin addressing all of them as arahats. The Buddha then asked them whether they felt any false pride and undue elation when they were thus addressed. The bhikkhus answered in the negative. To them the Buddha said, "Bhikkhus, if you don't feel any false pride and undue elation when addressed as arahats, you are not guilty of breaking any of the rules of discipline of the bhikkhus. The fact is that the brahmin addressed you so because he was extremely devoted to the arahats. So, my sons, you should strive hard to get rid of craving and attain arahatship."

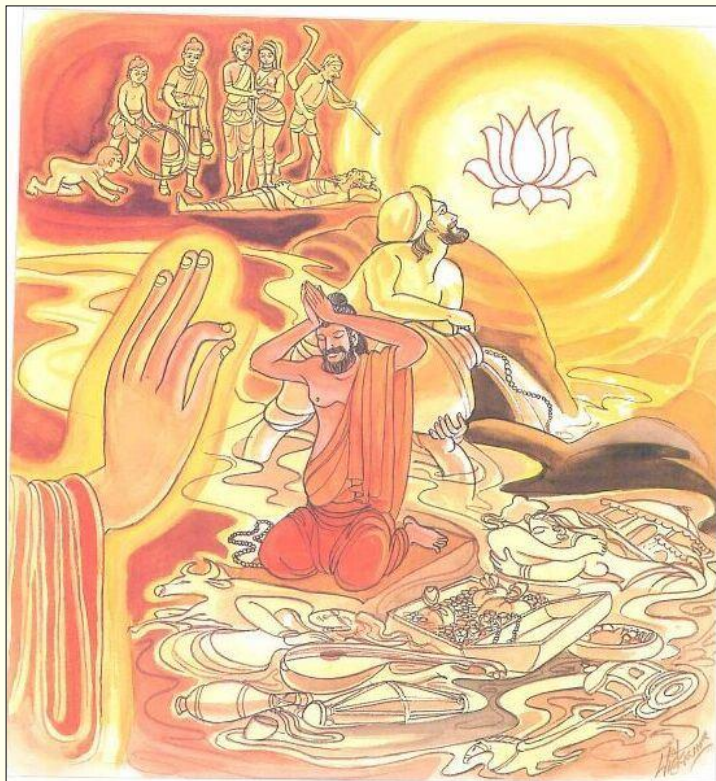
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 383: O Brahmana, cut off the stream of craving with diligence, and abandon sense desires. O Brahmana, perceiving the cessation of the conditioned, be an arahat who realizes Nibbana, the Unconditioned.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.



Cut off the stream. Reject sensuality. Conditionality ended, be ye in Nibbāna.

383. *Chinda sōtam parakkamma
kāmē panuda brāhmaṇa
saṅkhāraṇaṃ khayāṇāṃ nātvā
akataṇhū'si brāhmaṇa. (26:1)*

O brahmin, strive and cleave the stream,
desires of sense discard,
knowing conditioned things decay
be Knower-of-the-Uncreate.

Tiếng Đàn Ai Oán hay là Lòng Thương Của Một Vị Hoàng Tử

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Hoàng đế La Xà có hai Hoàng tử: Hoàng tử Thiện Hữu, thật là bạn hiền của mọi người; Hoàng tử Ác Hữu trái lại, độc ác để khiêu khích anh.

Hoàng tử Thiện Hữu khi đến cái tuổi biết nhìn cuộc đời trắng trợn bày trước mắt chàng: đây người sập chim, bẫy cá, kia người làm thịt chộc huyết, chim sáo mổ bọ ngựa, bọ ngựa bắt chuồn chuồn.

Sự sống không loài nào không tự bảo trọng cả. Nhưng cả đây cũng như ở nơi kia, ở đâu sự sống cũng xây trên sự sống. Thấy vậy Hoàng tử Thiện Hữu xin vua cho tất cả kho tàng để giúp dân chúng. Kho tàng hết, chàng mạo hiểm vào bể tìm ngọc giữa sự lo sợ của cha mẹ. Nghe anh đi tìm ngọc, Hoàng tử Ác Hữu nghĩ:

- Không ác việc không thành được.

Rồi xin theo Thiện Hữu, nhưng Thiện Hữu ngăn lại:

- Thân là trọng, em không nên mạo hiểm theo anh.

Ác Hữu quyết đi theo:

- Sống không thỏa nguyện thì vô ích.

Thế là anh em theo nhau, và nhờ chí nguyện vĩ đại, tấm lòng thương người, Hoàng tử Thiện Hữu vượt bao nhiêu gian lao nguy hiểm, tìm được ngọc Như ý. Khi về đến bờ bể, Hoàng tử bảo em:

- Giờ trên đường về, anh ngủ thì em giữ, em ngủ thì anh giữ. Đời sống no đủ của muôn dân ở nơi viên ngọc này. Em nhớ nhé.

Nhưng một hôm anh em ngủ trên một quãng đường hiểm. Ác Hữu bèn tìm hai cây nhọn đâm thủng mắt anh. Đau quá, Thiện Hữu vùng dậy la rên gọi em.

Nhưng Ác Hữu điềm nhiên mang ngọc đi thẳng. Vừa rên, Thiện Hữu vừa đưa tay quờ quạng tìm em. Chàng cứ nghĩ rằng chàng bị đâm mắt chứ Ác Hữu mang ngọc thì chắc bị kẻ cướp giết rồi. Nhưng quờ quạng một lát, chàng nghĩ ra: em ta hại ta chứ không ai đâu khác. Chàng đau đớn thở dài:

- Người tánh tình vẫn vậy...

Thiện Hữu đau lắm không thể nhổ hai cây nhọn ra được. Bỗng một đàn trâu rầm rộ đi qua. Thiện Hữu biết nhưng đành

ngồi, không thấy gì mà tránh nữa. Nhưng lạ lùng thay, chàng biết mình đang ngồi dưới bụng một con trâu. Con trâu ấy che chở và thân mến liếm mắt chàng, trong khi đàn trâu rầm rộ đi qua. Tiếng chân đàn trâu vừa hết thì tiếng nói một người vừa đến:

- Ai đây? Sao mắt bị đâm vậy?

Con trâu bây giờ đứng dang ra và nhìn chủ nó như cầu khẩn. Còn Hoàng tử Thiện Hữu nghe lời hỏi thì mừng gặp được người, nhưng lòng càng đau đớn. Chàng nghĩ thôi đành nói dối vậy.

- Tôi là kẻ ăn mày. Tôi đang ngủ, không biết ai nó hại tôi thế này.

Giọng Thiện Hữu làm cho người ấy không nở hỏi lại, nhưng thấy kính mến dị thường. Người ấy bèn nhổ cây đặt thuốc - ông ta là người rành việc này - và đưa về nhà cung phụng nuôi dưỡng một cách không suy nghĩ. Càng lâu người chủ càng kính mến, nhưng Hoàng tử Thiện Hữu không yên tâm. Chàng bèn xin người chủ cho chàng tự tìm cách nuôi sống. Người chủ nói trong bụng câu đã tự nói với mình mấy lần:

- Thật là người hiền.

Và trả lời:

- Không! Người cứ ở đây với gia đình tôi. Đói no với nhau. Tôi không nở xa người.

- Xin ông thương tôi. Tôi không dám làm phiền nhiều.

Nói mấy cũng không được, người chủ hỏi:

- Thế giờ người định nuôi sống bằng gì?

- Ông cho tôi xin một cây đàn hay.

- Được! Nhưng xin người phải để tôi được làm cái việc ngày ngày đưa người ra chỗ đồng, rồi tôi đưa về nhà tôi ngủ.

Thiện Hữu lắc đầu:

- Thế lại phiền ông lắm! Cho tôi ngủ ở chợ hay dưới gốc cây.



Người chủ năn nì:
- Người có bằng lòng như thế, tôi mới để người đi kiếm ăn.
Thiện Hữu thở dài:
- Cũng được.
- Nhưng biết đàn à?
- Sơ sài vậy thôi!

Người chủ ngạc nhiên. Và hôm sau đầu chợ, Thiện Hữu đã ngồi đấy, lên những tiếng đàn thanh thoát ra những khúc nhạc lòng. Chàng đàn lên những tấm lòng của chàng, những chí nguyện của chàng. Chàng say mê quên cả mục đích kiếm ăn của mình, nhưng quần chúng cảm mến chàng. Chàng nuôi sống được cả nhà chủ chăn trâu.

Một hôm, tiếng đàn của Thiện Hữu làm chấn động lòng một người đẹp. Người ấy khi tiếng lòng của mình do ai gây lên đã im rồi, mới tỉnh hỏi:

- Ông là ai?
- Người là ai?
- Tôi sẽ nói. Nhưng ông là ai xin cho biết đã?

- Người tự trả lời cho mình cũng đủ: tôi một kẻ ăn mày đang xin thiên hạ bố thí bằng tiếng đàn, người không thấy sao!

Và Thiện Hữu thở dài:
- Kể ra tôi cũng quá đáng đối với cây đàn đây! Nhưng ngoài việc kiếm ăn, nhờ nó, tôi đã thở ra được những gì của lòng tôi! Người là ai vậy?

- Tôi là một công chúa.
Người đẹp nói nhanh và dò xét thần sắc của Thiện Hữu.

Nhưng chàng vẫn bình thản:

- Của vua nào?

- Của vua Sư Bạc.

Thiện Hữu bắt giờ mới biết mình lâu nay sống trên đất của một chư hầu, và đang ngồi trước vị hôn thê chưa thấy mặt của mình. Nhưng chàng chỉ lặng thinh. Người đẹp đưa cho chàng một lượng vàng rồi từ biệt.

- Mai em sẽ đến mãi với ông.

Thiện Hữu không để ý câu nói ấy.

Chàng bình thản về nhà ngủ.

Công chúa vua Sư Bạc thì lòng đã nhất định nàng không thể xa tiếng đàn ấy. Nàng tính rụt rè, nhưng hôm nay nàng mạnh dạn. Sau bữa cơm tối, nàng trịnh trọng thưa với phụ vương và mẫu hậu rõ ý định của mình. Nghe xong, Hoàng đế Sư Bạc giận lắm:

- Mày điên đấy à? Mày quên mày là vị hôn thê của Thái tử Thiện Hữu?

- Con xin cha mẹ thương con.

Hoàng đế Sư Bạc không thêm nghe nữa.

Nhưng sáng hôm sau, nàng thu xếp đồ dùng của mình và ra đi. Nàng đến vào lúc tiếng đàn lòng nàng đang lên với ánh sáng thanh bình của vũ trụ. Nàng say sưa nghe, thu hút vào lòng tất cả âm ba tiếng đàn đã tỏa ra không gian. Bản đàn dừng, nàng bảo chàng:

- Anh cho em nói chuyện đã.
- Ai đấy?
- Em đây, Công chúa vua Sư Bạc đây.

- Công chúa muốn nói gì?
Nàng chân thành và tha thiết quên hết cả dè dặt. Nàng bắt chặp người chung quanh:

- Em nguyện theo anh.
- Công chúa theo tôi? Theo thế nào được! Và, Công chúa theo chỉ một người ăn mày?

- Em quyết định rồi, vua cha em không cấm em được nữa là!

Đồng thời hai người nói chuyện thì trong kia hoàng cung, Hoàng đế Sư Bạc tức giận lắm. Ông muốn hạ lệnh bắt chém ngay người ăn mày có tiếng đàn cảm động lòng con ông. Nhưng ông nghĩ:

- Ta vi hành xem nó thế nào mà con ta cảm được. Làm to chuyện chỉ tai tiếng thêm.

Lần lộn vào đám người nghe đàn, ông nhìn rõ, bỗng giật mình:

- Sao giống Hoàng tử Thiện Hữu? Quái lạ! Không lẽ. Nhưng khuôn mặt kia...?

Ông nghĩ ngay một kế. Về gọi một vị sứ giả trung thành ông bảo:

- Nhà người vì ta qua vấn an Hoàng đế La Xà, và hỏi thăm Hoàng tử Thiện Hữu.

Ngay ngày hôm ấy, sứ giả lên đường. Sư Bạc nằm chờ.

Trời đã về chiều, Hoàng hậu bảo:

- Hoàng đế cho người ra bắt con về chứ sao để vậy?

- Bắt về làm gì? Xem như nó không còn nữa!

- Nhưng tai tiếng?
- Thì làm sao được? Bắt nó về thì hết tai tiếng à?

Vợ chồng Hoàng đế Sư Bạc cho rằng đó là việc xấu. Phong tục và quần chúng bảo đó là tiếng xấu, nhưng một điều lạ là những người nào nghe được tiếng đàn và thấy được hình dung Thiện Hữu - họ chỉ biết cái thật ấy, họ làm gì biết cái danh Hoàng tử của chàng - họ đều cảm mến đức hiền của chàng. Ở chàng đã tỏa ra một cái gì bao bọc mọi người. Họ biết và có kẻ hôm nay thấy tận mắt Công chúa vua họ theo Thiện Hữu.

Nhưng họ cho là chuyện phúc. Họ trái tất cả tập quán và không suy nghĩ, không phân tích, không lý do. Thì ra đức hiền của người có khi đảo lộn cả tập tục, đúng hơn cả một quan niệm xã hội.

Chính họ khuyên Thái tử, khi chàng từ chối Công chúa.

- Người bằng lòng đi. Người đỡ lặn đạn cho chúng tôi mừng. Cho tiếng đàn người còn mãi mãi với chúng tôi.

- Nhưng phiền cho Công chúa và cho tôi lắm. Tôi biết... Uy quyền của một ông vua, khi ông bất bình. Tôi, kẻ ăn mày thì sợ gì ai, nhưng thần công chúa!

Nói gì công chúa cũng không nghe. Nàng về với chàng trong sự



hoan hỷ của những người mục kích đang thân mến nhìn theo.

Thiện Hữu tuy được vợ hiền, nhưng chàng không thay đổi. Tiếng đàn chàng đêm khuya vẫn trời dậy. Tiếng đàn bi thảm biểu diễn nổi khổ vô biên của kiếp người, tiếng đàn cao hùng bộc lộ chí cao, cái hạnh cả muốn giúp người, cứu khổ cho người, tiếng đàn dũng mãnh toát hết cái chí hiên ngang của đấng đại trượng phu. Có khi tiếng đàn như tung không gian mà lên, có lúc như dẫn mình xuống lao khổ... Có đêm điều đàn bỗng lạc điệu: một điệu buồn thảm của kẻ nhớ cha, nhớ mẹ. Điều đàn nghe chết cả lòng.

Công chúa sống cạnh chàng, lòng lên xuống đúng tiếng đàn của chàng. Nàng lấy làm lạ: Người ấy, tiếng đàn ấy, Công chúa nghĩ: "Khả nghi lắm!" Nàng khóc:

- Anh giấu em!
- Quái lạ, anh giấu gì?
- Anh không phải là kẻ ăn mày!

- Thế là gì đây?
- Em khổ lắm! Anh giấu tông tích của anh! Anh, Anh nói rõ cho em. Tiếng lòng ta không đứt sao ta giấu nhau? - Em nghĩ rằng một kẻ ăn mày, không thể đàn những tiếng đàn tuyệt đích? Nhưng em nghe ra: Tiếng đàn anh, lòng anh, nhất định không như tông tích anh nói! Anh nói cho em rõ đi.

Thiện Hữu buồn rầu:

- Anh giấu em làm gì? Nhưng nói em cũng chẳng tin được! Đời tị người mù mắt là kẻ ăn mày là để, Chứ tin thế nào được người mù là hoàng tử con vua!

- Thế anh là một Hoàng tử?

- Em không tin? Phải. Nhưng nói thật em biết anh, Hoàng tử Thiện Hữu đây!

Công chúa giật mình:

- Anh không biết em là vị hôn thê của Hoàng tử Thiện Hữu đây chứ?

- Anh không muốn em tin rằng anh là một Hoàng tử, chứ đừng nói là Hoàng tử Thiện Hữu anh không phủ nhận, nhưng chí anh không phải là một ông Hoàng, hay một Hoàng đế.

- Em cũng muốn như vậy. Em muốn rằng anh là một người nào như tiếng đàn cao vút của anh kia!

- Nhưng anh nhớ phụ hoàng và mẫu hậu lắm. Lòng anh thương người đến lắm lúc anh nghĩ sống làm chi khi mọi người đau khổ, nữa là với cha mẹ!

- Thế anh quả là Hoàng tử Thiện Hữu?

- Nếu anh không dối, thì nguyện bảy hôm nữa anh được tin cha mẹ anh..

Hoàng tử Ác Hữu khi đâm mắt anh xong, chàng về ra mắt cha mẹ, đưa viên ngọc Như Ý ra:

- Tàu phụ hoàng và mẫu hậu! Anh con mắt rồi!

Vợ chồng Hoàng đế La Xà chỉ nghe có thể đã ngắt đi. Hai vợ chồng khóc mù mắt rồi, ánh sáng không còn nữa, mà tin con ngày càng im bật.

Hoàng đế La Xà không dám tin rằng con chết, nên càng buồn, càng khóc.

Con nọ của Hoàng tử Thiện Hữu nuôi, con nọ khôn ngoan mà hai vợ chồng Hoàng đế buộc tin và cho nó đi kiếm Hoàng tử, cũng bay đi đâu biên biệt.

Vợ chồng Hoàng đế La Xà sống trong sầu khổ cho tới hôm nay, có tin sứ giả Sư Bạc đến...

- Công chúa hạ thần kính dâng lên đại Hoàng đế lời vấn an cầu chúc.

- Có thể thôi?

- Và vấn an Hoàng tử Thiện Hữu.

Hoàng đế La Xà lại ngắt đi. Sứ giả biết có điều lạ. Tìm dịp kín đáo, sứ giả gặp vua La Xà hỏi rõ những điều Sư Bạc dặn. Ông kết luận thăm kín:

- Nếu vậy thì chắc chắn người ấy là Hoàng tử Thiện Hữu rồi. Và có thể Ác Hữu đã hại anh mà lấy ngọc đem về.

- Ta cũng nghi như vậy?

Và vua La Xà hạ ngục ngay Hoàng tử Ác Hữu và cắt kỹ viên ngọc Như Ý. Hôm sau cho người hoàng gia lên đường với sứ giả Sư Bạc.

Hoàng tử Ác Hữu khi bị bắt hạ ngục, chàng chỉ cười thầm:

- Việc thành rồi vậy!

Và mấy hôm nữa, dân chúng hoan hỷ tưng bừng đón rước Thiện Hữu như đón rước một ân nhân, hơn nữa, một người bạn.

Hoàng tử Thiện Hữu về với vợ giữa sự hoan lạc của dân chúng, sau ngày được tin cha mẹ, đứng vào ngày thứ bảy chàng nguyện với vợ. Dân chúng cảm động ứa nước mắt, thấy Hoàng tử đui mù vì mình. Thương tâm hơn nữa, khi họ thấy Hoàng tử vịn vợ đến ôm lấy cha mẹ, ba người mù khóc với nhau trong một lòng thương.

Và quay lại dân chúng theo

vợ chỉ dẫn, chàng cầm nước mắt nói:

- Tôi không ngờ gặp lại được cha mẹ và bà con. Chí nguyện tôi đã đạt. Bà con sẽ no đủ. Chỉ tiếc rằng tôi không được cùng bà con sống trong ánh sáng. Nhưng tôi hoan hỷ. Lòng thương không cần ánh sáng mới gặp nhau. Bà con tạm về. Trong đời sống an lạc ngày mai, mong bà con gắng thương nhau và làm điều thiện.

Lời nói Hoàng tử, đúng hơn là lòng thương của Hoàng tử, lúc ấy đối với dân chúng, quả là đã cho họ mỗi người một viên ngọc Như Ý vậy.

Đức Thế Tôn tự kể tiền thân của mình rồi bảo đại chúng:

- Các con! Ác Hữu là ai các con có biết không? Là Đề Bà Đạt Đa vậy. Nhưng các con đừng tưởng Đề Bà Đạt Đa là người ác. Đời đời kiếp kiếp, ta nhờ thiện tri thức Đề Bà, mà ngày nay thành Phật Đà. Đề Bà dùng nhiều phương tiện vi diệu, khiêu khích và tác thành cho ta phát bồ đề tâm, tu bỏ tất hạnh và thành vô thượng giác. Nay A Nan! Con hãy thay ta xuống địa ngục thăm Đề Bà.

A Nan Tôn giả vâng lời, khi gặp ngài Đề Bà, Tôn giả cung kính thưa:

- Đức Thế Tôn kính lời thăm Ngài.

- Đức Thế Tôn giáo hóa có dễ dàng không? Chúng sanh giác ngộ có nhiều không?

- Nhiều và rất dễ dàng.

- Thế là ta mãn nguyện.

- Ngài ở địa ngục có khổ lắm không?

- Người nhập Tam thiên có vui không?

- Vui nhất thế gian, một thứ vui thanh tịnh từ trong đến ngoài.

- Ta ở địa ngục như ở Tam thiên.

Phật dạy:

- Bồ tát đại sĩ dẫn tiến chúng sanh bằng đại phương tiện chịu đủ khổ sở lớn mà không thấy gì là khổ vui.

Và kết luận:

- Các con! Nhờ Thiện tri thức mà ta biết ân báo ân cha mẹ và chúng sanh, nhờ thiện tri thức mà ta độ chúng sanh thành Phật Đà. Vậy các con phải biết ân báo ân của các vị thiện tri thức.

(Trích báo: **Viên Âm**
"Chỉ có lòng thương chân chính.
Và rộng rãi mới cảm hóa được
quần chúng.")



PHÒNG NGỪ SÂU RĂNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

(Trích từ sách Dinh Dưỡng, cùng tác giả)

Y KHOA PHỔ THÔNG

Từ thời cổ La Mã, Hy Lạp, các thầy thuốc đã thấy có sự liên hệ giữa thức ăn và bệnh của răng. Vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, Aristotle đã quả quyết ăn trái vả (figs) là một trong những nguyên nhân làm hư răng.

Ngày nay, nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng sự ăn uống và thức ăn có vai trò lớn đối với sự mọc răng, sự vững chắc của răng cũng như các bệnh răng-miệng. Thành phần dinh dưỡng của một món ăn, cách tiêu thụ món ăn đó cũng có thể ngăn ngừa hoặc gây ra bệnh cho răng. Ngược lại, tình trạng tốt xấu của răng - miệng cũng có ảnh hưởng vào dinh dưỡng của cơ thể.

Sự mọc răng

Con người có hai thời kỳ tạo răng.

Ngay từ khi bào thai mới được 2 hoặc 3 tháng, răng đã bắt đầu thành hình. Sau khi sanh, từ tuổi 6 tháng tới 30 tháng, răng nhú ra và tăng trưởng. Đây là lớp răng sữa gồm có mười chiếc cho hàm trên và hàm dưới.

Rồi tới khoảng 6 tuổi thì răng vĩnh viễn thành hình với toàn bộ từ 28 tới 32 chiếc, tùy theo 4 răng khôn có mọc ra hay không.

Các chất dinh dưỡng mà người mẹ tiêu thụ cần đầy đủ cho sự cấu tạo và tăng trưởng của thai nhi.

Đạm, chất cần bản của mọi loại tế bào, trong đó có răng, là chất phải có đầy đủ trong thời kỳ mẹ mang thai. Bình thường, bà mẹ ăn khoảng 50gr đạm một ngày. Giai đoạn mang thai cần ăn thêm 10gr đạm dành cho thai nhi. Thiếu đạm, có nguy cơ răng sữa không nhú được mà sau này còn dễ bị hư răng.

Người mẹ cũng cần tăng số lượng calcium trong thực phẩm lên khoảng 1200mg/ ngày để giúp thai nhi tạo mầm răng. Thiếu calcium trong thời kỳ tạo răng và xương hàm đều đưa tới răng không hoàn chỉnh, quá liền với nhau hoặc kém phẩm chất.

Đồng thời cũng cần gia tăng sinh tố D để calcium dễ được ruột hấp thụ. Thiếu sinh tố D, men răng xấu, có vết rạn dễ đưa tới hư răng.

Sinh tố C kích thích sản xuất chất tạo keo collagen mà chất này rất cần thiết cho việc tạo chất ngà răng (dentin).

Sinh tố A để tạo chất keratin cho men răng (enamel). Thiếu sinh tố A làm men nứt, xương hàm kém phát triển khiến răng mọc không ngay hàng.

Fluor làm cứng răng trong thời kỳ tạo răng và để ngừa hư răng sau này; Iod giúp răng mau nhú.

Nói chung về dinh dưỡng, người mẹ phải tiêu thụ thêm khoảng 300 kalori mỗi ngày, với các thực phẩm đa dạng, đầy đủ chất dinh dưỡng.

Người mẹ cũng nên tránh không dùng một vài thứ trong khi có thai để tránh ảnh hưởng tới thai nhi. Thí dụ như không uống thuốc Tetracycline để răng con không mang màu vàng xỉn vĩnh viễn.

Và sau khi đứa trẻ chào đời cho tới suốt thời kỳ lớn lên và phát triển, sự vững chắc và toàn vẹn của răng tùy thuộc rất nhiều vào chế độ dinh dưỡng và sự chăm sóc răng miệng.

Răng có thể bị sâu răng, rụng; nha chu (nướu) có thể bị viêm làm tổn thương tới răng.

Sâu Răng

Năm 1986, khi khai quật một ngôi mộ cổ bên Ai Cập, người ta đã thấy một hàm răng có chiếc răng được nhét một mẩu kim loại vào thân răng. Các nhà nghiên cứu suy luận rằng, vị cổ nhân này nhét mẩu kim loại vào răng để ngăn cho con sâu khỏi vào nằm trong đó mà phá răng. Như vậy thì bệnh sâu răng không phải là mới lạ, mà vốn đã xảy ra từ ngàn xưa.

Ngày nay, y khoa học đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến bệnh sâu răng, nêu ra rất rõ ràng về những nguyên nhân gây sâu răng cũng như có nhiều phương thức phòng ngừa hữu hiệu.

1. Diễn tiến sâu răng

Sâu răng là một loại bệnh nhiễm khuẩn. Quan sát các động vật không có vi khuẩn trong miệng đều cho thấy chúng không bị sâu răng.

Trong bệnh này, các sản phẩm chuyển hóa acid hữu cơ sinh ra do tác dụng của vi khuẩn trên thực phẩm dính kẹt trong răng miệng, làm mất dần calcium ở men răng. Từ đó răng bị sói mòn phá hủy dần dần.

Sâu răng có thể xảy ra cho bất cứ răng nào trong miệng cũng như bất cứ phần nào của răng. Răng mới mọc dễ hư hơn răng đã có từ lâu, vì thể khi mới mọc răng sữa hoặc răng thường là phải săn sóc kỹ hơn.

Vi sinh vật trong miệng làm hư răng nhiều nhất là loại Streptococcus Mutans, rồi đến loại Lactobacillus casein và Streptococcus sanguis.

Sâu răng diễn ra như sau:

Sau khi ăn một món thực phẩm nào đó, thì một phần nhỏ thực phẩm dính lại trên răng hoặc giữa các kẽ răng, tạo ra một mảng bựa (plaque). Bựa này là môi trường dinh dưỡng tốt cho vi khuẩn sinh sản. Bựa là hỗn hợp của 70% vi khuẩn và 30% chất đường, acid. Lâu ngày, calcium đóng vào bựa, cứng hơn, bám chặt vào răng và nướu răng. Tại đó, vi khuẩn làm thực phẩm lên men, sinh ra acid lactic. Acid ăn mòn chất bảo vệ men răng, vi khuẩn xâm nhập được vào cấu tạo răng để hủy hoại.

Cao điểm của tác hại là nửa giờ đầu sau khi ăn với mức độ acid lên cao nhất. Diễn tiến này xảy ra rất âm thầm, đôi khi kéo dài cả vài năm và không gây đau đớn gì cho nạn nhân cho tới khi răng hỏng.

2. Dinh dưỡng với sâu răng

Thực phẩm các loại khi kẹt lại trong răng đều bị

vi khuẩn chuyển hóa. Thời gian kẹt lại càng lâu thì lại càng có hại.

Carbohydrat dễ lên men như các loại đường sucrose, fructose, maltose, lactose; mật ong, đường vàng, mật mía; trái cây tươi, khô hoặc đóng hộp; nước ngọt... đều là những món ăn ưa thích của vi khuẩn. Chỉ một chút đường trong bánh kẹo cũng đủ làm cho các món này dính lâu trong miệng, tạo điều kiện thuận lợi cho tác dụng của vi khuẩn.

Quan sát cho thấy người hay dùng chất ngọt bị hư răng nhiều gấp 12 lần người ít dùng. Đường hóa học saccharin, aspartame, cyclamate không làm hư răng; đường xylitol, sorbitol trong rượu không lên men lại được coi như bảo vệ răng.

Chất đạm trong thịt, trứng, cá; chất béo, và loại pho-mát (cheese) có tác dụng bảo vệ răng khỏi sâu.

Chất béo tạo ra một lớp dầu mỏng che răng nên có tác dụng làm giảm tác dụng của đường, làm giảm độ dính của thực phẩm vào răng miệng.

Thực phẩm có nhiều xơ như dưa gang, rau diếp... giúp làm sạch răng và loại bỏ mảng bám vôi.

Thực phẩm không gây sâu răng là loại khi ăn không làm tăng nồng độ acid của nước miếng.

Ăn uống nhiều lần (ăn vặt) trong ngày cũng làm thay đổi độ acid/kiềm của nước miếng và ảnh hưởng tới sự sâu răng. Thí dụ ăn năm cái kẹo một lúc rồi súc miệng thì ít có hại hơn là lai rai ăn số kẹo đó trong ngày. Ăn quà vặt cũng là một nguy cơ sâu răng vì độ acid trong miệng lên cao độ nhiều lần trong ngày.

Cần nhớ là mỗi lần một lượng nhỏ carbohydrat dễ lên men được đưa vào miệng là độ acid trong nước miếng tăng lên cao và ăn mòn men răng.

Thực phẩm ăn xen kẽ cũng có ảnh hưởng tới khả năng gây sâu răng. Thực phẩm gây sâu răng mà ăn xen kẽ với thực phẩm không gây sâu răng thì sẽ tốt hơn. Chuối thường hay dính răng, dễ đưa đến sâu răng, nhưng kèm theo ly sữa thì tác dụng xấu giảm đi. Tráng miệng với miếng bánh ga-tô dính răng mà sau đó lại nhai miếng pho mát Thụy Sĩ thì miệng sạch mau hơn. Sữa có nhiều calcium, phosphore nên có tác dụng trung hòa với thực phẩm dễ gây sâu răng, như đường.

Dạng lỏng hay đặc của thực phẩm cũng là một yếu tố quan trọng.

Thực phẩm lỏng rời miệng mau hơn món ăn đặc nên độ acid cũng thấp hơn. Một cục kẹo cứng ngậm trong miệng cho tan dần tạo ra môi trường thuận lợi cho vi sinh vật. Kẹo cao su không đường nhai lâu làm tăng nước miếng và rửa sạch răng. Ngô rang có nhiều chất xơ, ít carbohydrat lên men nên cũng tốt cho răng.

Nước bọt có vai trò quan trọng trong sự tiêu hóa cũng như bảo vệ răng. Có ba tuyến nước miếng là tuyến mang tai, tuyến dưới lưỡi và tuyến dưới hàm.

Nước bọt có tính kiềm mà nhiệm vụ chính là giữ độ ẩm cho miệng, giúp tiêu hóa thực phẩm, giảm thay đổi acid trong miệng và tiêu hóa tinh bột. Nước bọt có nhiều calcium và phosphore cho nên sẽ trung hòa acid do vi khuẩn tạo ra. Sự nhai làm tăng nước bọt. Ngửi hoặc nhìn thấy món ăn ngon thơm cũng làm chảy nước miếng.

Sự tiết nước miếng giảm trong khi ngủ cho nên miệng thường khô, và cũng giảm trong một vài chứng bệnh hoặc do tác dụng của vài dược phẩm như thuốc trị kinh phong, trầm cảm, dị ứng, cao

huyết áp, thuốc có chất á phen, các tia phóng xạ trị liệu.

3. Phòng ngừa sâu răng

Sâu răng có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, nhứt là khi còn thơ ấu. Sự chăm sóc những răng sữa liên quan đặc biệt tới sự tăng trưởng của hàm răng khôn sau này. Răng sữa giúp trẻ nhai thực phẩm, giữ cho hàm ở vị trí tốt cho răng vĩnh viễn. Răng tạm thời mà rụng sớm thì khoảng trống sẽ bị các răng khác lấp vào và choán chỗ của răng khôn. Răng sữa có thể bị hư khi mới hai tuổi, vì thế cha mẹ cần lưu ý chăm sóc răng cho con.

Về dinh dưỡng, thì nên cẩn thận với thực phẩm có nhiều đường ngọt.

Mặc dù đường ngọt đã được chứng minh là nguy cơ số một gây sâu răng, nhưng khuyến hướng chung của chúng ta vẫn là thích các món ăn ngọt. Khuyến hướng này đặc biệt nguy hiểm ở trẻ em đang độ tuổi phát triển, khi chưa có được ý thức tự bảo vệ trong việc chọn lựa món ăn tốt cho sức khỏe.

Nhiều bà mẹ dùng viên kẹo ngọt để khen thưởng con. Nhiều người cho con bú bình nước pha với đường, thay cho sữa. Có bà mẹ lại nhúng cái núm vú cao su vào mật ong rồi cho con ngậm. Tất cả đều là nguyên nhân dễ dàng làm hỏng những chiếc răng non.

Khi ngủ, không nên cho ngậm bình sữa, vì có thể trẻ không nuốt hết, sữa đọng trong miệng và là môi trường tốt cho vi khuẩn. Có thể cho bé ngậm núm giả hoặc ngậm bình nước lã.

Ngoài việc sữa mẹ có nhiều bổ dưỡng, con hút núm vú mẹ còn giúp hàm răng ngay ngắn hơn.

Trẻ em cần ăn uống đầy đủ, đa dạng với đầy đủ calcium, phosphore để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của răng. Fluoride, một hóa chất ngăn ngừa sâu răng rất công hiệu, cũng cần được hiện diện trong thực phẩm, nước uống.

Cha mẹ cần hướng dẫn trẻ em trong việc giữ gìn vệ sinh răng, cách dùng bàn chải, giấy cọ răng (flossing). Bàn chải nên thay mới khi không còn bảo đảm làm sạch răng, và cần được thường xuyên rửa kỹ để loại bỏ thực phẩm cũng như vi khuẩn dính vào.

Vệ sinh răng - miệng, nói chung, gồm có:

- Đánh răng mỗi ngày hai lần, nhất là sau bữa ăn.
- Súc miệng sau khi ăn hoặc uống;
- Nhai kẹo cao su không đường trong 15 phút sau bữa ăn để nước miếng ra nhiều;
- Cọ khe răng mỗi ngày hai lần;
- Dùng kem đánh răng có fluoride;
- Súc miệng bằng dung dịch chloroxidine;
- Bớt ăn thực phẩm ngọt hoặc có nhiều carbohydrate dễ lên men.

Bác sĩ Nha Khoa Jeffrey Hillman của Đại Học Florida đang nghiên cứu thay đổi biến dị của vi khuẩn *Streptococcus mutans* khiến chúng không còn khả năng gây sâu răng nữa.

Ngoài ra, các khoa học gia hiện đang tìm kiếm loại vaccin để ngăn ngừa sâu răng.

Hy vọng trong tương lai gần, vaccin này sẽ được bào chế để người người có hàm răng đều đặn trắng bóng hoặc "Răng đen nhi nhí, ông Lý cũng khen".